BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

-----✍📖✍-----

BÙI THỊ OANH

SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

-----✍📖✍-----

BÙI THỊ OANH

SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Chuyên ngành: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử
Mã số: 62.14.01.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Viết Lưu**
TS. Nguyễn Văn Ninh

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các kết quả, số liệu trình bày trong luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Bùi Thị Oanh

LỜI CẢM ƠN

Luận án được hoàn thành tại Bộ môn Phương pháp dạy học lịch sử, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã nhận được những sự giúp đỡ vô cùng quý báu của các tập thể và cá nhân.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các thầy hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Viết Lưu và TS. Nguyễn Văn Ninh** đã tận tâm giúp đỡ, hướng dẫn tôi trong quá trình nghiên cứu, thực hiện đề tài. Tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới PGS.TS. Trịnh Đình Tùng, GS.TS. Nguyễn Thị Côi…đã gợi ý cho tôi những ý tưởng quý báu trong quá trình thực hiện đề tài này.

Tôi xin chân thành cảm ơn tập thể Bộ môn Phương pháp dạy học lịch sử, Khoa Lịch sử, Phòng sau đại học, Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo mọi điều kiện cho tôi học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi chân thành cảm ơn Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lãnh đạo cơ quan Thanh tra, Ban Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa đã tạo điều kiện về thời gian, động viên, chia sẻ, cung cấp những tư liệu để tôi cập nhật được những thông tin mới để hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, các thầy (cô) giáo, các em học sinh ở trường THPT tham gia vào quá trình khảo sát và thực nghiệm sư phạm, các giáo viên đã gửi ý kiến đóng góp để luận án được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn đồng nghiệp, gia đình và bạn bè đã luôn động viên, khuyến khích tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tác giả luận án

Bùi Thị Oanh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 4
4. Cở sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5
5. Giả thuyết khoa học 6
6. Đóng góp của luận án 6
7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài 7
8. Cấu trúc của luận án 7
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI 8
1.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA CỦA CÁC TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI 8
1.1.1. Trong lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học *8*
1.1.2. Trong lĩnh vực giáo dục lịch sử *11*
1.2. TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ SÁCH GIÁO KHOA VÀ SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA Ở TRONG NƯỚC 13
1.2.1. Trong lĩnh vực nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học *13*
1.2.2. Trong nghiên cứu dạy học lịch sử *18*
1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN, MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TIẾP TỤC CẦN NGHIÊN CỨU 23
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH 27
2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN 27
2.1.1. Những vấn đề chung về sách giáo khoa, sách giáo khoa Lịch sử *27*
2.1.2. Vấn đề phát triển năng lực học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT *36*
2.1.3. Sử dụng sách giáo khoa Lịch sử theo hướng phát triển năng lực học tập cho học sinh*45*

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN 51

2.2.1. Thực tiễn việc sử dụng sách giáo khoa Lịch sử ở một số nước trên thế giới *51*

2.2.2. Thực tiễn việc dạy học lịch sử ở trường THPT *56*

2.2.3. Thực tiễn của việc sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử ở trường THPT *59*

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 65

CHƯƠNG 3: CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC 67

LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH (Thực nghiệm sư phạm qua dạy học lớp 11 - Chương trình chuẩn) 67

3.1. MỘT SỐ YÊU CẦU KHI XÁC ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH 67

3.1.1. Quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học *67*

3.1.2. Khai thác tổng hợp và hiệu quả các thành tố trong nội dung sách giáo khoa *68*

3.1.3. Phát triển một số kỹ năng cơ bản theo đặc trưng môn học để phát huy tính tích cực học tập của học sinh *70*

3.1.4. Các biện pháp sử dụng sách giáo khoa phải linh hoạt, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh *72*

3.2. CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH ... 72

3.2.1. Nhóm biện pháp sử dụng sách giáo khoa Lịch sử trong việc chuẩn bị bài học của giáo viên *73*

3.2.2. Nhóm biện pháp sử dụng sách giáo khoa Lịch sử ở trên lớp *88*

3.2.3. Nhóm biện pháp hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa Lịch sử ngoài giờ lên lớp *101*

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 109

CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM TOÀN PHẦN 111

4.1. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN, THỜI GIAN, GIÁO VIÊN DẠY THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM TOÀN PHẦN 111

4.1.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm toàn phần *111*

4.1.2. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực nghiệm sư phạm toàn phần *112*
4.1.3. GV dạy thực nghiệm sư phạm toàn phần *112*
4.2. PHƯƠNG PHÁP THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM TOÀN PHẦN VÀ QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ 113
4.2.1. Phương pháp thực nghiệm sư phạm toàn phần *113*
4.2.2. Quá trình chuẩn bị thực nghiệm sư phạm toàn phần *114*
4.3. GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM 115
4.3.1. Giáo án thực nghiệm 1 ..... *115*
4.3.2. Giáo án thực nghiệm 2 ..... *122*
4.4. TIẾN HÀNH THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 128
4.4.1. Kiểm tra bài cũ *128*
4.4.2. Giới thiệu bài mới và xác định mục tiêu bài học *130*
4.4.3. Tổ chức hoạt động nghiên cứu kiến thức mới *131*
4.4.4. Kết thúc bài học *134*
4.5. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM 134
4.5.1. Tổng hợp và đánh giá kết quả thực nghiệm *134*
4.5.2. Tổng hợp ý kiến đánh giá của giáo viên và học sinh *140*
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4 142
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 143
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ 146
TÀI LIỆU THAM KHẢO 147
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Đọc là
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	DH	Dạy học
3	DHLS	Dạy học lịch sử
4	ĐC	Đối chứng
5	ĐHSP	Đại học Sư phạm
6	ĐHQG	Đại học Quốc gia
7	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
8	GV	Giáo viên
9	HS	Học sinh
10	NL	Năng lực
11	NXB	Nhà xuất bản
12	PPDH	Phương pháp dạy học
13	SGK	Sách giáo khoa
14	THCS	Trung học cơ sở
15	THPT	Trung học phổ thông
16	TK	Thế kỉ
17	TN	Thực nghiệm
18	tr.	Trang

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Bảng biểu hiện các NL chung của HS trong dạy học môn LS 40
Bảng 3.1. Kết quả TN từng phần biện pháp sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học..... 81
Bảng 3.2. Kết quả đánh giá biện pháp sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản 83
Bảng 3.3. Kết quả đánh giá biện pháp sử dụng SGK để lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp 85
Bảng 3.4. Kết quả đánh giá biện pháp sử dụng SGK để thiết kế hoạt động dạy học tìm tòi, khám phá và trải nghiệm tri thức lịch sử 88
Bảng 3.5. HS vận dụng phương pháp đọc KWL trong việc xác định mục tiêu học tập 91
Bảng 3.6. Kết quả TN từng phần biện pháp tổ chức HS đọc hiệu quả bài viết SGK 934
Bảng 3.7. Kết quả TN từng phần biện pháp hướng dẫn HS khai thác kiến thức từ kênh hình SGK 100
Bảng 3.8. Kết quả TN từng phần biện pháp hướng dẫn HS trả lời câu hỏi, bài tập SGK..... 100
Bảng 3.9. Kết quả TN từng phần biện pháp: Hướng dẫn HS đọc trước SGK để chuẩn bị cho bài mới 104
Bảng 3.10. Kết quả TN từng phần biện pháp: Hướng dẫn HS sử dụng SGK để sưu tầm tư liệu học tập..... 106
Bảng 3.11. Bảng so sánh hai xu hướng cứu nước bạo động và cải cách 108
Bảng 3.12. Kết quả TN từng phần biện pháp hướng dẫn HS sử dụng SGK làm bài tập về nhà 109
Bảng 4.1 . Danh sách GV tiến hành TN sư phạm 113
Bảng 4.2. Thống kê điểm số kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần bài 17 (tiết 1) 135
Bảng 4.3. Thống kê điểm số kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần bài 23 136
Bảng 4.4. Bảng tổng hợp kết quả thực nghiệm toàn phần bài 17 (tiết 1) 138
Bảng 4.5. Bảng tổng hợp kết quả thực nghiệm toàn phần bài 23 139
Bảng 4.6. Bảng giá trị t và t_α nhóm TN và ĐC bài 17 (tiết 1) 140
Bảng 4.7. Bảng giá trị t và t_α nhóm TN và ĐC bài 23 140

DANH MỤC HÌNH, SƠ ĐỒ, ĐỒ THỊ

1. HÌNH

Hình 3.1. Minh hoạ TN từng phần đọc SGK để xác định mục tiêu học tập 92
Hình 3.2. Minh hoạ cho biện pháp khai thác kiến thức kênh hình trong SGK 97
Hình 3.3. Các bước làm bài tập về nhà của HS 106
Hình 4.1 Kênh hình minh hoạ TN toàn phần bài 17 (tiết 1) 132
Hình 4.2 Kênh hình minh hoạ TN toàn phần bài 23 133

2. SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ về mối liên hệ giữa SGK với các thành tố liên quan trong quá trình chuyển hóa sư phạm 30
Sơ đồ 2.2. Các thành tố thể hiện NL học sinh trong quá trình học tập 39
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ Đai - ri 81
Sơ đồ 3.2. Sơ đồ xác định mối quan hệ kiến thức dạy-học với bài viết SGK 82

3. ĐỒ THỊ

Đồ thị 4.1. Đồ thị tần số điểm tại giá trị điểm số của lớp TN và lớp ĐC bài 17 (tiết 1) 138
Đồ thị 4.2. Đồ thị tần số điểm tại giá trị điểm số của lớp TN và lớp ĐC bài 23 141

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Giáo dục có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Bởi giáo dục đào tạo ra nguồn nhân lực với đầy đủ phẩm chất, năng lực (NL) đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Giáo dục chính là một yếu tố động mà các mục tiêu, nội dung và phương pháp của nó luôn có sự thay đổi để đáp ứng nhu cầu phát triển, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử khác nhau của đất nước.

Thực tế cho thấy, Việt Nam hiện nay đang đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế với rất nhiều thời cơ nhưng cũng không ít thách thức. Làm thế nào đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại? Làm thế nào để đẩy mạnh có hiệu quả quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao NL hợp tác và cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn, nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, xây dựng xã hội ngày càng dân chủ, công bằng, văn minh hơn, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia? Những yêu cầu của hoàn cảnh mới này đã dẫn tới sự thay đổi về mục tiêu giáo dục nhằm*: "Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và NL của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* [78;tr.12]. Để thực hiện mục tiêu trên thì nền giáo dục cần phải đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: *"Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* [33;tr.18].

Đối với giáo dục phổ thông, Nghị quyết 29 đã đề ra nhiệm vụ phải *"tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo*

dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, NL và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời" [76;tr.264]. Nói cách khác, nhiệm vụ cốt lõi của việc đổi mới căn bản và toàn diện là chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện NL và phẩm chất người học. Thực hiện tinh thần của Nghị quyết 29, các trường phổ thông trên khắp cả nước đang có sự đổi mới trên nhiều phương diện nhằm phát triển toàn diện NL và phẩm chất người học như: Đổi mới về nội dung, chương trình học tập, phương pháp giảng dạy của giáo viên (GV) và học tập của HS…trong đó một vấn đề đang được thu hút được sự quan tâm nhiều của GV đó là đổi mới biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS. Có thể nói, việc chuyển từ việc sử dụng SGK để truyền thụ kiến thức sang sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng góp phần đổi mới toàn diện nền giáo dục, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước.

1.2. Môn Lịch sử trong trường trung học phổ thông (THPT) là một trong những môn học cơ bản, có vai trò và chức năng quan trọng trong hệ thống chương trình giáo dục phổ thông. Đây là môn học có ưu thế trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo, đặc biệt là giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, góp phần hình thành và phát triển phẩm chất và NL công dân Việt Nam. Để đáp ứng mục tiêu đào tạo, bản thân bộ môn này cũng cần phải có sự đổi mới về phương pháp dạy học, trong đó có phương pháp sử dụng sách giáo khoa (SGK). Song việc sử dụng SGK trong quá trình dạy học lịch sử (DHLS) hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, có nhiều nội dung cần phải giải quyết. Đối với GV, việc sử dụng SGK còn chưa đem lại hiệu quả cao, dạy học chủ yếu là tóm tắt lại SGK hoặc là thoát ly SGK. Đối với HS, phần lớn các em mới chỉ dừng lại ở mức độ theo dõi bài viết SGK. HS chưa hiểu được tác dụng của kênh hình đối với kênh chữ, chưa biết khai thác sử dụng phần cơ chế sư phạm...Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu bức thiết là phải sử dụng SGK như thế nào để môn học này khơi gợi được niềm say mê hứng thú đối với các em, để chất

lượng dạy và học lịch sử được nâng cao. Thực hiện luận án, chúng tôi muốn trả lời cho câu hỏi này bằng cách đưa ra một biện pháp sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL của HS - một xu hướng sử dụng SGK đang được nhiều nước trên thế giới quan tâm.

1.3. Với mục tiêu chuyển quá trình dạy học từ tiếp cận nội dung sang dạy học theo hướng phát triển NL, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đang tập trung triển khai Đề án đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông ban hành năm 2015, lộ trình thực hiện từ năm học 2018 - 2019. Chủ trương đổi mới chương trình, SGK được xác định rõ: "*Nội dung giáo dục phổ thông tinh giản, hiện đại, thiết thực, hài hoà đức, trí, thể , mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở các lớp dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp của HS. Giáo dục cơ bản đảm bảo trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở. Giáo dục định hướng nghề nghiệp bảo đảm HS tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng*" [12;tr.3]. Trong quá trình đổi mới đó, bộ môn Lịch sử đã nhận được sự quan tâm lớn của giới chuyên môn và xã hội. Đặc biệt, Quốc hội đã ra nghị quyết ngày 27/11/2015 nêu ra chủ trương tiếp tục giữ môn học Lịch sử trong chương trình SGK mới. Trên cơ sở những chủ trương đổi mới trên, một yêu cầu tất yếu được đặt ra là cần làm sáng tỏ vấn đề lý luận sử dụng SGK theo hướng phát triển NL và xác định các biện pháp để phát triển NL cho HS trong DHLS. Qua việc thực hiện đề tài, chúng tôi hy vọng sẽ góp phần tìm kiếm những biện pháp để nâng cao chất lượng dạy và học lịch sử ở trường phổ thông.

Xuất phát từ những lí do nêu trên, chúng tôi lựa chọn vấn đề ***"Sử dụng SGK trong DHLS ở trường THPT theo hướng phát triển NL học tập của HS*** *(Thực nghiệm sư phạm qua dạy học lớp 11 - Chương trình chuẩn)*" làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quá trình sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS trong DHLS ở trường THPT. Chủ thể sử dụng SGK là GV và HS với mối quan hệ tương tác sư phạm.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là vấn đề sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS trường THPT trong quá trình DHLS ở trên lớp và ở nhà qua dạy học lớp 11 (*Chương trình chuẩn*).

Luận án không đi vào nghiên cứu việc biên soạn chương trình, SGK, đánh giá kiểm định SGK mà tập trung nghiên cứu lý luận, thực tiễn của việc sử dụng SGK. Trên cơ đó đề xuất một số biện pháp phù hợp có thể thực hiện được trong điều kiện ở các trường THPT hiện nay nhằm phát triển NL của HS.

Về điều tra thực tế: Tiến hành điều tra thực tế việc sử dụng SGK Lịch sử của GV và HS ở trường THPT của một số địa phương có tính đại diện chọn mẫu vùng, miền thuộc Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Về thực nghiệm (TN) sư phạm: Nội dung thực nghiệm là SGK Lịch sử lớp 11 (*Chương trình chuẩn*). Chúng tôi lựa chọn theo mẫu đại diện ở một số trường THPT thuộc các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS, đề tài xác định hệ thống các NL bộ môn của HS, những yêu cầu khi sử dụng SGK trong DHLS ở trường phổ thông, tập trung đề xuất các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL, từ đó góp phần nâng cao chất lượng DHLS ở trường THPT.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, tìm hiểu một số vấn đề lý luận cơ bản về SGK, cơ chế sư phạm của SGK trong mối tương quan với chương trình môn học, cấu trúc, vai trò, chức năng của SGK Lịch sử, vấn đề sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL học tập của HS, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

Hai là, đánh giá đúng tình hình việc sử dụng SGK trong DHLS ở trường THPT hiện nay, phát hiện được những ưu điểm và nhược điểm trong việc sử dụng SGK đối với GV và HS, phân tích nguyên nhân của thực trạng việc sử dụng SGK Lịch sử ở trường THPT.

Ba là, đề xuất một số biện pháp chủ yếu về sử dụng SGK cho cả GV và HS trong quá trình DHLS ở trường phổ thông theo hướng phát triển NL học tập của HS; trong đó thể hiện rõ vai trò định hướng, tổ chức, tư vấn của GV, vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của HS.

Bốn là, thiết kế một số bài học theo những đề xuất của luận án và tiến hành TN sư phạm ở một số trường THPT để khẳng định tính khả thi của các biện pháp đưa ra.

4. Cở sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của đề tài là quan điểm của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục. Trong đó, chủ yếu và sát thực là những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Căn cứ vào những nguyên tắc của nghiên cứu khoa học nói chung và đặc trưng của bộ môn cũng như nội dung, tính chất của đề tài, chúng tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục sau:

- Phương pháp điều tra, khảo sát (bằng phiếu hỏi, phỏng vấn chuyên gia) để đánh giá thực tiễn việc sử dụng SGK trong DHLS ở trường THPT và việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS THPT.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu về giáo dục học, tâm lý học, DHLS; về vấn đề NL, NL học tập, phát triển NL học tập của HS; SGK và việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL người học; nghiên cứu ý tưởng đổi mới chương trình, SGK Lịch sử ở trường THPT hiện nay.

- Phương pháp TN sư phạm: Thiết kế bài học TN và tiến hành TN ở một số trường THPT được lựa chọn có tính đại diện theo mẫu để kiểm chứng các biện pháp sư phạm. Phân tích, so sánh những ưu điểm của biện pháp sử dụng SGK trước và sau TN.

- Phương pháp phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu điều tra thực tiễn và kết quả TN sư phạm.

5. Giả thuyết khoa học

Nếu GV và HS vận dụng những biện pháp sử dụng SGK theo ý tưởng sư phạm mới, bảo đảm những yêu cầu chuyên môn mà luận án đề xuất thì sẽ phát triển được NL của HS trong quá trình DHLS; góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy của GV, phương pháp học tập của HS, nâng cao chất lượng bộ môn Lịch sử ở trường THPT.

6. Đóng góp của luận án

- Khái quát được một số vấn đề cơ bản của lý luận về sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL của HS gắn với quá trình đổi mới phương pháp DHLS hiện nay ở các trường THPT.

- Khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS đối với nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

- Đánh giá đúng thực tiễn sử dụng SGK hiện hành trong DHLS ở trường THPT.

- Xác định được các NL bộ môn cần hình thành và phát triển cho HS trong DHLS ở trường phổ thông.

- Đề xuất được những yêu cầu cũng như biện pháp sử dụng SGK trong DHLS ở trường THPT theo hướng phát triển NL của HS.

- Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền về những đề xuất có thể triển khai trong quá trình đổi mới chương trình, SGK Lịch sử THPT sau năm 2015.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

7.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần làm phong phú thêm lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử về việc sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL học tập của HS.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu giúp GV môn Lịch sử ở trường THPT hiểu sâu sắc hơn và biết vận dụng các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng bộ môn.

- Với những kết quả nghiên cứu mới, luận án sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích sử dụng trong nghiên cứu và học tập cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường Sư phạm chuyên ngành Phương pháp DHLS.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Nội dung luận án có bố cục gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực học tập của học sinh.

Chương 3: Các biện pháp sư phạm sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực của học sinh (*Thực nghiệm sư phạm qua dạy học lớp 11 - Chương trình chuẩn*).

Chương 4: Thực nghiệm sư phạm toàn phần.

CHƯƠNG 1:
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Nhà giáo dục Nga, A.I.Ghecxen ở TK XIX đã quan niệm sách có ảnh hưởng to lớn đối với sự giáo dục và phát triển của con người, *"không đọc sách thì không có sự giáo dục chân chính, không có cả thị hiếu, cả văn chương, cả tầm hiểu biết toàn diện sâu rộng. Nhờ đọc sách con người có thể sống qua các thế kỷ"* [42;tr.35]. Ý nghĩa to lớn đó của sách nói chung và SGK nói riêng đã giải thích vì sao chúng là đối tượng được các học giả dày công nghiên cứu từ rất sớm. Mặc dù SGK đã xuất hiện từ cuối thời kỳ cận đại, tạo nên bước ngoặt quan trọng đối với sự tiến bộ giáo dục của nhân loại song phải từ những năm 20 của thế kỷ XX, SGK mới thực sự thu hút nhiều quan tâm của các nhà nghiên cứu. Cho đến nay, cùng với chương trình, SGK trở thành vấn đề nghiên cứu đặc biệt quan trọng của của mọi nền giáo dục trên thế giới.

1.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA CỦA CÁC TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI

1.1.1. Trong lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học

Khi nói đến những nghiên cứu về SGK không thể không nhắc đến những công trình giáo dục học và lý luận dạy học Xô-viết trước đây. Đó là những công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

B.P. Exipôp trong giáo trình *"Những cơ sở của lý luận dạy học, tập II"* (NXB giáo dục, Hà Nội, 1971) đã đề cập đến ý nghĩa của việc đọc sách ngoài giờ lên lớp, ý nghĩa của việc làm việc với tranh minh họa trong sách giúp HS hiểu sâu hơn và lĩnh hội rành mạch, vững chắc nội dung của lời văn tranh minh họa tạo ra ở HS những biểu tượng nhất định. Tác giả cũng đề cập đến yêu cầu làm việc với SGK đòi hỏi một sự kết hợp đúng đắn giữa sự chỉ đạo của GV và tính tự lập của HS.

Năm 1976, cuốn sách *"Phát triển tư duy HS"* của tập thể tác giả M.Alêchxêep, V.Onhisuc, M.Cruglinac, V.Zabotin, X.Vacxcle đã chỉ ra mối quan hệ giữa tri thức và tư duy. Các tác giả cho rằng, kiến thức cơ bản có trong SGK

chính là nền tảng cho việc phát triển tư duy tích cực của HS dưới sự hướng dẫn của GV để phân tích và khái quát tài liệu có nội dung sự kiện cụ thể và rút ra được những kết luận cần thiết đối với một bài học.

Trong cuốn "*Dạy học nêu vấn đề"* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1977*)*, I.Ia.Lecne cũng quan tâm đến vấn đề SGK nhưng từ góc nhìn của dạy học nêu vấn đề. Theo Lecne, SGK dùng cho nhà trường cũng phải giữ một vai trò nhất định, một mặt trong việc áp dụng dạy học nêu vấn đề vào thực hành, mặt khác trong việc thúc đẩy nâng cao trình độ GV. Trong SGK cần tăng thêm tỷ trọng trình bày theo kiểu nêu vấn đề…Có thể tăng cường tính nêu vấn đề của các SGK bằng cách nêu đầu chương hay mục những vấn đề mà lời giải đỏi hỏi phải liên hệ các mục trước với các mục sau hoặc đòi hỏi phải dự kiến phần nào nội dung các mục sau. Số lượng các câu hỏi nhằm nhớ lại (tái hiện) ở cuối mỗi mục có thể rút bớt đi, để tăng số lượng các bài toán có mục đó. Tính chất và số lượng các bài làm, tính đa dạng của các bài làm về mức độ phức tạp phải đảm bảo khả năng cá biệt hóa quá trình học tập trong giờ học và trong các bài học ở nhà.

T.A.Ilina trong giáo trình "*Giáo dục học"* (NXB Giáo dục, 1979) đã đề cập đến các phương pháp làm việc với SGK. Tác giả đã khái quát quá trình làm việc của HS với SGK thành quy tắc như sau: Xem những điều ghi chép trong khi GV kể chuyện trong giờ học (viết các công thức, dàn ý, định nghĩa…) đồng thời nhớ lại những lời giảng dạy của GV, nếu tài liệu không giảng trong lớp thì đọc tất cả tài liệu cần đọc trong SGK nhằm mục đích nắm toàn bộ nội dung (chưa dừng lại ở những chỗ khó); đọc lại để phân tích những chỗ khó, những từ, những cách phát biểu, những công thức, lập dàn ý để nói lại điều đã đọc; đọc từng phần theo dàn ý và nếu cần thì nói to lại từng phần và sau cùng là nói lại tất cả tài liệu dựa trên dàn ý đã được xây dựng. Sau khi đã nắm vững tài liệu lý thuyết, HS bắt tay vào làm các bài tập viết. Ilina (1973) đề xuất cách thức hướng dẫn HS đọc SGK, đọc theo dàn ý và câu hỏi của GV, sau đó HS làm việc với SGK một cách hoàn toàn độc lập, đọc và tự ghi chép theo dàn ý, làm đề cương và ghi tóm tắt. Đối với tài liệu tham khảo,

GV hướng dẫn HS đọc lần lượt toàn bộ nội dung cuốn sách, đọc nghiên cứu theo đề tài hoặc đọc từng phần theo cuốn sách theo nhiệm vụ học tập.

L.F.Khalamôp trong cuốn *"Phát huy tính tích cực học tập của HS như thế nào"* tập II (NXB Giáo dục, 1979) đã cho rằng việc sử dụng SGK và các tài liệu học tập giữ một vị trí đáng kể trong việc nắm vững kiến thức nói chung và trong việc phát huy tính tích cực hoạt động trí tuệ của HS nói riêng. Thông qua việc tóm lược quan điểm của các nhà nghiên cứu về SGK, tác giả đã chỉ ra bản chất của việc sử dụng SGK và đề xuất những yêu cầu cơ bản cần đảm bảo khi tổ chức làm việc với SGK trong quá trình lên lớp. *"Sách, tài liệu học tập và tài liệu khoa học là nguồn vô tận các kiến thức nhiều mặt, là phương tiện quan trọng để nhận thức thế giới xung quanh"* [53;tr.55]. Trong đó, SGK là *"một trong những nguồn kiến thức quan trọng đối với HS. Song nó cũng có tác động như một phương tiện hiệu nghiệm để củng cố tài liệu học tập và phát huy tính tích cực trong hoạt động trí tuệ của HS"* [53;tr.35].

Trong cuốn "*Tự học như thế nào?"* (NXB Thanh niên, 1982) Rubakin đặc biệt quan tâm đến việc phát triển NL tự học cho người học. Theo tác giả, *"việc giáo dục động cơ đúng đắn là điều kiện cơ bản để để bạn tích cực chủ động trong tự học"* [95;tr.37], "*hãy mạnh dạn tự mình đặt ra câu hỏi rồi tự mình tìm lấy câu trả lời đó là phương pháp tự học"* [95;tr.7]. Tác giả cũng cho rằng: *"Tự học không chỉ là xem sách mà phải biết so sánh cái viết trong sách với thực tế cuộc sống, biết so sánh cái khoa học với cái không khoa học, biết liên hệ giữa các môn khoa học…"* [95;tr.6].

Các nhà giáo dục phương Tây đã có nhiều nghiên cứu về SGK, trong đó đề cập đến một số kĩ năng sử dụng SGK. Các cuốn *"Study skills for successful students*" (Kỹ năng học tập để thành công) của Fred Orr (1992), *"Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo*" của Tsunesaburo Makiguchi (NXB Trẻ Thành phố HCM, 1994) *"Improving your study skills*" (Phát triển các kĩ năng học tập) của Conrad Lashley, Cassell (1995),…Tác giả Fred Orr (1992) đề cập chủ yếu đến kĩ năng nghe giảng, ghi chép, đọc hiệu quả và kĩ năng nghiên cứu thư viện. Để rèn luyện kĩ năng đọc cho HS, tác giả giới thiệu kĩ thuật SQ3R (Survey, Question, Read, Recite, Recall),

khảo sát bài đọc, đặt câu hỏi, đọc, đọc thuộc lòng và nhớ lại. Nhóm tác giả Conrad Lashley và Cassell (1995) nghiên cứu việc dạy cho HS cách sử dụng thời gian và nỗ lực học tập một cách hiệu quả nhất, bằng cách phát triển một loạt các kỹ thuật cơ bản, đơn giản để tổ chức thời gian học, đọc, ghi chép, thu thập thông tin, thuyết trình, bài luận và viết báo cáo, chuẩn bị cho kì thi…

Bộ sách 6 tập về *"Đổi mới phương pháp dạy học"* của tổ chức Hiệp hội Giám sát và Xây dựng Chương trình (ASCD) của Mĩ được NXB Giáo dục Việt Nam phát hành năm 2011 đã đề cập cụ thể các phương pháp giảng dạy hiệu quả. Nhóm tác giả Marzano, Debrra J. Pickering, Jane E. Pollock với cuốn "*Các phương pháp giảng dạy hiệu quả"* đã tổng kết kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu lý thuyết, từ đó tập trung phân tích các phương pháp đem lại hiệu quả dạy học. Đó là các phương pháp như nhận ra sự giống và khác nhau, tóm tắt ghi ý chính, phương pháp khích lệ học tập và ghi nhận những cố gắng…Các tác giả trên cũng chỉ cho GV cách phát huy cao độ NL học tập nói chung của HS, qua đó nâng cao chất lượng học tập. Với cuốn "*Đa trí tuệ trong lớp học*", tác giả Thomas Armstrong lại chỉ rõ tiềm năng của con người trong 8 loại trí tuệ: Trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ lôgic - toán học, trí tuệ không gian, trí tuệ hình thể động năng, trí tuệ âm nhạc, trí tuệ giao tiếp, trí tuệ nội tâm, trí tuệ tự nhiên học. Từ đó, tác giả định hướng cho GV trong quá trình dạy học phải coi trọng và phát huy sự đa dạng trí tuệ của HS, khơi gợi tiềm năng sáng tạo, NL của người học. Những công trình nghiên cứu trên đã xác định những căn cứ, định hướng đổi mới phương pháp dạy học khi sử dụng SGK một cách có hiệu quả trong phát huy NL HS.

1.1.2. Trong lĩnh vực giáo dục lịch sử

SGK Lịch sử là một vấn đề nghiên cứu quan trọng của các nhà giáo dục lịch sử. Tiêu biểu nhất phải kể đến công trình *"Chuẩn bị giờ học lịch sử như thế nào?"* của N.G.Đai-ri (Đặng Bích Hà, Nguyễn Cao Lũy dịch, NXB Giáo dục, 1973). Theo Đai-ri, một trong những nhân tố có tác dụng làm cho giờ học lịch sử có hiệu quả chính là việc sử dụng SGK. Vì vậy, tác giả đưa ra sơ đồ sử dụng SGK nhằm giải quyết mối tương quan giữa nội dung bài giảng của GV và nội dung của SGK trong

một giờ học. Với Đai-ri, *"bài giảng trên lớp không phải giống hệt như bài đọc của SGK. Thế nhưng mặt khác, nhất thiết nó lại phải bao gồm một phần nào đó của tài liệu trong sách"* [34;tr.18]. Những lập luận của Đai-ri trong công trình này thực sự có ý nghĩa to lớn đối với ý tưởng nghiên cứu của chúng tôi trong luận án này. Bởi nó là gợi ý để tác giả luận án đưa ra nhóm biện pháp sử dụng SGK trong việc chuẩn bị bài học của GV: Sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học, xác định mục tiêu nhận thức, mục tiêu kĩ năng, mục tiêu thái độ…cần rèn luyện cho người học từ đó nâng cao NL học tập của HS.

Cùng quan điểm với Đai-ri, nhà nghiên cứu phương pháp dạy học của Liên Xô trước đây - A.A.Vaghin trong cuốn *"Phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông"* (Hoàng Trung dịch năm 1978, ĐHSP Hà Nội) đã trình bày các biện pháp nâng cao chất lượng DHLS như tầm quan trọng của đồ dùng trực quan, ý nghĩa của việc sử dụng SGK và tài liệu lịch sử.

Tác giả M.B. Kôrôkôva, M.T. Studennhikin (1999) trong cuốn "*Phương pháp dạy học lịch sử qua sơ đồ, bảng biểu và hình vẽ"* cho rằng việc giảng dạy lịch sử của GV phải chú ý tới các NL của HS như NL tái hiện và tái tạo lại các biểu tượng lịch sử, NL phân tích, xử lí các nguồn thông tin; NL tư duy lôgic, tư duy niên đại với các nguồn tư liệu lịch sử; NL sơ đồ hóa; NL đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử…

SGK Lịch sử tiếp tục được nghiên cứu trong luận án tiến sĩ với nhan đề *"SGK Lịch sử Nga cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI ở Nga"* của Aleksei Orlovsky Yakovlevich năm 2002. Theo tác giả thì SGK là nơi chuyển tải không chỉ nội dung mà cả hệ thống các phương pháp đào tạo. Nó là một phương tiện để tổ chức quá trình giáo dục trong việc giáo dục công dân và giáo dục lòng yêu nước, yêu quê hương của mình.

M.T. Studennhikin (2007) trong cuốn "*Công nghệ hiện đại trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông"* cho rằng, nhiệm vụ quan trọng của quá trình dạy học không chỉ đơn thuần là việc mở rộng kiến thức lịch sử mà quan trọng hơn là việc hình thành

các kĩ năng và phẩm chất cá nhân của người học…các kĩ năng gắn liền với việc phân tích và kiến giải các sự kiện, hiện tượng lịch sử…

Những công trình nghiên cứu của A.A.Vaghin, M.B. Kôrôkôva, M.T. Studennhikin đã cho thấy, SGK không chỉ bao gồm kênh chữ mà còn bao gồm kênh hình (biểu đồ, sơ đồ, đồ thị, tranh ảnh…). Cả kênh chữ và kênh hình đều có vai trò to lớn trong việc truyền tải tri thức, kĩ năng, cảm xúc tới người học. Vì vậy, vấn đề được đặt ra ở đây đối với nghiên cứu của chúng tôi là phải có những biện pháp sử dụng SGK như thế nào để khai thác tốt cả kênh chữ và kênh hình theo hướng phát triển NL của HS.

1.2. TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ SÁCH GIÁO KHOA VÀ SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA Ở TRONG NƯỚC

Ở Việt Nam, thuật ngữ SGK xuất hiện từ thế kỷ XIX và "*Quốc văn giáo khoa thư*" được xem như bộ SGK đầu tiên do người Việt biên soạn có hệ thống trong thời kỳ này. Tuy nhiên, phải từ những năm 50 của thế kỷ XX trở đi, những công trình nghiên cứu về SGK mới xuất hiện nhiều.

1.2.1. Trong lĩnh vực nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học

Sau năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, giáo dục Việt Nam có những bước phát triển mạnh mẽ. Các nhà giáo dục học là những người đi tiên phong với các công trình nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến SGK chủ yếu về các vấn đề lý luận SGK, như quan niệm về SGK, cơ cấu, vai trò, ý nghĩa của SGK, cách sử dụng SGK.

Quan niệm về SGK và vai trò ý nghĩa của nó, Thái Duy Tuyên (2001) trong cuốn "*Giáo dục học hiện đại"* (NXB Giáo dục, Hà Nội) xác định: SGK là phương tiện dạy học quan trọng nhất. Đây là nguồn tri thức cơ bản của HS, gắn chặt với HS suốt thời gian học. SGK cung cấp cho HS hệ thống tri thức và những tình cảm lành mạnh, những phương pháp và phong cách làm việc hiện đại. SGK giúp HS nhận thức thế giới hiện thực qua ngôn ngữ và ký hiệu, nghĩa là qua hệ thống tín hiệu thứ hai. Ở cấp trung học, khi NL tư duy trừu tượng của HS đã phát triển tới một trình độ cao thì con đường này đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình nhận thức. Ông

cũng cho rằng, SGK có mối quan hệ mật thiết với sách tham khảo cho thầy và HS, sách bài tập, tài liệu hướng dẫn, thí nghiệm thực hành nội và ngoại khóa…Những tài liệu này sẽ giải quyết một cách sâu sắc hơn những vấn đề khoa học mà SGK chỉ có thể trình bày giản lược. Trong "*Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới"* (2008), Thái Duy Tuyên còn tập trung nghiên cứu hệ thống phương pháp dạy học hiện đại như dạy học nêu vấn đề, dạy học theo lý thuyết kiến tạo, dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác, qua đó phát triển NL học tập của HS. Đặng Thành Hưng (2002) trong "*Dạy học hiện đại- lý luận, biện pháp và kỹ thuật"* (NXB ĐHQG, Hà Nội) lại đi sâu nghiên cứu vấn đề tích cực hóa và các biện pháp tích cực hóa học tập. Tác giả nhấn mạnh, chỉ có phát huy tính tích cực thì người học mới có cơ hội nhất để thể hiện mình và phát triển mình. Tác giả cũng nêu lên những biện pháp, kĩ thuật nhằm làm cho giờ học đạt hiệu quả cao như kĩ thuật ghép nhóm, sử dụng câu hỏi, khai thác các phương tiện, tài liệu dạy học…Những nghiên cứu trên thực sự là các giải pháp về tổ chức nhằm đảm bảo quá trình học tập diễn ra tích cực và hiệu quả, thúc đẩy khả năng học tập chủ động, sáng tạo của HS.

Trong khi đó, theo Hồ Ngọc Đại (2010) thì *"SGK là kết quả làm việc của thầy và trò*" [36;tr.241]. *"Nó là cái ghi lại sự sống, hoạt động sống của đời sống thực của mỗi con người trong cộng đồng của mình. Chúng ta làm cho mỗi quyển SGK gắn liền với máu thịt của mỗi HS. Nó là chứng cớ nói lên quá trình phát triển của mỗi em trong quá trình giáo dục. Nó phản ánh sự phân hóa, cá thể hóa quá trình giáo dục mà vẫn đảm bảo được những yêu cầu cơ bản nhất của quá trình giáo dục nói chung"* [36;tr.242]. Vì vậy, trong SGK phải phân ra nhiều trình độ, ít nhất có ba mức (bắt buộc, khuyến khích và tùy ý). Tác giả kết luận*"SGK không phải là giáo án, không phải là sách tự học, cũng không phải là bản gợi ý…nhưng đồng thời nó là tất cả, một khi có sự cộng tác giữa thầy và trò. Nói cách khác, cần tạo ra loại SGK, sao cho không ai cảm thấy thừa và mọi người phải cần lẫn nhau"*[36;tr.245].

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, đất nước ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng với thế giới. Để có thể đáp ứng nhu cầu phát triển mọi mặt của đất nước, bắt kịp với thế giới, giáo dục trở thành một

nhân tố mũi nhọn vô cùng quan trọng. Trong bối cảnh đó, đổi mới giáo dục nói chung và SGK nói riêng trở thành đề tài nghiên cứu được nhiều nhà khoa học quan tâm. Nhiều đề tài khoa học, nhiều hội thảo trong nước và quốc tế được tổ chức bàn luận về vấn đề này.

Hội thảo quốc tế về *"SGK trong xã hội hiện đại"* do Trường ĐHSP Hà Nội, Viện Nghiên cứu SGK quốc tế Georg Eckert và Nhà xuất bản Giáo dục phối hợp tổ chức năm 2004 là hội thảo có tầm quan trọng đặc biệt về nghiên cứu SGK nói chung trong bối cảnh mới. Diễn văn khai mạc đã nói rõ mục đích của Hội thảo *"Trong thế giới mới, trong những hoàn cảnh mới nhiều quan niệm quen thuộc của chúng ta về chương trình và SGK không còn phù hợp nữa...Đổi mới cách biên soạn, trình bày và sử dụng SGK là một tất yếu bởi vì nhà trường hiện đại không chấp nhận những cuốn sách chỉ thiên về cung cấp tri thức lý thuyết một cách giáo điều, mà nhẹ về hướng dẫn hoạt động và phát triển NL thực hành"* [123;tr.3]. Nhiều tác giả quan tâm đến những vấn đề chung của SGK hiện đại như: *"Quan niệm mới về SGK"* (Phan Trọng Luận), *"Hiểu đúng vai trò của SGK để soạn và dạy cho tốt*" (Vũ Văn Thành), *"SGK - khâu quan trọng trong sự phát triển đồng bộ của nền giáo dục"* (Nguyễn Viết Chữ), *"Vai trò và chức năng của SGK hiện đại"* (Ngô Thị Lan)… Các tác giả cũng cho rằng, mặc dù chúng ta đang sống trong thời hiện đại với sự "*bùng nổ thông tin*" và có thể tìm kiếm bất kỳ thông tin nào chỉ cần một cú nhấp chuột nhưng sách, SGK vẫn giữ vai trò và chức năng quan trọng mà không một công cụ tìm kiếm nào có thể thay thế được. SGK là "*linh hồn của nền giáo dục và đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp trồng người*" [123; tr.73]. Để nâng cao chất lượng giáo dục, ngoài việc đổi mới cách dạy và học thì một điều kiện tiên quyết khác là đổi mới và nâng cao chất lượng SGK và *"cần phải biến sách thành một phương tiện không thể thiếu trong cả dạy và học. Không có sách cảm thấy dạy không hay, không có sách cảm thấy học khô khan, nông cạn và thiếu sự thích thú, hiệu quả dạy và học không cao, buổi học kết thúc nhàm chán nếu thiếu sách*" [123;tr.71]. Những vấn đề của việc đổi mới SGK như sự cần thiết phải đổi mới, cách thức đổi mới và những vấn đề đặt ra và kinh nghiệm khi đổi mới được nhiều

tác giả thực sự chú trọng nghiên cứu: "*Đổi mới cách viết SGK ở bậc trung học*" (Trần Bá Hoành), "*Đổi mới chương trình, SGK phổ thông - Những vấn đề đang đặt ra cần được giải quyết*" (Nguyễn Văn Am), *"Một số quy trình biên soạn và xuất bản SGK"* (Đinh Khắc Cao), "*Đổi mới việc biên soạn và sử dụng SGK, giáo trình ở Việt Nam*" (Bùi Hoàng Anh)…Cuối cùng các tác giả kết luận: Đổi mới SGK góp phần đổi mới phương pháp dạy học. Với giáo dục cổ truyền, dạy học được hiểu như là một quá trình truyền thụ và lĩnh hội tri thức, tài liệu giáo khoa được xây dựng trên cơ sở hình dung về bài giảng của GV, sự lắng nghe và ghi chép của HS. Ngày nay theo quan niệm hiện đại, dạy học là quá trình phát triển của bản thân HS. "*Quá trình học tập không chỉ là quá trình lĩnh hội các kiến thức có sẵn mà còn là quá trình HS tự khám phá, tự phát hiện, tự tìm đến với các kiến thức mới nhờ sự hướng dẫn, giúp đỡ và tổ chức của GV. Theo đó SGK sẽ được biên soạn theo hướng tạo điều kiện để tổ chức các hoạt động học tập tự giác, tích cực, tự lập của HS, qua đó, HS sẽ được phát triển một cách hài hòa, toàn diện*" [22;tr.97]. Muốn vậy, SGK phải cần được đổi mới về cấu trúc và cách thức biên soạn.

"Báo cáo tổng hợp đánh giá quy trình, tính khoa học và tính sư phạm của chương trình, SGK mới cấp tiểu học và THCS" - đề tài Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước ĐTĐL-2004/23 do tác giả Nguyễn Hữu Tăng làm chủ nhiệm đã phân tích những ưu nhược điểm của SGK hiện nay, so sánh SGK với những giai đoạn trước đó ở từng môn học cấp tiểu học và trung học học cơ sở, từ đó đề xuất những kiến nghị cho quá trình xây dựng chương trình và SGK mới.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục đã tổ chức nghiên cứu đề tài độc lập cấp Nhà nước *"Nghiên cứu đánh giá chất lượng và hiệu quả triển khai đại trà chương trình, SGK mới bậc Tiểu học và THCS trong phạm vi cả nước",* mã số ĐTĐL-2004/23. Đề tài đã khẳng định tầm quan trọng của công tác tổ chức triển khai chương trình, SGK mới (2002- 2012); đánh giá chung về công tác chỉ đạo, quản lý, triển khai chương trình, SGK mới bậc Tiểu học và THCS; chỉ ra nguyên nhân của sự tồn tại, rút ra bài học kinh nghiệm và hướng khắc

phục trong công tác chỉ đạo, quản lý để nâng chất lượng, hiệu quả triển khai chương trình, SGK.

Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ *"Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS theo chương trình và SGK mới"* (Mã số B2006-37-13) do tác giả Nguyễn Thúy Hồng làm chủ nhiệm đề tài đã mô tả thực trạng đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS Việt Nam gắn với chương trình và SGK THCS hiện hành. Từ đó, đề tài tập trung đi sâu vào nguyên nhân đạt được những thành tựu cũng như những bất cập trong chương trình, SGK THCS hiện hành và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học các môn học theo định hướng tích cực hóa hoạt động học tập của người học ở trường THCS.

Tiếp tục kế thừa và phát huy kết quả tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đồng thời bổ sung, phát triển thêm một bước theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện GD & ĐT, năm 2016 đã có rất nhiều hội nghị chuyên đề bàn về tích hợp trong biên soạn SGK theo định hướng phát triển NL và nhiều tác giả đã đi sâu nghiên cứu vấn đề tích hợp trong việc biên soạn SGK. Tiêu biểu là các công trình: "*Tích hợp trong việc biên soạn SGK theo định hướng phát triển NL - môn Tiếng Việt*" (NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016); Kỷ yếu Hội nghị chuyên đề "*Tích hợp trong việc biên soạn SGK theo định hướng phát triển NL - môn Toán*" (NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016); Kỷ yếu Hội nghị chuyên đề "*Tích hợp trong việc biên soạn SGK theo định hướng phát triển NL lĩnh vực Khoa học tự nhiên*" (NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016); Kỷ yếu Hội nghị chuyên đề "*Tích hợp trong việc biên soạn SGK theo định hướng phát triển NL - môn Giáo dục công dân*" (NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016). Các tác giả đưa ra khái niệm, cách tiếp cận về NL, cấu trúc NL, thành tố của NL. Trong đó, xác định NL là những thuộc tính quan sát và đo lường được của một cá nhân, bao gồm kiến thức, kỹ năng, khả năng, giá trị, hành vi. Tác giả Đỗ Hương Trà, Lê Phương Nga nêu lên tính nhất quán của chương trình dạy học theo định hướng phát triển NL với 4 loại chương trình dạy học (những gì được viết trong SGK, những gì được GV thực sự dạy, những gì mà HS học được, những gì có trong các bài kiểm tra). Để hoạt động

dạy học đạt hiệu quả, cần phải có sự nhất quán sao cho SGK song song với chương trình thực dạy và hoạt động đánh giá.

1.2.2. Trong nghiên cứu dạy học lịch sử

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, SGK Lịch sử được các nhà giáo dục lịch sử ở các trường đại học, cao đẳng và phổ thông quan tâm nghiên cứu và xem nó như một tài liệu quan trọng trong việc soạn giáo án giảng dạy của người thầy cũng như tài liệu để lĩnh hội tri thức trên lớp và thực hành ở nhà của người học. Tổng quan cho thấy các tác giả đã đưa ra quan niệm về SGK, cấu tạo cũng như phân tích cơ chế sư phạm của SGK Lịch sử. Đặc biệt, các nguồn tư liệu đã đề cập đến việc sử dụng SGK Lịch sử, coi SGK như một phương tiện để chuẩn bị tốt giáo án lên lớp và là điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho hiệu quả bài học. Đồng thời, các nhà khoa học cũng chỉ ra việc phát triển NL của HS.

Cuốn *"Phương pháp dạy học lịch sử"* do Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị chủ biên (tập 1 năm 1976 và tập 2 năm 1980) được tái bản và bổ sung có sửa chữa các năm 1998, 1999, 2000, 2001 đã dành một phần đề cập đến vấn đề phát triển NL nhận thức và NL hành động của HS trong DHLS.

Cuốn *"Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường THCS"* do Trịnh Đình Tùng chủ biên (NXB ĐHSP, 2005) đi sâu trình bày nội dung, phương pháp tự học và một số biện pháp cơ bản nâng cao chất lượng của việc tự học của HS ở nhà và trên lớp nhằm phát triển NL nhận thức và tư duy cho HS.

Nguyễn Thị Côi trong công trình *"Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*", (NXB ĐHSP, 2008) cho rằng nếu hiểu học lịch sử là không cần tư duy, HS chỉ cần ghi nhớ và học thuộc lòng là hoàn toàn sai lầm, sự sai lầm này dẫn tới sai lầm tiếp theo về phương pháp DHLS trong những năm vừa qua ở nước ta. Vì vậy, tác giả đưa ra quan điểm DHLS là phải phát huy được các NL của HS. Ví dụ như, GV phải hướng dẫn để HS tự học (nghiên cứu lại vở ghi, hoàn thành các bài tập trong SGK, tự làm việc với bản đồ, tranh ảnh ngoài SGK; tự đọc các tài liệu lịch sử văn hóa trong các tư liệu tham khảo, tự ôn tập theo sự hướng dẫn của GV; tự chuẩn bị cho bài học mới…). *"Hoạt động này sẽ có tác*

dụng to lớn trong việc phát huy NL độc lập làm việc, các kĩ năng, kĩ xảo học tập cho bản thân HS" [29;tr.117]. Bên cạnh đó, GV cũng phải biết sử dụng các biện pháp dạy học khác nhau như dạy học nêu vấn đề, các phương tiện kỹ thuật hiện đại, các loại hình bài tập ngoại khóa…để nhằm phát huy tính tích cực, NL chủ động, sáng tạo của HS.

Một công trình khác đề cập khá nhiều đến NL và phát triển NL học tập lịch sử là *"Phương pháp dạy học lịch sử*" tập 1 và tập 2 do tác giả Phan Ngọc Liên chủ biên, xuất bản năm 2002, tái bản có bổ sung năm 2009... Các tác giả không chỉ nêu lên khái niệm về NL, phát triển NL mà còn chú trọng phân tích những biện pháp nhằm phát triển hai NL chung là NL tư duy và NL thực hành cho HS. Theo đó, môn Lịch sử góp phần hình thành tư duy lịch sử cho các em HS, ngoài tính chất của tư duy nói chung, tư duy lịch sử có những nét riêng của nó. Song nhìn chung, khi dạy học, GV cố gắng để phát triển những NL tư duy lịch sử sau đây: Biết miêu tả, khôi phục những sự kiện lịch sử quá khứ với một số tài liệu cơ bản, được lựa chọn chính xác; nêu được nguyên nhân xuất hiện, phát sinh của sự kiện lịch sử; xác định được hoàn cảnh điều kiện, những mối liên hệ của các sự kiện; nhận định được tính chất, ý nghĩa bài học; làm sáng tỏ những biểu hiện đa dạng của các quy luật lịch sử. Phát triển NL thực hành của HS là tiến hành thực hành bộ môn để góp phần tạo điều kiện cho HS có những biểu tượng lịch sử chân xác, giàu hình ảnh. Công việc này thể hiện ở việc làm các loại đồ cùng trực quan, tập viết và trình bày các bài tường thuật lịch và miêu tả về một sự kiện lịch sử; vận dụng những kiến thức đã học để tiếp thu kiến thức mới và hoàn thành những việc công ích xã hội như tham gia sưu tầm, biên soạn lịch sử địa phương, xây dựng nhà truyền thống, tu sửa các di tích lịch sử…

Nguyễn Thị Côi (2011) cho rằng: *"Giáo án không phải là một bản tóm tắt nội dung SGK phổ thông, hoặc thoát ly nội dung SGK và cũng không phải là cái gì bất biến chỉ cần soạn một lần để sử dụng cho nhiều năm học. Giáo án bao gồm không chỉ nội dung, phương pháp giảng dạy mà cả cách tổ chức hoạt động của cả GV và HS, giống như một bản thiết kế của GV về một bài giảng"* [29;tr.34]. Không chỉ vậy, các tác giả còn nhấn mạnh mối quan hệ giữa SGK với GV và HS. Phan Ngọc

Liên và các cộng sự (2010) cho rằng: *"Trong giờ học, GV trình bày bài giảng của mình được soạn theo nội dung SGK có thể phát triển hay lướt qua một số đoạn…Điều cơ bản là làm cho HS nắm được những sự kiện cơ bản…GV không nên trình bày tóm tắt nội dung* của SGK *một cách khô khan, theo kiểu thông báo sự kiện, hoặc đọc cho sinh viên chép theo sau"* [74;tr.64]. *"Khi sử dụng SGK ở trên lớp…GV giúp HS không chỉ hiểu về nội dung bài viết (kênh chữ) mà cả hình vẽ, tranh ảnh, bản đồ (kênh hình) và các câu hỏi, tài liệu đọc thêm, có trong SGK"* [74; tr.64]. Khi nghe giảng HS cũng theo dõi SGK. Vì vậy GV luôn luôn phải lưu ý HS những điều cần thiết phải nắm vững, hoặc tiếp tục nghiên cứu ở nhà . GV cũng hướng dẫn HS sử dụng SGK để tự học bài ở nhà một cách hiệu quả. Trước hết, HS đọc lại toàn bộ SGK mà những điểm chủ yếu đã được nghe giảng ở trên lớp; nhớ lại những điểm GV đã dạy ở trên lớp về nhân vật, sự kiện lịch sử; không nhìn sách tự lập dàn ý và nói lại những ý chính của bài học. Về vấn đề sử dụng SGK, các tác giả kết luận: *"Việc sử dụng có kết quả SGK là một điều kiện quan trọng bậc nhất để đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn, nên việc sử dụng SGK là khâu quan trọng trong hoạt động dạy học. Phát huy vai trò của SGK là một trong những con đường để nâng cao hiệu quả dạy học"* [74;tr.65].

Trong khoảng một thập kỉ trở lại đây, chất lượng dạy và học lịch sử đang có nhiều vấn đề đặt ra. Trong bối cảnh đó, nhiều hội thảo quốc gia và quốc tế về khoa học giáo dục, về giáo dục lịch sử được tổ chức với mong muốn nâng cao hiệu quả dạy và học lịch sử. Có nhiều biện pháp, song một trong những biện pháp quan trọng nhất được đề cập đến là đổi mới cách viết và cách sử dụng SGK Lịch sử…

Hội thảo quốc tế năm 2004 bàn về *"SGK trong xã hội hiện đại"* và cũng dành một sự quan tâm đặc biệt tới SGK Lịch sử. Tác giả Phan Ngọc Liên đã trình bày *"Một vài kinh nghiệm về đổi mới biên soạn SGK Lịch sử"*. Theo tác giả, trong biên soạn SGK, điều trước tiên là cần xác định trình độ chuẩn của kiến thức được quy định trong chương trình; chú trọng đổi mới về bài tập, thực hành; biên soạn SGK Lịch sử phải chú trọng đến hệ thống câu hỏi nhằm phát huy tính tích cực của HS.

Tác giả Nghiêm Đình Vỳ với bài viết *"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn biên soạn SGK Lịch sử THCS".* Tác giả cho rằng: "*Bên cạnh việc cập nhật những thành tựu của Khoa học lịch sử, các tác giả SGK phải lựa chọn những kiến thức cơ bản, có ý nghĩa đối với HS, phải trình bày vừa sức, phù hợp với tâm lý lứa tuổi HS THCS, gây hứng thú cho HS, làm cho các em ham học lịch sử"* [123; tr148].

Năm 2011, Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức Hội thảo quốc gia về "*Nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kỹ năng tự học cho HS".* Năm 2012, Bộ giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức một hôi thảo quốc gia về "*Dạy học lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam".* Hội thảo bàn luận tới nhiều nội dung nhưng tập trung vào hai vấn đề chính: Một là đánh giá đúng thực trạng việc dạy và học lịch sử trong nhà trường phổ thông hiện nay, nguyên nhân của những mặt được và những mặt hạn chế; Hai là định hướng đổi mới DHLS ở trường phổ thông. Nhiều nhà nghiên cứu tham dự hội thảo cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới việc biên soạn và sử dụng SGK Lịch sử trong bối cảnh đổi mới dạy và học lịch sử. Các nhà nghiên cứu đã phác họa bức tranh về thực trạng dạy và học lịch sử hiện nay: Một thực tế HS phổ thông ít yêu thích môn lịch sử, coi lịch sử là một môn phụ, việc thi tốt nghiệp và thi đại học môn lịch sử có nhiều HS được điểm dưới năm, thậm chí số HS được điểm 0 rất nhiều. Thực trạng đó cùng với bối cảnh khi nền giáo dục Việt Nam đang được đẩy mạnh đổi mới toàn diện từ một nền giáo dục chú trọng "*nhồi*" kiến thức chuyên môn sang một nền giáo dục chú trọng phương pháp, khả năng sáng tạo, khả năng tư duy và khả năng xử lý. Trên một nền kiến thức chuyên môn tối thiểu thì bản thân giáo dục lịch sử cũng phải đổi mới toàn diện từ triết lý dạy và học lịch sử đến việc viết SGK, đổi mới phương pháp giảng dạy…Nhưng đổi mới SGK Lịch sử như thế nào? Quan điểm của các tác giả Trịnh Đình Tùng, Phạm Tiến Đông cho rằng: "*Xây dựng chương trình, SGK phải dựa trên cách tiếp cận NL người học. NL được hiểu là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và sự hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống phong phú của cuộc sống*" [113;tr.127]. Trên cơ sở đó, chương trình và SGK cũng cần phải có sự

cân đối giữa lý thuyết và tăng cường thực hành, ngoại khóa, gắn với các tình huống đời sống và yêu cầu giải quyết vấn đề trong đời sống, đảm bảo tính toàn diện của lịch sử; xây dựng SGK mới cũng cần phải đảm bảo bốn nguyên tắc: Tính hiện đại, tính cơ bản, tính dân tộc và tính khả thi.

Một số tác giả khác lại nghiên cứu chương trình, SGK của các nước trên thế giới rút ra kinh nghiệm đối với Việt Nam. Ví như: *"Một số vấn đề chương trình môn Lịch sử trong hệ thống giáo dục của Mỹ và Canada"* (Trần Thị Vinh); *"Từ chương trình và SGK Lịch sử phổ thông của nước Cộng hòa Pháp đến khả năng vận dụng của Việt Nam"* (Nguyễn Văn Ninh); *"Đôi nét về chương trình bộ môn Lịch sử ở Hàn Quốc"* (Đinh Ngọc Bích Khuyên); *"Về SGK Lịch sử trung học phổ thông hiện hành ở bang Nordrhenin – Westfalen - Cộng hòa liện bang Đức"* (Hoàng Thị Nga); *"So sánh quốc tế chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và một số đề xuất, kiến nghị"* (Vũ Thị Ngọc Anh)…

Đặc biệt, năm 2016, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức Hội thảo Khoa học chủ đề "*Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hiện nay*". Hội thảo đã đề cập những vấn đề then chốt của việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục lịch sử nói chung và vấn đề SGK Lịch sử nói riêng như vấn đề "*Đổi mới việc biên soạn chương trình và SGK theo định hướng phát triển NL của HS trong quá trình hội nhập quốc tế*" của tác giả Nghiêm Đình Vỳ, "*Sự kết nối giữa Sử học và giáo dục lịch sử trong DHLS theo hướng phát triển NL*" của tác giả Trần Thị Vinh, , "*Chương trình, SGK môn Lịch sử của Australia và một vài kinh nghiệm cho Việt Nam"* của tác giả Hoàng Thanh Tú…Những bài nghiên cứu trên đã phác thảo những định hướng trong việc biên soạn chương trình, SGK phổ thông mới. Bài viết "*SGK Lịch sử ở trường phổ thông với việc phát triển NL HS*" của tác giả Nguyễn Thị Côi, Lương Văn Khuê tập trung nghiên cứu, phân tích ý nghĩa của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS, làm rõ những biện pháp hình thành và phát triển NL HS thông qua SGK Lịch sử.

Ngoài ra, còn có nhiều bài viết đăng trên các tạp chí cũng nghiên cứu về SGK và sử dụng SGK Lịch sử như *"Kinh nghiệm Đai-ri với việc dạy môn Sử"* của Lương Ninh và Nguyễn Thị Côi (Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 8, 1988), "*Về*

SGK Lịch sử ở phổ thông trung học ” của Nguyễn Thị Côi (Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3, 1993), *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn biên soạn SGK Lịch sử THCS”* của Nghiêm Đình Vỳ (Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 98, 2004), *“Một vài kinh nghiệm về biên soạn đổi mới SGK Lịch sử”* của Phan Ngọc Liên, (Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 7, 2004), *“Bàn về SGK Lịch sử”* của Vũ Dương Ninh (Tạp chí Xưa và Nay, số 223, 2004), “*Nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử - tiếp cận từ thực tiễn”* của Đỗ Hồng Thái (Tạp chí Giáo dục, số 317, 2013)…Các bài viết đã quan tâm, đề cập đến phần nào vấn đề SGK ở những mức độ, khía cạnh khác nhau.

Bên cạnh đó, có các luận án, luận văn cũng đề cập đến vấn đề SGK và phát triển NL của HS. Tiêu biểu là luận án*“Nâng cao NL thực hành cho HS trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông (vận dụng qua dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1975, chương trình chuẩn)”* của Vũ Ánh Tuyết (2013). Theo tác giả, *“đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận NL của HS là trào lưu tích cực đã và đang diễn ra trong ngành giáo dục. Thực chất của trào lưu này là hướng toàn bộ quá trình dạy học vào người học trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học sao cho khai thác được tối đa tiềm năng trí tuệ, tính tích cực và sự sáng tạo của họ”* [119;tr.1]. Công trình nghiên cứu không đi vào nghiên cứu NL học tập môn Lịch sử nói chung mà tập trung làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn của NL thực hành lịch sử. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp phù hợp có thể thực hiện được trong điều kiện ở các nhà trường trung học phổ thông hiện nay nhằm nâng cao NL thực hành lịch sử của HS như: Xác định thái độ đúng đắn và tạo hứng thú cho HS đối với các hoạt động thực hành lịch sử; bồi dưỡng hướng dẫn HS nắm vững kiến thức về phương pháp thực hành lịch sử; thường xuyên rèn luyện các kĩ năng thực hành lịch sử.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN, MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TIẾP TỤC CẦN NGHIÊN CỨU

Tổng quan những nguồn tư liệu, có thể thấy dù tiếp cận ở những góc độ khác nhau, với những TN khác nhau nhưng các nhà giáo dục học, lý luận dạy học và giáo

dục lịch sử đã đề cập khá toàn diện và chi tiết tới các vấn đề của SGK và sử dụng SGK nói chung, SGK Lịch sử nói riêng. Cụ thể, các nhà nghiên cứu đã đề cập đến:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về SGK: quan niệm, cấu trúc, cơ chế sư phạm của SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng.

- Vai trò, ý nghĩa của SGK và SGK Lịch sử đối với việc cung cấp tri thức cho nhân loại cũng như việc dạy và học của thầy và trò.

- Thực trạng biên soạn SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng hiện nay ở Việt Nam.

- Thực trạng của việc sử dụng SGK và SGK Lịch sử của GV, HS trong quá trình dạy, học. Mối quan hệ giữa SGK với người GV và HS.

- Đổi mới cách biên soạn, cách sử dụng SGK, SGK Lịch sử như một cách thức nhằm nâng cao hiệu quả của giờ học.

Những nội dung trên đây có thể coi là những thành tự to lớn trong nghiên cứu SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng của các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng như nước ngoài. Những thành tựu này một mặt là những tư liệu giúp chúng tôi kế thừa trong luận án nhưng mặt khác nó cũng chỉ cho chúng tôi thấy những khoảng trống cần được lấp đầy trong nghiên cứu về sử dụng SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng, nhất là trên phương diện sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

**** Những vấn đề luận án kế thừa***

Điểm qua toàn bộ những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, vấn đề sử dụng SGK nói chung và sử dụng SGK nhằm phát triển NL của HS nói riêng trong DHLS ở trung học phổ thông đã được tìm hiểu trên nhiều góc độ khác nhau và bước được những kết quả to lớn như đã chỉ ra ở trên . Những nguồn tư liệu trên đây là vô cùng quý báu, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến đề tài của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi sẽ lĩnh hội, kế thừa nó trong quá trình giải quyết vấn đề: sử dụng SGK Lịch sử để phát triển NL của HS THPT. Dưới đây là những vấn đề mà luận án của chúng tôi kế thừa:

Thứ nhất, chúng tôi tiếp thu những lý luận cơ bản về SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng trên các khía cạnh quan niệm về SGK, cấu trúc, cơ chế sư phạm

và ý nghĩa của SGK…, từ đó có sự định hướng đúng đắn cho việc sử dụng SGK Lịch sử nhằm phát triển NL người học.

Thứ hai, chúng tôi sẽ tiếp thu những quan điểm lý luận về mối quan hệ, sự tương tác giữa giữa GV và HS trong quá trình dạy học, trong đó quan điểm về dạy học lấy HS làm trung tâm và chú trọng phát triển các NL cho HS là vô cùng quan trọng. Xét cho cùng, muốn phát triển được NL của người học thì cần phải có sự tương tác hợp lý giữa thầy và trò. Việc sử dụng SGK chính là một trong những biểu hiện cụ thể của sự tương tác đó. Tuy nhiên, phần lớn những công trình đều hướng tới nghiên cứu việc sử dựng SGK của GV mà ít đề cập đến việc sử dụng SGK của HS. Phát triển NL của HS là cái đích cần hướng tới của việc dạy học song nếu chỉ có GV sử dụng tốt SGK còn HS xa rời SGK thì sẽ không đạt được hiệu quả và ngược lại. Luận án sẽ đi sâu nghiên cứu cách thức sử dụng SGK của GV và cách thức sử dụng SGK của HS nhằm phát triển NL người học.

Thứ ba, chúng tôi sẽ kế thừa các lý luận về việc sử dụng SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng trong phát triển các NL cho HS. Tuy nhiên, tổng quan nguồn tư liệu cho thấy, hướng tiếp cận chủ yếu của các tác giả về việc sử dụng SGK là sử dụng như thế nào trong soạn bài giảng cho GV; sử dụng SGK hướng tới HS như hướng tới việc phát triển tính tích cực, độc lập, sáng tạo; hướng tới việc rèn luyện kỹ năng tự học. Nhưng xét cho cùng, kĩ năng tự học, tính tích cực độc lập sáng tạo chỉ là một bộ phận của NL học tập của HS. Trong luận án này, chúng tôi muốn đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống về việc sử dụng SGK nhằm phát triển NL học tập của HS bao gồm các NL chung (NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tính toán, NL sử dụng công nghê thông tin…) và các NL chuyên biệt (tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử; NL thực hành bộ môn Lịch sử; xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử với nhau; so sánh phân tích, phản biện, khái quát hóa…).

**** Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu***

Từ tổng quan tư liệu và những khoảng trống mà các nguồn tư liệu trên chưa đề cập hoặc đề cập ở mức độ sơ lược, chúng tôi chỉ ra các vấn đề cần tiếp tục giải quyết trong luận án như sau:

- Thống nhất một số khái niệm chủ yếu liên quan đến luận án từ đó có cơ sở để giải quyết vấn đề.

- Trên cơ sở xác định các NL chuyên biệt cần hình thành và phát triển cho HS trong dạy học bộ môn, đề tài khẳng định vai trò ý nghĩa của SGK Lịch sử đối với việc phát triển các NL chung và riêng của HS.

- Luận án sẽ tập trung nghiên cứu để đưa ra các hình thức biện pháp sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL HS về cả hoạt động của GV và HS, trong đó tập trung sâu vào hoạt động của HS.

- Luận án sẽ xác định rõ các yêu cầu đối với việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

- Nghiên cứu, đề xuất những kiến nghị trong việc biên soạn và sử dụng SGK trong tương lai.

CHƯƠNG 2:
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Trong Chương 2, Luận án tập trung làm rõ cơ sở lý luận và tìm hiểu thực tiễn của việc sử dụng SGK ở trường THPT theo hướng phát triển NL học tập của HS. Luận án cũng xác định hệ thống các NL cần hình thành và phát triển cho HS, phân tích những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1.1. Những vấn đề chung về sách giáo khoa, sách giáo khoa Lịch sử

2.1.1.1. Khái niệm sách giáo khoa

Từ xa xưa, sách là một loại văn bản đặc biệt do nhân loại phát minh nhằm lấy đó làm công cụ để lưu giữ, truyền bá vốn tri thức của thế hệ trước cho thế hệ sau. Người ghi chép tri thức vào sách bao giờ cũng ghi chép một cách có ý định, thể hiện rõ tinh thần cốt lõi của tri thức về một lĩnh vực nào đó được tích lũy từ quá khứ, hiện tại, đó là thông điệp gửi cho người đương thời và các thế hệ tiếp theo. Trong "*Từ điển Tiếng Việt"* của Viện Ngôn ngữ, SGK được định nghĩa ngắn gọn là *"sách soạn theo chương trình giảng dạy ở trường học"* [124;tr.843]. Cách định nghĩa như vậy thực sự chưa bao quát được thuộc tính của SGK, chỉ phản ánh SGK như là một sản phẩm được qui định bởi chương trình, bị chi phối bởi chương trình. Đây là một quan niệm rất giản đơn về SGK, coi SGK thuần túy như một loại tài liệu được biên soạn với những kiến thức nhằm cụ thể chương trình giáo dục. Với quan niệm như trên, nhà quản lý giáo dục, GV, HS, phụ huynh và xã hội chưa đánh giá đúng vị trí, vai trò của SGK, chưa nhìn nhận thức đầy đủ về cơ chế sư phạm được thể hiện trong SGK, nên việc sử dụng SGK chủ yếu mới ở tầng bậc sơ giản nhất là dùng SGK để chuyển tải thông tin, học thuộc thông tin. Thực tế này khiến cho SGK nói chung, SGK Lịch sử nói riêng chưa được GV và HS sử dụng với mục đích phát triển NL người dạy và người học, trong đó lấy việc phát triển NL người học là trọng tâm.

Một cách tiếp cận khác, một số nhà nghiên cứu nước ngoài có quan niệm: "*SGK là loại sách trình bày có hệ thống những kiến thức cơ sở của một lĩnh vực khoa học nhất định, ở mức độ hiện đại những thành tựu khoa học và văn hóa*" [123;tr.53]. Quan niệm này vẫn chưa đề cập đến cơ chế sư phạm trong SGK, chưa phản ánh được những ý tưởng ẩn sau kênh hình và kênh chữ.

Từ góc độ nghiên cứu so sánh SGK với các sách bổ trợ học tập khác, có quan niệm cho rằng SGK là một trong các loại sách của trường phổ thông, bao gồm nhiều bộ sách theo cấp học, lớp học, môn học hoặc kiểu nhà trường; khác với loại sách bổ trợ học tập, *"SGK phổ thông có tham số cao các hình ảnh, các hướng dẫn làm việc cho HS và những bài khóa chỉ đạo của GV"* [123;tr.28]. Quan niệm như vậy đã có phần đánh giá tiệm cận về tác dụng của kênh hình và hướng dẫn sư phạm được thể hiện trong SGK; song cũng chưa chỉ ra một cách rõ nét về cơ chế sư phạm (gồm những gì trong SGK, mới nêu đó là các hướng dẫn. Trên quan điểm thiết kế và thi công bài học, tác giả Hồ Ngọc Đại cho rằng: *"SGK là kết quả làm việc của thầy và trò"* [35;tr.241], SGK không phải là một loại sách sẵn có, SGK được tạo ra trong quá trình giáo dục, là kết quả chung của một quá trình tiến hành các hoạt động tương tác sư phạm giữa thầy và trò. *"SGK không phải là giáo án, không phải là sách tự học, cũng không phải là bản gợi ý...nhưng đồng thời nó phải là tất cả, một khi có sự cộng tác của thầy và trò"* [35;tr.244]. Quan niệm này phần nào phản ánh được sự đổi mới tư duy trong đánh giá vị trí, vai trò của SGK, làm cho SGK không còn là một loại tài liệu sẵn có nguồn kiến thức theo "*thực đơn*" do người biên soạn, do nhà quản lý giáo dục, do GV áp đặt cho HS.

Trong các văn bản pháp qui, SGK được xác định là loại sách dùng riêng cho các trường phổ thông, là phương tiện dạy học đặc biệt, do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định, phê duyệt, được sử dụng chính thức, thống nhất, ổn định trong giảng dạy, học tập ở nhà trường nhằm thực hiện những mục tiêu cơ bản của giáo dục phổ thông. Trong Điều 29 của Luật Giáo dục năm 2005 quy định về Chương trình giáo dục phổ thông, SGK: SGK cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng quy định trong chương trình giáo dục của các môn học ở mỗi lớp của giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông.

Để chuẩn bị chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới, Bộ GD&ĐT đã và đang rất tích cực chỉ đạo việc xây dựng khung chương trình giáo dục phổ thông, thiết kế chương trình môn học cùng với đó là SGK cho từng môn. Về đổi mới quan niệm SGK, trong Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể của Bộ GD&ĐT (phát hành tháng 12 năm 2016) xác định: *"SGK là tài liệu chính để dạy và học trong nhà trường, đáp ứng được những tiêu chí do Nhà nước quy định, có tác dụng hướng dẫn hoạt động dạy và hoạt động học, chủ yếu về nội dung và phương pháp dạy học"* [12;tr.35]. Với cách quan niệm này, SGK không còn là tài liệu duy nhất mà là "*tài liệu chính*"; điều quan trọng nhất là SGK phải bảo đảm các tiêu chí do Nhà nước qui định, đó là cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, chuẩn giáo dục mà chương trình khung và chương trình môn học được xác định. Mặt khác SGK phải đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng: Người quản lý dùng SGK để phục vụ công tác chỉ đạo chuyên môn trong phạm vi thẩm quyền được giao; GV sử dụng SGK để thiết kế bài học theo ý tưởng sáng tạo của mình; HS dùng SGK để khai thác nguồn tri thức mới.

2.1.1.2. Chức năng của sách giáo khoa

SGK là một trong những nguồn kiến thức quan trọng nhất của giáo dục trong nhà trường. Khác với những phát minh khác, SGK được loài người phát minh từ sự tích lũy vốn tri thức của giáo dục, có sự kết hợp giữa kiến thức khoa học chuyên ngành với khoa học sư phạm. Dây chuyền công nghệ hình thành SGK không thuần túy là công nghệ "*sản xuất, chế tác tri thức*", mà là dây chuyền của các ý tưởng sư phạm từ nhà khoa học và những chuyên gia giáo dục trong từng lĩnh vực. Tri thức khoa học trong SGK được coi là *"chìa khóa của văn minh, phục vụ công ích loài người"* [123;tr.12].

Quá trình biến mục tiêu giáo dục thành những kết quả đọng lại ở người học được gọi là quá trình chuyển hóa sư phạm.

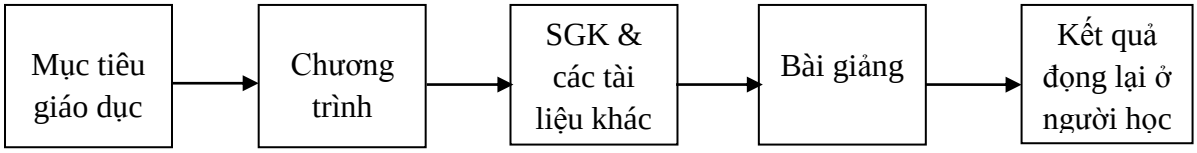

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ về mối liên hệ giữa SGK với các thành tố liên quan trong quá trình chuyển hóa sư phạm

Dựa theo Sơ đồ 2.1, SGK là một mắt xích không thể thiếu của quá trình chuyển hóa sư phạm, là thành phần kết nối giữa chương trình và bài soạn. Điều đó cho thấy, SGK có vị trí quan trọng trong việc kiến tạo nội dung dạy học. Nội dung dạy học có đầy đủ, khoa học và chất lượng hay không thì phụ thuộc rất lớn vào nội dung SGK.

Đối với quá trình dạy học, SGK thực hiện các chức năng cơ bản sau:

Chức năng thông tin: Nhằm cụ thể hóa chương trình dạy học, SGK được thiết kế có hàm lượng thông tin cơ bản, hệ thống, có tính khoa học, tính sư phạm cao. SGK chính là nguồn thông tin tin cậy nhất, quan trọng nhất phục vụ quá trình dạy học. Theo đó, SGK được coi như là một thư viện tra cứu, cung cấp tư liệu cho quá trình nhận thức của HS.

Chức năng định hướng tổ chức hoạt động dạy học: Cùng với hệ thống thông tin, các thành phần câu hỏi, bài tập, hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu SGK định hướng việc xác định kiến thức cơ bản, lựa chọn phương pháp, cách tiến hành các hoạt động dạy học. SGK chính là một công cụ, một phương tiện dạy học.

Chức năng tạo động cơ, gây hứng thú: SGK chuẩn được biên soạn đáp ứng yêu cầu về thẩm mỹ, thiết kế đẹp, ngôn ngữ trong sáng, giàu hình ảnh cùng với nội dung trình bày lôi cuốn. Từ đó, SGK sẽ kích thích, tạo động cơ và hứng thú quá trình học tập.

Chức năng kiểm tra, đánh giá: Câu hỏi, bài tập SGK có thể được sử dụng làm câu hỏi kiểm tra. Những kiến thức chuẩn trong SGK là những gợi ý chuẩn xác, những cứ liệu tối ưu cho những câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá.SGK là công cụ hỗ trợ HS trong quá trình hoàn thành bài kiểm tra, đánh giá.

2.1.1.3. Khái niệm và chức năng của sách giáo khoa Lịch sử

SGK Lịch sử là một trong những loại sách lịch sử có tính đặc thù vì nó dùng trong nhà trường phổ thông, làm tài liệu dạy học phục vụ mục tiêu giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị, đạo đức, nhân cách cho HS. SGK Lịch sử thông tin lại một cách cơ bản, có chọn lọc sự kiện, nhân vật theo thời gian, địa điểm, đặc biệt có lời bình về sự kiện, nhân vật, qua đó gửi tới người đương thời và đời sau những thông điệp có tính qui luật, được đúc kết qua thực tế lịch sử. Thông tin trong SGK Lịch sử phải luôn bảo đảm tính khách quan. Tuy nhiên, do người viết và do chịu sự tác động của nền chính trị đương thời, nên cách thông tin, lời bình thường mang tính chính trị, mang dấu ấn của nền chính trị đương thời.

SGK Lịch sử là một dạng của sách lịch sử, được biên soạn bởi mục tiêu giáo dục cho mỗi quốc gia, phản ánh cách tiếp cận của quốc gia với lịch sử của chính mình, qua đó lấy SGK làm công cụ kết nối thông điệp quá khứ với tương lai. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy "*Dân ta phải biết sử ta; Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"*. Trong cuộc sống, con người có thể tìm kiếm thông tin lịch sử qua nhiều nguồn, song việc học tập lịch sử trong nhà trường là một cách học mang tính khoa học giáo dục cao, những kiến thức lịch sử mà HS được học trong nhà trường bảo đảm tính căn bản, hệ thống, được kết tinh bởi khoa học lịch sử và khoa học giáo dục, là cơ sở ban đầu giúp mỗi người biết tìm kiếm bổ sung kiến thức lịch sử phong phú, chuyên sâu.

Dựa theo kinh nghiệm của một số nước có nền giáo dục tiên tiến (Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Trung Quốc), có thể thấy việc quan niệm SGK Lịch sử của các nước theo hướng hiện đại hơn, SGK được thiết kế thiên về ý tưởng sư phạm, phù hợp với đặc điểm tâm lý và khả năng nhận thức của từng lứa tuổi, thể hiện rõ đặc trưng môn học. Ở Việt Nam, SGK được quan niệm là loại tài liệu chứa đựng kiến thức, lưu trữ thông tin khái quát, minh họa và các câu hỏi chưa mang chiều sâu ý tưởng sư phạm, ít kích thích người dạy và người học tư duy, nên tác dụng phát triển NL người học còn hạn chế.

Trên cơ sở phân tích những quan niệm khác nhau về SGK, đồng thời vận dụng kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, biên soạn SGK của một số nước tiên tiến, chúng tôi xác định nội hàm của khái niệm SGK Lịch sử theo tinh thần đổi mới, nhằm vào việc phát triển NL người học có các thành tố sau: (1) Nội dung SGK là thành tố có tính cốt lõi, quan trọng nhất của SGK Lịch sử, được thiết kế thành quyển, với các chương, mục hoặc các chuyên đề. Các sự kiện, nhân vật, hiện tượng, vấn đề lịch sử có tính chọn lọc, diễn ra trong một thời gian, địa điểm, không gian cụ thể; (2) Hình thức SGK là thành tố thể hiện nội dung, có thể coi là "cái vỏ" của nội dung cũng không kém phần quan trọng, phản ánh nội dung thông tin lịch sử, bao gồm cách thức trang trí bìa, bố cục toàn quyển, bố cục từng chương, bài hoặc từng chủ đề, kể cả màu sắc. Hình thức và nội dung tương thích với nhau sẽ tạo nên tính hài hòa, bổ trợ để làm toát lên giá trị lịch sử. Ở một khía cạnh khác, hình thức có tính trực quan nên dễ "bắt mắt" người học, tạo tiền đề kích thích sự tò mò để HS tìm kiếm nội dung sách.

SGK Lịch sử cũng như SGK các môn học khác được coi là một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục. Các tác giả SGK Lịch sử là những người phải nắm vững chương trình môn học và vận dụng những thành tựu mới nhất của Khoa học lịch sử và Khoa học giáo dục để giải quyết tốt mối quan hệ giữa xác định mục đích, yêu cầu - lựa chọn nội dung - định hướng phương pháp dạy học.

Từ những hàm nghĩa nói trên, chúng tôi cho rằng: SGK nói chung, SGK môn Lịch sử ở trường phổ thông nói riêng là loại sách đặc biệt viết cho HS để cho HS học ở trên lớp và tự học ở nhà, đồng thời là căn cứ, chỗ dựa quan trọng để người GV chuẩn bị bài học và tổ chức dạy học ở trên lớp. SGK được biên soạn theo chương trình môn học, được một hội đồng các nhà khoa học do Bộ GD&ĐT chỉ định thẩm định cho phép và dạy trong nhà trường.

Cũng như chương trình môn học, SGK chỉ tồn tại trong một giai đoạn nhất định, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước. Không có bộ SGK nào tồn tại vĩnh viễn mà thường duy trì trong một giai đoạn nhất định, khoảng 10 - 15 năm. Sự phát triển của các quốc gia, dân tộc cũng như sự phát triển của khoa học cơ bản,

khoa học giáo dục đòi hỏi phải có bộ SGK phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của giáo dục; song dù phát triển thế nào thì SGK cũng vẫn phải hội đủ 2 thành tố nêu trên.

SGK Lịch sử thống nhất các chức năng chung của SGK, trong đó có những biểu hiện cụ thể ở hai phương diện sau:

- *Chức năng SGK Lịch sử đối với người dạy*: Quy định phạm vi và mức độ kiến thức, kỹ năng cần phải dạy; định hướng phương pháp dạy học thích hợp; hỗ trợ GV trong quá trình soạn giáo án, tiến hành bài giảng, tổ chức điều khiển lớp học, đánh giá HS.

- *Chức năng SGK Lịch sử đối với người học*: Cung cấp hệ thống kiến thức lịch sử bao gồm những sự kiện, khái niệm, quy luật, bài học lịch sử; hình thành và phát triển phương pháp học tập; củng cố, ôn tập kiến thức; giúp HS tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập; tra cứu, tham khảo; liên hệ kiến thức lịch sử với đời sống.

- *Chức năng SGK Lịch sử đối với người quản lý*: SGK là tài liệu song hành với chương trình được ban hành để căn cứ vào dó mà người quản lý giáo dục ở các cấp, nhất là ở từng nhà trường có cơ sở để xây dựng các phương án điều hành, quản lý hoạt động chuyên môn đối với môn học, nhất là giám sát chuyên môn GV và kiểm tra, đánh giá chất lượng HS.

- *Chức năng SGK Lịch sử đối với phụ huynh HS*: SGK là tài liệu giúp cho phụ huynh làm căn cứ để có những ý kiến tư vấn, bổ trợ trong trường hợp HS cần sự trợ giúp chuyên môn; chẳng hạn HS chuẩn bị bài để lên lớp hoặc làm bài tập ở nhà sau bài học trên lớp, nếu thấy khó, chưa rõ thì HS sẽ hỏi phụ huynh; khi đó phụ huynh sẽ phải đọc SGK và các loại tài liệu khác, nhưng trước hết và quan trọng vẫn dựa vào SGK.

Trong 4 chức năng trên thì chức năng đối với GV và HS là mấu chốt. Theo quan niệm "*lấy HS làm trung tâm"* thì SGK Lịch sử là nguồn tư liệu lịch sử được chọn lọc giúp HS dựa vào đó làm điểm tựa cho việc khám phá tri thức lịch sử; quá trình khám phá của HS muốn đạt hiệu quả tối ưu thì không chỉ có cơ chế sư phạm của SGK mà rất cần có cơ chế sư phạm thể hiện ở sự tương tác sư phạm có tính định hướng, khơi gợi, hỗ trợ, đánh giá của GV. Do vậy, cho dù SGK Lịch sử có đổi

mới tối ưu về nội dung và hình thức cũng như cơ chế sư phạm thì trước tiên vẫn phải cần có vai trò định hướng của GV. Việc sử dụng SGK Lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển NL người học luôn bao hàm song hành, tương tác cả hoạt động của GV và HS, trong đó hoạt động của GV phải được tiến hành trước một bước; nếu GV chưa thẩm thấu hết nội dung và cơ chế sư phạm của SGK thì khó mà làm tốt vai trò định hướng, tư vấn, hỗ trợ cho hoạt động học tập của HS.

2.1.1.4. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử ở trường THPT

Từ việc xác định 2 thành tố và 4 chức năng ở trên, có thể phân tích cấu trúc SGK Lịch sử ở trường THPT như sau:

- Xét về hình thức trình bày, SGK nói chung và SGK Lịch sử nói riêng gồm trang bìa, phần nội dung, mục lục tra cứu. Phần nội dung SGK đều được cấu trúc lần lượt theo Phần - Chương - Bài.

- Xét về mối tương quan giữa Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam thì nội dung Lịch sử thế giới được trình bày trước, làm nền tảng nhận thức nội dung Lịch sử Việt Nam. Ý tưởng sư phạm của việc sắp xếp này là muốn giúp HS có được kiến thức lịch sử thế giới để đối chiếu, so sánh với Lịch sử dân tộc, giúp HS nhận thấy được lịch sử dân tộc cũng phát triển theo tiến trình đi lên của lịch sử nhân loại, lịch sử Việt Nam là một bộ phận của lịch sử thế giới, làm phong phú lịch sử thế giới, qua đó HS ý thức được rằng dân tộc Việt Nam có những đóng góp đáng tự hào vào sự tiến bộ chung của nhân loại. Với ý nghĩa đó, SGK Lịch sử ở trường THPT sẽ góp phần phát triển kỹ năng đối chiếu, so sánh giữa lịch sử thế giới với lịch sử Việt Nam.

- Xét về tính lôgic thời gian thì nội dung lịch sử trong SGK Lịch sử được biên soạn theo diễn tiến của quá khứ đến đương đại; qua đó giúp HS phát triển kỹ năng hệ thống hóa các sự kiện, nhân vật lịch sử theo thời gian, dần hình thành cho HS khả năng kết nối quá khứ với hiện tại để dự đoán tương lai.

- Xét về tính tổng thể của mỗi bài học thì SGK Lịch sử ở trường THPT được cấu trúc theo một tập hợp thống nhất, với các tiểu thành phần như sau:

+ Mở đầu là phần giới thiệu nội dung chủ yếu của bài học;

+ Nội dung bài học gồm các mục chính, một số tranh ảnh, các câu hỏi gợi mở nhằm phát huy tính tích cực, tư duy độc lập của HS;

+ Một số bài tập, câu hỏi ôn tập;

+ Một số tài liệu tham khảo, một số thông tin phục vụ bài học;

+ Một số chú thích cần thiết.

Nếu căn cứ vào đặc trưng việc thể hiện nội dung thông tin của SGK Lịch sử ở trường THPT thì các nhà sư phạm cho rằng SGK có kênh chữ và kênh hình. Kênh chữ và kênh hình. "*Kênh chữ là những thông tin thành văn chủ yếu được dùng trong SGK để trình bày nội dung tri thức của môn học, chỉ dẫn về phương pháp học tập về đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của HS"* [123;tr.90]. Kênh hình bao gồm những ảnh chụp, tranh vẽ, hình vẽ, sơ đồ, đồ thị…Có 4 loại kênh hình trong SGK: *"Loại minh họa để cụ thể hóa nội dung một sự kiện quan trọng; loại cung cấp thông tin, thường không giải thích; loại vừa cung cấp thông tin vừa minh họa cho kênh chữ; loại dùng để rèn luyện kĩ năng thực hành, kiểm tra kiến thức"* [123;tr.90]. Cách phân chia nội dung thông tin của SGK Lịch sử thành hai phần kênh chữ và kênh hình có một hạn chế là chưa phản ánh được cơ chế sư phạm của SGK Lịch sử, mới dựa vào hình thức phản ánh thông tin mà chưa dựa vào ý tưởng sư phạm của người biên soạn. Có lẽ vì thế mà việc sử dụng SGK Lịch sử mới đạt ở mức độ "*đọc*", "*nhìn*" đơn thuần, mà rất ít tư duy phát hiện những giá trị lịch sử ẩn chứa trong kênh chữ và kênh hình; như thế sẽ hạn chế phát triển NL học tập lịch sử của HS.

Theo tinh thần tiếp cận mới về SGK, nhiều nhà giáo dục lựa chọn cách phân chia nội dung bài học trong SGK Lịch sử thành hai phần: Bài viết và cơ chế sư phạm.

- *"Bài viết tức là nội dung cơ bản của chương trình được trình bày ngắn gọn trong một số trang cho mỗi tiết học"* [86;tr.91]. Bài viết trình bày kiến thức bài học chủ yếu là sự kiện lịch sử và được chia theo mục lớn, mục nhỏ. Đây là bộ phận chủ yếu của SGK mà GV phải nghiên cứu, kết hợp với các loại tài liệu khác để chuẩn bị phương án lên lớp cho sát với đối tượng HS; còn HS thì phải dựa vào hướng dẫn

của GV để sử dụng SGK một cách tích cực, nhằm nắm vững kiến thức cơ bản, hình thành thái độ tích cực theo mục tiêu bài học.

- *"Cơ chế sư phạm chỉ tất cả những thành tố trong SGK, trừ bài viết, dành cho một tiết học* [123;tr.91]. Phần cơ chế sư phạm trong mỗi bài học được thiết kế gồm có các bộ phận: Tóm tắt bài học; cung cấp thông tin qua kênh hình (bản đồ, tranh ảnh, sơ đồ, niên biểu...); tư liệu tham khảo; chỉ dẫn HS làm việc với các thông tin; câu hỏi bài tập cuối bài được trình bày nhiều dạng khác nhau, không chỉ yêu cầu HS mô tả lại nội dung kiến thức có trong bài, mà quan trọng hơn là thiết kế các bài tập tình huống gắn với thực tế cuộc sống.

Với cách phân chia như trên thì nội hàm khái niệm "*cơ chế sư phạm*" có tính thâm nhập trong cả kênh hình và kênh chữ; xét cho cùng thì việc đưa thông tin gì, đưa ra sao, nhằm mục đích gì thì đều là ý tưởng sư phạm được chắt lọc rất tinh tế của người biên soạn. Vì vậy, điều trước tiên là GV phải hiểu rõ được ý tưởng sư phạm (tức là nắm vững cơ chế sư phạm) thì mới có thể hướng dẫn HS khai thác SGK theo hướng phát triển NL.

2.1.2. Vấn đề phát triển năng lực học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT

2.1.2.1. Khái niệm năng lực, phát triển năng lực trong dạy học lịch sử

**Khái niệm "NL"*

Theo *"Từ điển Tiếng Việt"* của Viện Ngôn ngữ học (2001), NL được diễn đạt theo hai cách. Thứ nhất,*"NL là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó"* [124;tr.660]. Thứ hai, *"NL là phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao"* [124;tr.661]. Tuy diễn đạt có khác nhau, song điểm chung đều nhằm vào việc định nghĩa tính chất của "*NL*" là các yếu tố nội lực của con người, giúp cho người ta có thể hoàn thành một loại hoạt động cụ thể, trong những tình huống do cuộc sống đặt ra; mỗi người sẽ có những NL sở trường gắn với các loại hình hoạt động của con người. Các nhà nghiên cứu cho rằng, *NL chung* là NL cơ bản để con người có thể sống và làm việc bình thường trong xã hội. Cụ thể có 8 NL chung như: NL tư duy phê phán, tư duy lôgic; NL sáng tạo, tự chủ; NL giải quyết

vấn đề; NL làm việc nhóm; NL giao tiếp, làm chủ ngôn ngữ; NL tính toán, ứng dụng số; NL đọc - viết; NL CNTT - truyền thông (ICT). Những NL này được hình thành và phát triển do nhiều bộ môn, liên quan đến nhiều môn học. Vì thế được gọi là NL xuyên chương trình.Theo tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam, giáo dục phổ thông cần hình thành và phát triển cho HS 6 NL chung sau đây: NL tự học; NL giải quyết vấn đề; NL sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp; NL hợp tác; NL tính toán; NL sử dụng công nghê thông tin và truyền thông.

Như vậy, NL là khái niệm chung của con người, với NL cụ thể thì được phát hiện qua hoạt động của cá nhân. Từ đó, có thể hiểu rằng, dạy học theo hướng phát triển NL người học là quan điểm bao quát, trên cơ sở đó, mỗi môn học, mỗi cấp học, mỗi bài học sẽ phải nhằm đến mục tiêu tạo điều kiện để cá nhân hóa các hoạt động học tập một cách tối ưu có thể, qua đó mỗi HS có được cơ hội khẳng định sự phát triển nhân cách, bộc lộ sở trường của mình trước tập thể.

Nhà giáo dục Thái Duy Tuyên trong cuốn *"Giáo dục học hiện đại"* xác định: "*NL là những đặc điểm tâm lý, nhân cách và điều kiện chủ quan để thực hiện có kết quả một dạng hành động nhất định. NL có quan hệ với kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, NL phản ánh cấp độ chiều sâu, tính bền vững và phạm vi ảnh hưởng những kết quả hoạt động với tính sáng tạo, độc đáo của các hành động"* [118;tr.68].

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu được rằng khi nói đến khái niệm "*NL*" (Competence) trong hoạt động học tập thì phải hiểu đó là sự hoạt động của trí não, biểu hiện qua các thao tác học tập, nhận thức, hành động nhằmđạt được mục tiêu cụ thể, sản phẩm của NL có thể là một sản phẩm được thể hiện bằng lời nói, văn bản hoặc trạng thái tinh thần, cao hơn là hành vi ứng xử với cuộc sống, xã hội. NL là khả năng có thể thực hiện được và thực hiện tốt các hành động nào đó của chủ thể dựa trên hiểu biết về kiến thức, phương thức hành động và có sự tập trung nỗ lực của chủ thể, có sự trợ giúp của những người liên quan. Cơ sở hình thành và phát triển NL hành động là kiến thức và trạng thái tâm lý phù hợp, khiến chủ thể có nhu cầu tự giác hành động tìm kiếm tri thức mới. NL biểu hiện các mức độ khác nhau

thông qua các chất lượng của hành động và sự nhạy bén làm chủ nhận thức, làm tốt hành động nào đó trong những tình huống khác nhau.

** NL và phát triển NL HS trong dạy học lịch sử ở trường THPT*

Bước sang TK XXI, các nền giáo dục trên thế giới vận hành và phát triển theo 4 trụ cột giáo dục mà UNESCO đề ra: Học để biết, Học để làm, Học để cùng chung sống, Học để khẳng định mình. Tinh thần xuyên suốt 4 trụ cột đó là khả năng tự học, học tập suốt đời của mỗi người; theo đó giáo dục phải hướng vào phát triển NL người học, trang bị cho HS những kỹ năng cơ bản để học trong nhà trường và học ngoài cuộc sống. Chương trình giáo dục Hàn Quốc 2007 tuyên bố: "*Giúp mỗi công dân phát triển cá tính và những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống của một công dân độc lập...*". Giáo dục Australia hướng đến phát triển thế hệ trẻ trở thành "*người học thành công, cá nhân tự tin, sáng tạo, công dân hiểu biết và tích cực*". Trong "*Mô hình giáo dục Nhật Bản cho TK XXI*", giáo dục Nhật Bản thực hiện phương châm *"những NL cho cuộc sống tích cực"*. Các nước OECD đều phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển NL người học. Chương trình theo hướng phát triển NL các nước xác định yêu cầu đầu ra HS cần đạt được sau mỗi giai đoạn học tập, trong đó không chỉ yêu cầu "*biết*" mà còn chú ý đến "*làm*" thông qua hoạt động, vận dụng tri thức được học để giải quyết vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Khái niệm "*NL*" tuy là định nghĩa chung mang tính "*tĩnh*", nhưng thực chất nội hàm của nó đã mang tính "*động*", vì NL chỉ được phát hiện, khẳng định qua hoạt động thực tiễn, trong học tập thực chất là qua các hoạt động tương tác sư phạm giữa trò với thầy, giữa trò với trò, giữa trò với SGK và các nguồn thông tin khác. NL chính là sự phát triển bên trong, mang tính nội tại của tư duy mỗi người. Khi HS vượt qua một trở ngại nào đó để đạt được nhu cầu tìm kiếm tri thức mới (trong học tập lịch sử là hiểu biết về sự kiện, nhân vật lịch sử) thì có nghĩa là HS đã nhích lên phía trước được một bước về nhận thức, để tiếp tục phát triển ở những bước đi tiếp theo trong hành trình "*học tập suốt đời*". *"NL của HS là khả năng làm chủ hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ...phù hợp với lứa tuổi và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ học tập, giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra cho chính các em trong cuộc sống"* [147;tr.9]. Theo *"Từ điển Tiếng*

Việt" của Viện Ngôn ngữ học, "*phát triển là biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp"* [124;tr.769]. Tác giả Lê Thị Bừng trong cuốn *"Các thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách*" viết: *"NL hình thành và phát triển trên cơ sở tư chất vốn là một tổ hợp bao gồm những đặc điểm chức năng tâm sinh lý mà cá thể đạt được trong một giai đoạn phát triển nhất định dưới ảnh hưởng của môi trường sống và hoạt động của cá nhân"*. NL được hình thành và phát triển trong các hoạt động. Hoạt động là phương thức cơ bản để phát triển NL. Phát triển NL của HS phổ thông là làm cho những NL được hình thành qua học tập các môn học, mở rộng hơn, sâu sắc hơn, nâng cao hơn.

Có thể minh họa NL bằng mô hình được cấu trúc gồm 7 thành tố: (1) Kiến thức, kỹ năng nhận thức (những tri thức nhân loại mà người học thu nhận được); (2) kỹ năng thực hành và kinh nghiệm sống của người học (có được thông qua quá trình trải nghiệm cuộc sống); (3) Thái độ (hứng thú, tích cực, sẵn sàng, chấp nhận thách thức…); (4) Động cơ học tập; (5) Xúc cảm (yêu thích khoa học, văn chương, nghệ thuật…); (6) Giá trị (yêu gia đình và bản thân, tự tin, ý thức trách nhiệm,…); (7) Đạo đức (cách ứng xử trong gia đình và xã hội). Các thành tố này đặt trong bối cảnh hoặc tình huống thực tiễn (*xem sơ đồ 2.2.*).

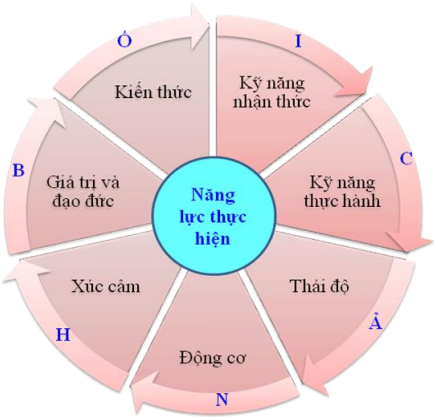

Sơ đồ 2.2. Các thành tố thể hiện NL học sinh trong quá trình học tập

Tuy sơ đồ trên chưa phải là sự toát yếu tối ưu về "*NL*", nhưng cũng giúp ta hiểu được các thành tố hội thành NL con người của HS trong quá trình học tập trong nhà trường. Trên cơ sở đó, nếu muốn phát triển NL HS thì GV bộ môn phải

phát hiện chính xác sở trường của cá nhân HS để bồi dưỡng, nhưng không nên tuyệt đối hóa chỉ nhằm phát triển một mặt nào đó, mà cần cố gắng phát triển các thành tố có ở sơ đồ trên.

2.1.2.2. Các năng lực cần được phát triển cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT

DHLS cũng như các môn học khác là nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục quốc gia như Luật giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010 đã viết: *"Phát huy tính tích cực tự giác, chủ động, sáng tạo của HS phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học, bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm, rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm tin, hứng thú học tập cho HS"* [89;tr.23].

Mỗi môn học sẽ rèn luyện các NL chung này ở các mức độ khác nhau. Đối với DHLS ở ở trường phổ thông, các NL chung sẽ được cụ thể hoá như bảng sau:

Bảng 2.1. Bảng biểu hiện các NL chung của HS trong dạy học môn LS

NL chung	Biểu hiện trong môn Lịch sử
Nhóm NL chủ động, tích cực tìm kiếm tri thức mới	
NL tự học	- Khả năng khai thác lược đồ, bản đồ, tranh ảnh lịch sử, phim tư liệu để tự tìm kiếm nội dung lịch sử thông qua kênh hình - Đọc và phát hiện kiến thức cơ bản trong SGK Lịch sử - Khả năng tự tìm kiếm kiến thức lịch sử thông qua tài liệu tham khảo - Kết hợp đọc SGK với nghe giảng với tự ghi chép - Khả năng trả lời câu hỏi và tự đặt câu hỏi - Khả năng tự hệ thống hóa kiến thức ôn tập, củng cố kiến thức.
NL giải quyết vấn đề	- Khả năng nhận thức và giải quyết một vấn đề lịch sử - Khả năng vận dụng kiến thức lịch sử để làm bài tập lịch sử - Lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề lịch sử, vấn đề,

	tình huống thực tiễn một cách tối ưu - Trình bày được diễn biến cuộc kháng chiến, trận đánh, chiến dịch, cuộc chiến tranh trên lược đồ, sơ đồ, bản đồ lịch sử - Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống, hay các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới - Xác định và giải quyết được mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện lịch sử với nhau.
NL sáng tạo trong học tập	- Tư duy tái tạo (Kĩ năng ghi nhớ sự kiện; tưởng tượng; kĩ năng tái tạo…) - Tư duy sáng tạo (Kĩ năng so sánh; kĩ năng phân tích; kĩ năng phản biện; kĩ năng khái quát hóa...) - Trả lời câu hỏi, bài tập lịch sử một sáng tạo - Nhận xét, rút được ra bài học kinh nghiệm từ những sự kiện, hiện tượng, nhân vật, vấn đề lịch sử.
Nhóm NL về vận dụng tri thức lịch sử vào ứng xử xã hội và hợp tác cùng học tập	
NL giao tiếp	- Khả năng sử dụng được kiến thức lịch sử đã học để giải thích một hiện tượng xã hội có liên quan - Khả năng tái hiện lịch sử nhằm phục vụ cho một vấn đề hoặc sự kiện liên quan - Khả năng sử dụng vốn kiến thức và thái độ biểu cảm lịch sử để thể hiện quan điểm, chính kiến về một sự việc liên quan - Khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức lịch sử và các kiến thức xã hội khác để giải quyết những vấn đề cụ thể
NL hợp tác theo nhóm	- Khả năng làm việc theo nhóm, tập thể để giải quyết một nhiệm vụ học tập - Khả năng chia sẻ thông tin lịch sử
Nhóm NL công cụ	
NL sử dụng CNTT và truyền thông	- Khai thác Internet (thông tin tư liệu, tranh ảnh, bản đồ, phim tư liệu...) để tìm kiếm nội dung kiến thức lịch sử

(ICT)	- Sử dụng phần mềm dạy học như sơ đồ tư duy, Powerpoint trình để trình bày nội dung lịch sử
NL sử dụng ngôn ngữ	- Khả năng trình bày, lập luận, thể hiện chính kiến của mình về một nội dung kiến thức lịch sử bằng ngôn ngữ viết - Khả năng thuyết trình bằng lời nội dung kiến thức lịch sử
NL tính toán	Sử dụng thống kê toán học trong học tập bộ môn Lịch sử như vẽ sơ đồ, biểu đồ, đồ thị lịch sử

[14;tr.47-48]

Bên cạnh việc hình thành và phát triển các NL chung như trên, bộ môn Lịch sử ở trường THPT còn góp phần hình thành và phát triển các NL chuyên biệt. Việc xác định NL chuyên biệt của môn Lịch sử ở trường THPT cần căn cứ vào những yếu tố sau:

(1) Căn cứ chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về hệ thống NL được quy định trong dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

(2) Căn cứ đặc điểm của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông, một trong những môn học cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.

(3) Căn cứ đặc trưng của kiến thức lịch sử là quá khứ, không lặp lại, cụ thể, hệ thống, thống nhất giữa sử và luận. Lịch sử có ưu thế trong việc phát triển trí tưởng tượng phong phú, tư duy phê phán, tư duy logic...

(4) Căn cứ đặc trưng nhận thức của HS trong quá trình DHLS. Nhận thức của HS trong học tập Lịch sử vừa phải tuân thủ quy luật chung, vừa phải phù hợp với đặc trưng của kiến thức lịch sử.

(5) Căn cứ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá NL HS.

Có nhiều quan niệm về thang NL của bộ môn, từ hệ thống kĩ năng, NL chung, có thể đưa ra các NL cụ thể cần được chú trọng đối với bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông như sau:

1. NL tái hiện sự kiện, hiện tượng nhân vật lịch sử (tái hiện lại các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử quá khứ tiêu biểu có ảnh hưởng đến lịch sử thế giới và dân tộc);

2. NL thực hành bộ môn lịch sử (quan sát, đọc, trình bày diễn biến bản đồ, lập bảng biểu, niên biểu, khai thác nội dung thông qua bản đồ, tranh ảnh, phim tư liệu, hiện vật, mẫu vật, di tích…);

3. Xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử với nhau. Xác định và giải quyết được mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử với nhau. Thông qua đó lý giải được mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử với tình hình kinh tế - xã hội…;

4. NL so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa (so sánh nhân vật, sự kiện, giai đoạn, thời kỳ);

5. NL nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật;

6. NL vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra;

7. NL thông qua sử dụng ngôn ngữ lịch sử thể hiện chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử.

Quan niệm trên cho thấy cốt lõi của NL học tập lịch sử mà HS cần được GV quan tâm phát triển là khả năng tìm tòi, phát hiện tri thức lịch sử, sử dụng tri thức mới để thực hiện đúng các hoạt động thực hành, tập dượt việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể để giải quyết các "*bài toán lịch sử*" đương đại. Tuy nhiên, trong thực tế thì mỗi cá nhân HS đều ẩn chứa những NL chuyên biệt. Nhiệm vụ của GV là vừa phải chú ý phát triển NL chung, song lại vừa phải quan tâm khơi gợi phát triển NL chuyên biệt. Các NL chuyên biệt và biểu hiện của các NL cụ thể như sau:

1. NL thu thập và xử lý thông tin về các sự kiện hiện tượng lịch sử: Sưu tầm tư liệu lịch sử từ các nguồn khác nhau như sách, báo, tư liệu hiện vật, khai thác trên mạng Intertet...; biết chọn lọc thông tin, tư liệu lịch sử chân thực, có giá trị; phân biệt được đâu là tư liệu thật, tư liệu giả. Biết những thông tin không chân thực về các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

2. NL tái hiện bức tranh quá khứ với những sự kiện hiện tượng lịch sử: Có trí tưởng tượng phong phú, khôi phục lại các sự kiện hiện tượng lịch sử với đầy đủ tính cụ thể, tính hình ảnh, tính muôn hình muôn vẻ của nó; khôi phục được bức tranh lịch sử với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, nhân vật, diễn biến, kết quả; phân biệt được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, kết quả của các sự kiện hiện tượng lịch sử.

3. NL xác định mối liên hệ logic của các sự kiện, hiện tượng lịch sử: Hiểu được bản chất của các sự kiện hiện tượng lịch sử; tìm ra mối liên hệ tất yếu của các sự kiện, hiện tượng cùng loại và khác loại, lịch đại và đồng đại; hiểu được lịch sử là hệ thống hoàn chỉnh, liên tục, không thể chia cắt; một sự kiện mất đi là nguyên nhân nảy sinh ra hiện tượng khác. Một sự kiện mới xuất hiện là kết quả của những sự kiện trước đó.

4. NL đánh giá, giải thích các sự kiện hiện tượng theo quan điểm lịch sử: Giải thích các sự kiện hiện tượng lịch sử phải đặt trong bối cảnh điều kiện lịch sử nó nảy sinh và phát triển; xem xét những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử; đánh giá được các sự kiện lịch sử vừa phải đảm bảo tính khách quan trung thực của các sự kiện, hiện tượng lịch sử vừa phải đảm bảo tính tư tưởng, giá trị dân tộc, giá trị nhân văn.

5. NL thực hành bộ môn Lịch sử: Quan sát, đọc, trình bày, khai thác nội dung lịch sử cần thiết thông qua bản đồ, lược đồ, tranh ảnh, hiện vật. Lập niên biểu, sơ đồ, biểu đồ, bản đồ.

6. NL vận dụng kiến thức lịch sử để hiểu biết các vấn đề đang diễn ra: Vận dụng kiến thức cũ để hiểu bài mới; hiểu được ý nghĩa, tác động của sự kiện, hiện tượng hay quá trình lịch sử; rút ra được những bài học, quy luật từ các sự kiện, hiện tượng lịch sử; so sánh các sự kiện của lịch sử với các vấn đề

7. NL trình bày các sự kiện, hiện tượng lịch sử: Hiểu rõ các thuật ngữ, khái niệm lịch sử; sắp xếp các vấn đề của lịch sử một cách logic chặt chẽ từ nguyên nhân, diễn biến đến kết quả; thuyết trình, trình bày lịch sử rõ ràng dễ hiểu; viết được

các vấn đề lịch sử bằng văn phong trong sáng, giản dị với ngôn ngữ của bản thân HS.

2.1.3. Sử dụng sách giáo khoa Lịch sử theo hướng phát triển năng lực học tập cho học sinh

2.1.3.1. Quan niệm sử dụng sách giáo khoa Lịch sử theo hướng phát triển năng lực

Trong nghiên cứu lý luận SGK, có nhiều thuật ngữ liên quan đến việc khai thác SGK trong quá trình dạy học như *"nghiên cứu SGK", "làm việc với SGK", "sử dụng SGK"*... Mỗi thuật ngữ phản ánh các nội dung khai thác SGK một cách khác nhau. Xem xét trên cơ sở thông tin tri thức, SGK là một đối tượng của hoạt động dạy học, các nhà nghiên cứu sử dụng thuật ngữ *"nghiên cứu SGK", "làm việc với SGK"*. Trong khi đó, SGK thường được khai thác trong quá trình dạy học với tư cách là một công cụ dạy học, một phương tiện dạy học. Do vậy, chúng tôi vận dụng thuật ngữ *"sử dụng SGK";* còn thuật ngữ *"nghiên cứu SGK"* có lẽ phù hợp hơn với công việc của GV và nhất là những người nghiên cứu chuyên sâu về SGK, GV nghiên cứu SGK để thiết kế phương án tổ chức hoạt động dạy học bảo đảm tính tối ưu nhất. Theo "*Từ điển tiếng Việt*", *"sử dụng là đem dùng vào mục đích nào đó*" [124;tr.876]. Căn cứ vào các chủ thể hoạt động khác nhau mà SGK được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. GV sử dụng SGK vào mục đích dạy học gắn với các nhiệm vụ soạn bài, sử dụng trong quá trình giảng dạy. HS sử dụng SGK vào mục đích học tập, chuẩn bị bài mới, sử dụng học trên lớp, tự học và ôn bài ở nhà, làm phương tiện hỗ trợ kiểm tra, đánh giá. Các nhà quản lý giáo dục sử dụng SGK trong quá trình đánh giá việc thực hiện chương trình, đánh giá kết quả dạy và học.

Việc sử dụng SGK hiện có hai xu hướng: Tiếp cận theo nội dung và tiếp cận theo phát triển NL. Nếu theo hướng tiếp cận nội dung thì việc sử dụng sẽ thiên về khai thác những kiến thức đã có trong kênh chữ và kênh hình để GV truyền đạt, nêu câu hỏi dạng tái hiện kiến thức, HS dựa vào thông tin trong SGK để trả lời theo kiểu đọc lại một câu, một đoạn trong SGK, mặt khác sẽ ghi nhớ những thông tin được viết trong SGK. Nếu tiếp cận theo hướng phát triển NL người học thì trước hết phải phát triển NL sử dụng SGK của người dạy, tức là người dạy phải biết khai thác tối

ưu các nguồn thông tin có trong SGK, đặc biệt là GV phải hình dung được cơ chế sư phạm của mỗi bài được thể hiện trong nội dung và hình thức SGK. Trên cơ sở định hướng của GV, HS mới có thể khai thác SGK một cách hiệu quả nhất, nghĩa là dùng SGK như một điểm tựa về kiến thức và về sự định hướng hoạt động học tập.

2.1.3.2. Những cơ sở của việc sử dụng sách giáo khoa Lịch sử theo hướng phát triển năng lực học sinh

- *Thứ nhất, sử dụng SGK Lịch sử dựa trên mục tiêu của bộ môn Lịch sử ở trường THPT.* Chương trình và SGK giáo dục phổ thông là sự thể hiện cụ thể mục tiêu giáo dục quy định trong Luật Giáo dục với những phẩm chất và NL được hình thành và phát triển trên nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cụ thể là:

(1) Hình thành và phát triển vốn kiến thức mới qua từng bài học, môn học, cấp học, để tích lũy kho báu tri thức, phục vụ học tập suốt đời và vận dụng vào cuộc sống, vận dụng vào nghề nghiệp; những kiến thức mới mà HS có được qua quá trình học tập là những hiểu biết về lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc (theo chương trình và chuẩn kiến thức).

(2) Quá trình chiếm lĩnh kiến thức cần phải có các kỹ năng cụ thể gắn với từng bài học, được HS sử dụng (dưới sự định hướng của GV) để phát hiện, củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức, qua đó mà HS có được hệ thống thao tác tư duy và thao tác thực hành bộ môn, đó là chìa khóa để tự học suốt đời trong một lĩnh vực cụ thể. Hệ thống kỹ năng mà HS được hình thành và phát triển cũng được xác định trong chuẩn kỹ năng môn học.

(3) Hiểu biết lịch sử không chỉ đơn thuần là nhớ lại để viết hoặc đọc đúng những đoạn thông tin có trong SGK, mà điều quan trọng là HS thể hiện sự tái hiện kiến thức đã có vào việc phát biểu chính kiến của mình trước sự việc diễn ra trong cuộc sống, sử dụng nó với một thái độ trân trọng, cảm phục, chia sẻ có cơ sở khoa học đối với lời nói, hành vi chính diện, hoặc phản đối, phê phán đối với những lời nói, hành vi phản diện. Có nghĩa là HS biết bảo vệ lẽ phải một cách phù hợp với khả năng nhận thức lịch sử và các kiến thức liên quan.

Tóm lại, môn Lịch sử ở trường phổ thông nhằm giúp HS đạt được trình độ văn

hóa phổ thông về lịch sử, củng cố vững chắc thế giới quan, nâng cao lòng yêu nước, yêu quê hương, có ý thức tự bồi dưỡng, nâng cao NL tư duy, hành động, có thái độ ứng xử đúng đắn trong cuộc sống, đồng thời chuẩn bị cho việc tiếp tục học tập ở bậc cao hơn. Sử dụng SGK hay các phương tiện dạy học trong quá trình DHLS đều phải thực hiện đảm bảo đạt được những mục tiêu của bộ môn nêu trên. Với chức năng và đặc trưng của mình, SGK có tác dụng rất lớn để đem lại hiệu quả cho mục tiêu, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử.

- *Thứ hai, sử dụng SGK Lịch sử phải căn cứ vào đặc trưng kiến thức được trình bày trong SGK.* Kiến thức SGK nói chung được biên soạn đảm bảo các tiêu chuẩn cơ bản, tinh giản, hiện đại, sát thực tiễn Việt Nam, tiệm cận tới trình độ một số nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Kiến thức trong SGK phải chuẩn xác, đã được thừa nhận, không còn là vấn đề đang tranh luận. Nội dung kiến thức SGK được trình bày bằng văn phong trong sáng, dễ hiểu đối với HS. Bên cạnh những đặc điểm chung của kiến thức SGK, kiến thức trình bày trong SGK Lịch sử có các đặc trưng sau:

(1) Kiến thức trình bày trong SGK Lịch sử là những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, đã diễn ra, hiện không còn tồn tại trong thực tiễn, ngoài dấu vết chứng minh một quá khứ có thực đã tồn tại. HS tiếp thu kiến thức lịch sử đòi hỏi tính trừu tượng rất cao và óc tưởng tượng rất phong phú để hình dung và phản ánh lại một cách sơ giản, nhưng chân thật về một sự kiện, một nhân vật, một hiện tượng đã trải qua, không còn trong hiện tại.

(2) Kiến thức trong SGK Lịch sử mang tính không lặp lại về không gian và thời gian. Mỗi sự kiện, hiện tượng lịch sử xảy ra trong một không gian và thời gian nhất định, chỉ xảy ra một lần duy nhất. Không có sự kiện, hiện tượng nào hoàn toàn giống nhau, dù có điểm lặp lại song chỉ là sự kế thừa, "*lặp lại trên cơ sở không lặp lại*".

(3) Lịch sử có tính cụ thể, là khoa học nghiên cứu tiến trình lịch sử cụ thể của các nước, các dân tộc khác nhau, nó có quy luật của nó nên khi trình bày các sự kiện lịch sử cần thiết phải cụ thể sinh động.

(4) Kiến thức lịch sử còn mang tính hệ thống, nghĩa là các sự kiện, hiện tượng lịch sử không rời rạc, không đơn lẻ mà có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Kiến thức lịch sử trước làm nền cho kiến thức sau để hiểu hơn kiến thức sau. Những kiến thức bộ môn thể hiện mối quan hệ trước nó, sau nó và đồng thời với nó.

- *Thứ ba, sử dụng SGK Lịch sử phải căn cứ vào đặc điểm nhận thức của HS*

Quá trình nhận thức của HS cũng như nhận thức của con người là đều theo quy luật nhận thức: từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn. Nhưng quá trình nhận thức lịch sử có những đặc thù riêng không giống quá trình lĩnh hội những tri thức khác. Giai đoạn trực quan trong nhận thức lịch sử của HS là quá trình HS tiếp xúc với tài liệu SGK và các tài liệu tham khảo cần thiết, đây là sự tiếp xúc tri thức mang tính gián tiếp. Giai đoạn tư duy trừu tượng là giai đoạn thông qua các thao tác tư duy của mình, HS hình thành những tri thức cụ thể, xử lí những thông tin, từ đó nắm được bản chất của vấn đề lịch sử, qui luật vận động, nội hàm của khái niệm. Giai đoạn cuối cùng là từ những hiểu biết của mình, HS biết cách vận dụng tri thức quá khứ để có hành động phù hợp, và định hướng tương lai. HS THPT nằm trong độ tuổi từ 15 đến 18, đây là thời kì phát triển hết sức sôi động và toàn diện về mặt tâm sinh lí và hoạt động xã hội. Hoạt động tư duy của HS có những thay đổi quan trọng. Các em có khả năng tư duy lí luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập sáng tạo những đối tượng quen biết. Nội dung và tính chất hoạt động học tập của HS THPT khác rất nhiều so với việc học tập của HS THCS. Sự khác nhau cơ bản không chỉ ở nội dung học tập ngày một sâu sắc hơn, mà quan trọng là hoạt động của HS THPT ngày càng năng động và có tính độc lập ở mức độ cao hơn; tư duy lí luận phát triển.

Chính vì vậy trong quá trình DHLS, người GV phải chú ý đến đặc điểm nhận thức của HS trong việc sử dụng SGK, trên cơ sở đó hình thành cho các em những kiến thức khoa học, nâng cao mức khái quát để nắm được bản chất của vấn đề.

2.1.3.3. Vai trò, ý nghĩa của SGK, sử dụng SGK theo hướng phát triển NL đối với HS

Quá trình tồn tại và phát triển của SGK trong nhà trường từ trước đến nay đã chứng tỏ rằng vai trò của SGK có những thay đổi phù hợp với đặc điểm phát triển của giáo dục từng thời kỳ.Nó đã từng được coi là nguồn tri thức duy nhất đối với

HS trong nhà trường. "*SGK ra đời cho nhà trường được ví như vầng trán cộng đồng, là nơi trau dồi học vấn sang trọng"* [123;tr.11]. Trên phương diện tổng thể, bộ SGK được coi là cuốn bách khoa toàn thư của đời sống.

Ngày nay, xã hội bước sang thời đại bùng nổ của CNTT, các phương tiện kỹ thuật điện tử, phương tiện truyền thông đang thâm nhập mạnh mẽ vào trường học. Từ đó đặt ra yêu cầu đổi mới SGK, xây dựng những cuốn SGK hiện đại. Trên cơ sở đó, vai trò của SGK được coi là tài liệu chính thức để GV sử dụng trong giảng dạy và HS sử dụng trong học tập, đồng thời là là cơ sở xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng để đánh giá kết quả học tập của HS. Tổ chức UNESCO đã khẳng định rằng: *"SGK là một trong ba yếu tố quyết dịnh nhất đến chất lượng giáo dục của một quốc gia bên cạnh yếu tố GV và hệ thống tổ chức giáo dục, hệ thống chương trình"*[123;tr.5].

Việc đổi mới sử dụng SGK theo hướng phát triển NL là một trong những con đường, biện pháp nâng cao chất lượng DHLS, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

- *Đối với GV*, SGK Lịch sử là loại tài liệu cụ thể hóa chương trình bộ môn, là nguồn thông tin lịch sử được chọn lọc có tính điển hình ở từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc. Dựa vào nguồn thông tin của SGK, GV có thể xây dựng nội dung bài học trên lớp, hình thành các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp cho HS. Nhưng điều quan trọng nhất đối với GV trong việc sử dụng SGK là dựa vào cơ chế sư phạm để thiết kế phương án tổ chức hoạt động sư phạm trên lớp, hướng dẫn HS học bài ở nhà, sử dụng các loại phương tiện dạy học một cách thiết thực, hiệu quả. Trong phương án tổ chức hoạt động dạy học trên lớp và trong hướng dẫn HS học tập ở nhà, GV chính là người định hướng giúp HS biết sử dụng SGK một cách chủ động, sáng tạo, nhằm tìm tòi kiến thức mới, phát triển kỹ năng bộ môn, hình thành thái độ tích cực. Trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, GV còn sử dụng SGK như một nguồn thông tin chuẩn mực, kết hợp với cơ chế sư phạm trong từng đơn vị kiến thức của SGK để thiết kế nội dung kiểm tra theo hướng phát triển NL HS.

- *Đối với HS:*

Về bồi dưỡng nhận thức: SGK là nguồn tri thức mới, với những thông tin lịch sử được trình bày theo ý tưởng sư phạm tối ưu, cung cấp những sự kiện, hiện tượng lịch sử cơ bản, chính xác, khoa học. Là tài liệu học tập chủ yếu của HS ở trên lớp cũng như ở nhà. SGK còn là loại tài liệu có tính chất như một công cụ đặc biệt để kết nối hoạt động tương tác sư phạm giữa GV và HS, giữa các HS với nhau. Trong quá trình sử dụng SGK trên lớp hoặc ở nhà, mỗi HS đều tự mình tìm tòi, phát hiện, trao đổi với bạn, nêu câu hỏi với GV về những điều mà HS băn khoăn, chưa thấy tự tin. Mỗi khi có những tình huống đặt ra trong giờ học trên lớp, trong ôn tập ở nhà hay chuẩn bị bài mới, cả GV và HS đều hướng đến SGK, dựa vào cơ chế sư phạm của SGK, suy nghĩ trên cơ sở dữ liệu và thông tin được thể hiện trong SGK, liên hệ với vốn kiến thức đã có, từ đó đưa ra giải đáp có tính phát hiện. Thực tế cho thấy, HS thường quan sát kênh hình (sơ đồ, lược đồ, tranh, ảnh tư liệu hoặc tranh ảnh minh họa) để khám phá những điều bí ẩn của lịch sử, nếu được chỉ dẫn của GV và dựa vào cơ chế sư phạm của SGK thì HS sẽ phát hiển được những thông tin lịch sử quí báu hoàn toàn khác biệt với những thông tin được biểu đạt bằng lời trong SGK.

Về phát triển kỹ năng: tiếp cập với kiến thức đã có trong kênh chữ và kênh hình trong SGK, HS từng bước phát triển các kỹ năng học tập, thực hành. HS từ việc quan sát kênh hình (sơ đồ, lược đồ, tranh, ảnh tư liệu hoặc tranh ảnh minh họa) để hiểu nội dung bài học, hiểu sâu sắc nội dung lịch sử đến thông qua nội dung kiến thức có thể xây dựng sơ đồ, niên biểu, lược đồ... làm phong phú, minh họa kiến thức lịch sử. Những phát hiện mới của HS sẽ được các em sử dụng trả lời bài tập, phát biểu trước GV và các bạn trong lớp, nếu là kết quả đúng, được GV khẳng định, được các bạn tán đồng thì sẽ kích thích sự tìm tòi, tăng cường mối liên hệ giữa HS với SGK, tạo thành một thói quen làm việc cùng SGK, có SGK, được kết nối với các loại tài liệu ngoài SGK, ngoài lớp học (như tra cứu mạng, tham khảo sách sử, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử…). Quá trình cùng nhau làm việc với SGK (cho dù được phân công thảo luận theo nhóm hay tự các HS trao đổi với nhau trong lớp, sau giờ học trên lớp) sẽ dần tạo cho HS những phong cách học tập lịch sử dưới dạng công việc nghiên cứu lịch sử thông qua SGK và những nguồn tài liệu liên quan. Kết

quả thu được vì thế luôn mang tính bền vững, được lưu giữ trong óc HS tương đối sâu sắc, tích lũy vào vốn tri thức mới một cách hào hứng. Đó là một trạng thái học tập tích cực, khơi nguồn và nuôi dưỡng sự sáng tạo trong mỗi HS, khắc phục sự nhàm chán, xơ cứng trong DHLS ở trường phổ thông.

Bên cạnh việc cung cấp kiến thức, SGK còn giúp HS ôn tập, củng cố, hệ thống hóa những kiến thức đã học, hình thành những kĩ năng vận dụng, thực hành bộ môn. Thông qua SGK, GV Đồng thời, SGK giúp HS có thể tự kiểm tra, đánh giá trình độ nhận thức của mình, góp phần phát triển ngôn ngữ, khả năng diễn đạt cho các em.

Về định hướng thái độ: Xuất phát từ đặc trưng bộ môn, SGK thông qua hệ thống kiến thức có tác dụng đối với việc giáo dục tư tưởng tình cảm, đạo đức cho các em như: Lòng yêu nước, ý thức bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử và nền văn hóa dân tộc. Việc lựa chọn thông tin, so sánh, đối chiếu, đánh giá các hiện tượng, sự kiện, nhân vật lịch sử trong SGK, giữa SGK với các tài liệu khác giúp HS nhận thức đúng về lịch sử dân tộc, lịch sử nhân loại, định hướng thái độ đúng, bản lĩnh, phản biện các nhận định, quan điểm lịch sử. Qua đó thể hiện được chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử cũng như những vấn đề trong cuộc sống hiện tại đặt ra.

Như vậy, SGK Lịch sử là cầu nối về kiến thức và cơ chế sư phạm giữa GV và HS, nó giúp cho người dạy biết hình dung và tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát huy NL HS, đồng thời nó là điểm tựa để HS có thể tự học, tự phát triển NL tư duy và hành động của chính mình. Với GV, SGK Lịch sử là phương tiện dạy học, là những ý tưởng sư phạm giúp GV biết cách hướng dẫn và tổ chức HS làm việc với SGK thật sự hiệu quả. Với HS, SGK là phương tiện học tập, nhưng cần có sự định hướng và trợ giúp của GV.

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN

2.2.1. Thực tiễn việc sử dụng sách giáo khoa Lịch sử ở một số nước trên thế giới

Ở Mĩ, trong chương trình giảng dạy của các cấp học phổ thông, môn Lịch sử được đưa vào giảng dạy từ khá sớm. Những yêu cầu đặt ra đối với mỗi cấp học

được quy định rõ ràng trong *Chuẩn quốc gia môn Lịch sử*. SGK Lịch sử Mĩ là sự tích hợp của nhiều ngành khoa học. Trong đó, sự kết nối giữa sử học và giáo dục lịch sử ở Mĩ là một đặc điểm nổi bật. SGK được biên soạn theo Chương trình chuẩn quốc gia môn Lịch sử. Chuẩn quốc gia môn Lịch sử là nền tảng cho việc DHLS. SGK Lịch sử ở cấp THCS và THPT ở Mỹ bao gồm nhiều bộ sách khác nhau. Các trường phổ thông có thể lựa chọn một trong số nhiều bộ SGK khác nhau để sử dụng, hoặc có thể thay đổi SGK nếu thấy cần thiết. Bên cạnh SGK, GV và HS có thể tham khảo các nguồn tài liệu lịch sử vô cùng phong phú và hoàn toàn miễn phí trên các website, các thư viện điện tử, thư viện của các trường, các địa phương.

Ở nước Pháp chỉ có một chương trình chuẩn quốc gia và có nhiều bộ SGK khác nhau. Những bộ SGK này được lựa chọn bởi các GV. Nét đặc biệt là chính GV là người trực tiếp lựa chọn và quyết định chọn bộ SGK nào để phục vụ công tác giảng dạy của mình. Mối quan hệ giữa chương trình và SGK phổ thông tại Pháp thể hiện tính linh hoạt cao. Nghĩa là, dựa trên một khung kiến thức chuẩn của chương trình, các bộ SGK có thể lựa chọn những nội dung cụ thể khác nhau, miễn là đáp ứng được mục tiêu đề ra của chương trình. Chẳng hạn, chương trình Lịch sử lớp 6, khi dạy về *"Nền văn minh Hy Lạp cổ đại"*, có bộ SGK lựa chọn *"Alexandre Đại đế"* để giảng dạy, trong khi các bộ sách khác lại lựa chọn các nhà khoa học Hy Lạp để bổ sung, mở rộng kiến thức cho HS. SGK có cấu trúc gồm hai phần: Phần *bài viết* và phần *cơ chế sư phạm*. Phần kênh chữ (bài viết) ngắn gọn, xúc tích. Phần kênh hình rất phong phú, đa dạng và đạt trình độ thẩm mĩ cao. Phần Tài liệu tham khảo trong SGK Lịch sử rất phong phú và chiếm phần lớn số lượng trong SGK. Cấu trúc bài viết trong SGK: Chương trình Lịch sử của Pháp được tiến hành theo các chủ đề lịch sử nhất định. Các chủ đề lịch sử được thiết kế bao gồm phần giới thiệu khái quát chủ đề; phần các tiết học trong chủ đề chung; phần hồ sơ tư liệu; phần bài tập và ôn tập.

Ở nước Đức, hệ thống giáo dục nói chung và giáo dục THPT nói riêng được Chính phủ tài trợ. Các nhà nghiên cứu giáo dục và nghiên cứu sư phạm của Đức được hỗ trợ rất nhiều khi tham gia các dự án biên soạn và xuất bản SGK Lịch sử.

Bởi theo quy định, Hội đồng giáo dục ở mỗi bang của nước Đức được quyền lựa chọn sử dụng nhiều SGK Lịch sử trong dạy học cho phù hợp với thực tiễn của bang.

Các trường ở đây được tự chủ tùy theo tình hình thực tế trường mình mà có thể lựa chọn một trong hai dạng: 1 cuốn SGK Lịch sử cho cả 3 năm học hoặc một bộ gồm nhiều cuốn SGK Lịch sử cho 3 năm học. Trong mỗi cuốn SGK được trình bày không hoàn toàn theo tiến trình phát triển của loài người, nhiều cuốn sách không có về lịch sử xã hội nguyên thủy, nhiều sách được biên soạn theo dạng chủ đề lịch sử hoặc chia nhỏ trình bày từng giai đoạn lịch sử của nước Đức và thế giới. Bên cạnh đó, một số SGK Lịch sử của Đức kèm theo một CD-Rom các hình ảnh và đoạn phim tư liệu phục vụ cho nội dung học tập. Mặc dù trong SGK Lịch sử, kênh hình gồm nhiều tranh ảnh, lược đồ, bản đồ, niên biểu nhưng CD-Rom này được coi như một kênh thông tin động làm phong phú cho kiến thức lịch sử được học trên lớp.

Giống với nhiều nước khác, Australia xây dựng chương trình dạy học quốc gia để định hướng chung cho các bang, vùng lãnh thổ, còn SGK được biên soạn và phát hành bởi nhiều nhà xuất bản khác nhau. Theo chương trình quốc gia có nhiều bộ SGK được chọn sử dụng ở các trường. Các nhà xuất bản đều có bộ sách cho HS gồm cả bản in và bản điện tử được cung cấp trực tuyến ebook và bộ sách hướng dẫn giảng dạy cho GV. Mỗi bộ sách có cấu trúc riêng song thống nhất từ lớp 7 đến lớp 10 và kết nối đến chương trình chung. Cấu trúc của một chương trong SGK thường gồm 3 phần: *Mở đầu* là bài giới thiệu tổng quan về một giai đoạn, giới thiệu các kĩ năng, câu hỏi nghiên cứu. Phần giới thiệu nội dung này được viết ngắn gọn, có bảng liệt kê các khái niệm, thuật ngữ chính trong chương, bản đồ/lược đồ, sơ đồ đường trục thời gian và các sự kiện chính; *nội dung* được phân chia thành các đơn vị bài hoặc hoạt động học tập; *cuối chương* là các hình thức kiểm tra đánh giá hoạt động học tập của cả chương.

Cấu trúc của từng chủ đề/bài: Phần bài viết ngắn gọn, có hình ảnh trực quan sinh động, tư liệu phong phú. Mục tiêu/chủ đề/câu hỏi định hướng rõ ràng, ngắn gọn tập trung vào nội dung chính của bài. Thường các chủ đề/ bài có sơ đồ đường thời gian tổng kết các sự kiện chính trong bài học có nhiều sự kiện. Trong SGK

cũng thể hiện rõ các hoạt động học tập đa dạng, phong phú, có các hoạt động rèn luyện kĩ năng, có bài tập, câu hỏi được chia theo cấp độ (nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo). Các hoạt động học tập còn hướng dẫn HS phân tích tư liệu trích dẫn. Trong các bài có các phần tìm hiểu về các nhân vật lịch sử quan trọng hoặc có ảnh hưởng, đóng góp cho sự kiện đó. Cuối bài là mục kết nối ý tưởng, luôn đặt HS vào những vấn đề mang tính thực tiễn cao.

Với Trung Quốc, ngay từ thời kỳ đầu cải cách đã áp dụng kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong việc sử dụng SGK cho các môn học ở nhà trường phổ thông, trong đó có môn Lịch sử. Xóa bỏ "*độc quyền*" trong sử dụng sách, không lựa chọn một bộ SGK duy nhất mà tạo ra cơ chế "*cạnh tranh*" trong sử dụng sách là một chính sách quan trọng thúc đẩy việc biên soạn SGK và dạy học ở Trung Quốc. Ngoài việc biên soạn và thẩm định nghiêm ngặt, việc sử dụng SGK còn có điểm đáng lưu ý khác là mỗi đơn vị cấp tỉnh của Trung Quốc lựa chọn 1 bộ SGK và giảng dạy thống nhất trong toàn tỉnh. Các bộ SGK Lịch sử có nội dung thống nhất, chỉ khác nhau ở tính hấp dẫn trong cách viết, cách trình bày và định hướng phương pháp giảng dạy.

Tổng hợp những vấn đề thực tiễn sử dụng SGK ở các nước trên thế giới, Luận án khái quát một số vấn đề sau:

Một là, SGK Lịch sử ở các nước phát triển trên thế giới đều nhằm mục tiêu phát triển NL HS. Theo đó, nội dung SGK Lịch sử thường cấu trúc theo hai phần: trình bày nội dung kiến thức và phần gợi ý các hoạt động sư phạm. Phần nội dung kiến thức chỉ chắt lọc những kiến thức cơ bản, tinh giản nhất. Phần hoạt động sư phạm đưa ra những gợi ý về hoạt động giáo dục bao gồm: hệ thống các câu hỏi, bài tập, các kênh hình, bài đọc thêm, tài liệu tham khảo, hệ thống tư liệu, số liệu minh chứng...Các tình huống sư phạm, các bài học sẽ được đặt ra dưới dạng các chủ đề. SGK không chạy theo khối lượng tri thức mà chú ý khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nhận thức lịch sử, thái độ, tình cảm vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống hàng ngày của HS. Việc tích hợp và lồng ghép các giá trị thực tế đời sống vào SGK, tăng cường tính sư phạm, tính hấp dẫn và tính bền vững của SGK Lịch sử

được đặc biệt chú trọng.

Hai là, những tiêu chí quan trọng đặt ra đối với SGK Lịch sử phải vừa là tài liệu cung cấp nội dung dạy học, vừa là nơi khởi đầu, kích thích sự tìm tòi kiến thức từ các nguồn khác nhau. Nội dung SGK Lịch sử phải tạo cơ hội cho việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực theo phương châm lấy quá trình học tập của HS làm trung tâm và khơi gợi hứng thú khát vọng học tập suốt đời, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống. SGK Lịch sử được xem như một công cụ quan trọng trong quá trình dạy học, giúp cho người thầy không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà là người tổ chức, hướng dẫn HS tự học, tự khai thác kiến thức, vận dụng kiến thức để hình thành NL, phẩm chất, kĩ năng lịch sử. Ba vấn đề cơ bản nhất được SGK Lịch sử chú trọng là kiến thức (kiến thức cơ bản, tinh giản, có hệ thống, cập nhật, vừa sức, phải tạo hứng thú, phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS); thực hành (kết hợp lý thuyết và thực hành, phân tích, sáng tạo) và ứng dụng (áp dụng kiến thức, khả năng sáng tạo, kỹ năng ứng dụng vào tình huống thực tế, rút ra bài học lịch sử).

Ba là, SGK Lịch sử của các nước rất chú trọng đến tính mới mẻ, sáng tạo trong kết cấu. Mỗi bài học đều có tóm tắt nội dung của bài, của chương (chapter outline), từ khóa nhận thức (key words), tài liệu lịch sử ở các dạng khác nhau (tài liệu gốc (primary sources) và tài liệu tham khảo), câu hỏi thảo luận cho các đối tượng HS (trung bình, khá, giỏi)…Mặt khác, kênh hình được in màu với hình ảnh phong phú, được xem là một bộ phận cấu thành quan trọng của SGK, với chức năng cung cấp thông tin và dẫn dắt HS. Hệ thống kênh hình phong phú, đa dạng và có tính minh họa cao đã tạo ra sự hấp dẫn, yêu thích của người học, của thế hệ trẻ đối với lịch sử. Đối với mỗi thời kỳ lịch sử, tùy theo yêu cầu và lứa tuổi HS, SGK chọn một số sự kiện tiêu biểu nhất để khắc họa cho HS, trong khi tính hệ thống của lịch sử được trình bày dưới dạng các mô hình, sơ đồ rất dễ hiểu. Những yếu tố này đã khiến cho SGK Lịch sử đáp ứng được yêu cầu của người học và nâng cao chất lượng của quá trình dạy học.

Bốn là, việc trang bị kĩ năng sử dụng SGK cho HS được quan tâm. Khi bắt đầu cuốn sách, SGK đều có phần hướng dẫn sử dụng ngắn gọn, chỉ dẫn các thông

tin sách cung cấp trong một bài học. Việc cung cấp chỉ dẫn đó có tác dụng để định hướng HS biết sử dụng SGK, biết được chức năng của các thành phần trong một bài viết.

2.2.2. Thực tiễn việc dạy học lịch sử ở trường THPT

2.2.2.1. Tình hình việc dạy học Lịch sử ở trường THPT

Bằng nhiều nguồn thông tin từ điều tra, phỏng vấn, dự giờ thăm lớp, tham dự các hội thảo, hội nghị tập huấn..., chúng tôi phác họa bức tranh chung về tình hình DHLS hiện nay ở trường THPT.

** Tình hình dạy lịch sử của GV*

Để nắm rõ tình hình thực tiễn DHLS của GV ở trường THPT, chúng tôi tiến hành phát phiếu hỏi với 224 GV thuộc một số trường THPT trên địa bàn Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ. Việc điều tra trên được tiến hành kết hợp trong công tác thanh tra chuyên môn và các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn. Nội dung điều tra về thực tiễn DHLS (*xem Phụ lục 2a*) có kết quả như sau:

Trong những năm học gần đây, mặc dù đã có nhiều cố gắng của thầy cô giáo, song chất lượng DHLS vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội (có 179/224 ý kiến). Việc DHLS có nhiều đổi mới, tích cực hơn so với trước như cơ sở trường lớp được đầu tư, đồ dùng phương tiện DHLS ngày càng phong phú, việc ứng dụng CNTT vào dạy học LS đang diễn ra sôi nổi; một số đáng kể GV đã và đang vận dụng nhiều phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Từ đó, nhiều giờ học lịch sử đạt hiệu quả tốt, HS tích cực hăng hái học tập, nhất là trong giờ thao giảng.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng việc DHLS hiện nay còn nhiều hạn chế như: Cách dạy học theo lối cũ đọc - chép, thuyết giảng vẫn tồn tại; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá còn nửa vời, mang tính đối phó; áp dụng phương pháp dạy học tích cực chưa thành thục, chưa phát huy hiệu quả…

Để khắc phục điều này, nhiều ý kiến đề nghị tập trung một số giải pháp: Xác định đúng vị thế môn học; xây dựng chương trình, SGK theo hướng hiện đại; hỗ trợ phương tiện dạy học có tính trực quan; đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá bộ môn; nhất là đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ thầy cô giáo.

Có 139/224 ý kiến cho rằng, việc sử dụng SGK với GV và HS còn mang tính hình thức, chủ yếu GV dựa vào SGK để soạn bài cho đúng kết cấu nội dung, ít chú ý cơ chế sư phạm; HS thường đọc kênh chữ, quan sát kênh hình một cách bị động, dùng SGK làm tài liệu khi thi, kiểm tra.

** Tình hình học lịch sử của HS ở trường THPT:*

Để nắm tình hình thực tế, chúng tôi thiết kế bảng hỏi, thông tin phản hồi ở từng nội dung hỏi (*xem Phụ lục 2d*).

Về mức độ yêu thích bộ môn: Qua kết quả điều tra, nhiều HS đưa ra câu trả lời ở mức độ là bình thường, các em không tỏ rõ thái độ thích hay không thích (48,9%). Trong khi đó, số HS không thích môn Lịch sử nhiều hơn số HS thích học môn này.

Về việc học tập môn Lịch sử: Kết quả trên cho thấy đa số HS nhận thức được vai trò của môn học có tầm quan trọng về giáo dục truyền thống dân tộc, song các em cũng thẳng thắn thừa nhận đây là môn học khó, lắm sự kiện, trừu tượng…nên "*học không vào*". Kết quả trên cho thấy, HS khá công bằng khi cho rằng, nếu GV dạy hấp dẫn thì HS vẫn rất thích học môn Lịch sử; mặt khác do áp lực phải tập trung ôn thi các môn bắt buộc thi tốt nghiệp, nên HS không mấy quan tâm đến môn Lịch sử. Điều này chứng tỏ HS phản ánh đúng thực tế hiện nay, có 2 nguyên nhân chủ yếu gây trở ngại cho sự yêu thích môn Lịch sử của HS, trước hết là GV chưa truyền được cảm hứng cho HS, sau nữa là HS không có thời gian chuyên tâm khi mà môn Lịch sử không được coi là môn bắt buộc trong thi tốt nghiệp THPT.

** Nhận xét về chất lượng DHLS ở trường THPT hiện nay:* Trong những năm gần đây, vấn đề giáo dục nói chung và giáo dục lịch sử nói riêng đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, của Bộ GD&ĐT nên đã có những bước phát triển mới. Đó là sự đổi mới về nội dung, chương trình, SGK và phương pháp dạy học.Một số thầy cô giáo tâm huyết với HS và trách nhiệm đối với môn học, đã có nhiều cố gắng cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao tính hấp dẫn của môn học. Một số HS dưới sự hướng dẫn của các thầy cô tâm huyết và năng động đã vươn lên đạt điểm cao trong các kỳ thi HS giỏi. Tuy nhiên, việc đổi mới đó còn chậm và chưa đồng bộ, trong đó việc DHLS vẫn còn những bất cập và tồn tại, khiến chất lượng dạy

học của HS chưa cao. Thực trạng dạy và học môn Lịch sử trong trường phổ thông đã gây ra những bức xúc, lo âu trong xã hội.

2.2.2.2. Nguyên nhân của thực trạng dạy học lịch sử hiện nay

Thứ nhất, vị trí môn học bị coi là môn phụ. Thực trạng DHLS hiện nay có chất lượng thấp bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân.Trước tiên chính là việc nhận thức về bộ môn lịch sử của HS, các bậc phụ huynh và ngay cả những GV giảng dạy bộ môn Lịch sử. Hiện nay, bên cạnh những GV tâm huyết với nghề, vẫn còn một số GV bị chi phối bởi tâm lí *"môn phụ"* nên chưa thật sự yên tâm dạy học.

Thứ hai, chương trình, SGK và các phương tiện hỗ trợ còn lạc hậu, không hấp dẫn người học. Qua nhiều lần đổi mới chương trình và SGK, nhưng nhìn chung chương trình vẫn còn nặng, kiến thức hàn lâm, cách diễn đạt trong SGK còn trừu tượng….Nhiều chuyên gia phê phán cách xây dựng chương trình, biên soạn SGK Lịch sử ở phổ thông của ta có nhược điểm lớn nhất là thiên về hướng tiếp cận kiến thức, chưa thể hiện rõ phát triển NL người học.

Thứ ba, hiệu quả phương pháp dạy học thấp. Thực tế cho thấy, một trong nhiều nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc DHLS ở trường THPT chưa tương xứng với tính sinh động vốn có của lịch sử, đó là "*sự lạc hậu, bảo thủ về phương pháp dạy học lịch sử"* [26;tr.52]. Như kết quả khảo sát, đa số ý kiến HS được hỏi cho rằng, GV dạy chưa hấp dẫn, nên HS thấy nhàm chán. Nếu đối chiếu với bản chất các sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử thì có thể thấy, GV đã chưa có thủ thuật để lôi cuốn HS vào hoạt động tìm tòi kiến thức mới trong SGK và trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ GV chưa nắm được một cách thấu đáo cơ chế sư phạm của SGK để thiết kế bài học tối ưu. GV không chỉ nhìn vào SGK để thông tin một cách vô cảm các sự kiện, nhân vật lịch sử, mà cần phải tổ chức các hoạt động sư phạm tương tác giữa thầy với trò, giữa trò với trò, giữa trò với SGK và các loại phương tiện dạy học khác.

2.2.3. Thực tiễn của việc sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử ở trường THPT

2.2.3.1. Điều tra, khảo sát thực tiễn việc sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử

Nhằm đánh giá tình hình việc sử dụng SGK của GV và HS. Chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát 161 GV và 792 HS ở một số trường THPT ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, An Giang, Kiên Giang. Kết quả điều tra là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả luận án đề xuất các biện pháp việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL học tập của HS.

Phiếu điều tra dành cho HS, chúng tôi nêu các câu hỏi nhằm tìm các hoạt động của HS trong quá trình học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng SGK của các em.

Phiếu điều tra dành cho GV, chúng tôi đưa ra những câu hỏi nhằm tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả việc sử dụng SGK, đồng thời còn tìm hiểu những công việc GV tiến hành trong giờ lên lớp, những công việc đó có ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng SGK của GV.

Các góc độ khảo sát:

- Về mặt nhận thức: Nắm hiểu biết của HS về SGK Lịch sử hiện hành.
- Về mặt hành động: Nắm thông tin về việc sử dụng SGK Lịch sử.
- Về thái độ: Nắm thông tin về mối quan tâm của HS đối với SGK Lịch sử.

Thời gian điều tra: Điều tra thực tiễn sử dụng SGK Lịch sử được tiến hành trong năm học 2013 -2014 và năm học 2014 - 2015.

Sau khi tiến hành điều tra, chúng tôi tiến hành xử lý số liệu và thu được kết quả đáng tin cậy, phản ánh thực trạng việc sử dụng SGK (*xem phụ lục 2c*). Kết quả điều tra được thể hiện trên các mặt như sau:

** Quan niệm của GV về SGK:*

Không phải là tất cả GV đều có quan niệm đúng về cấu trúc SGK LS ở trường THPT. Một bộ phận không nhỏ (20,5%) GV vẫn quan niệm cấu tạo SGK theo loại hình thông tin mà chia thành kênh chữ và kênh hình. Trong khi đó, tỷ lệ cao nhất

(75,5%) cho rằng SGK được cấu tạo gồm có bài viết và cơ chế sư phạm. Điều đó cho thấy, đa số GV hiện nay đã có cách tiếp cận mới, đúng đắn về cấu trúc của SGK.

Tỷ lệ GV xác định đúng vai trò của SGK trong DHLS còn chưa cao. Tỷ lệ GV xác định SGK có vai trò là tài liệu mang tính định hướng, hỗ trợ hoạt động học tập chỉ chiếm 57,8%. Trong khi đó, một số đáng kể (43,5%) GV có nhận thức chưa đúng khi lựa chọn phương án SGK có vai trò là tính pháp lý, bắt buộc.

Tỷ lệ GV xác định cần nhận thức đúng vai trò của SGK chiếm 63,4%; nắm vững chuyên môn, khai thác SGK chiếm 68,3%; biết phát huy NL tự học, thực hành của HS chiếm 65,8%...Điều đó cho thấy khi sử dụng SGK, GV cần nhận thức đúng về vai trò, biết cách khai thác SGK, biết tổ chức hướng dẫn phát triển NL tự học và thực hành cho HS.

** Quan niệm của HS về SGK:*

Qua điều tra mức độ yêu thích khi sử dụng SGK trong học tập lịch sử của HS ở trường THPT, chúng tôi nhận thấy, số HS không thích sử dụng SGK nhiều hơn số HS thích sử dụng SGK là 83 em. Tuy nhiên, trong số HS được hỏi nhiều em đưa ra câu trả lời chung chung là bình thường (341 em), các em không tỏ rõ thái độ thích hay không thích.

Tỷ lệ HS lựa chọn hai phương án tài liệu quan trọng nhất và tài liệu mang tính tham khảo là ở mức tương đương nhau (47% và 46%). Một số ý kiến khác chiếm tỷ lệ nhỏ (6%) chủ yếu cho rằng SGK là tài liệu duy nhất. Kết quả trên cho chúng ta thấy HS quan niệm đúng về vai trò của SGK Lịch sử còn chiếm tỷ lệ thấp.

Những kết quả thống kê trên cho thấy, những đánh giá tích cực về nội dung bài học SGK (gồm các phương án nội dung dễ hiểu, dễ nhớ, súc tích và có nhiều sự kiện phong phú) chỉ chiếm tỷ lệ là 32%. Đa số HS nhận thức rằng nội dung bài học SGK còn dài, khó học (chiếm tỷ lệ 64%). Tỷ lệ cao nhất là 55% HS lựa chọn đánh giá rằng kênh hình SGK hiện hành ít và chưa đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu lịch sử. Trong khi đó, phương án kênh hình SGK đủ, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu lịch sử chỉ chiếm tỷ lệ khá thấp (14%).

Về phần tư liệu tham khảo của bài học, chúng tôi thu được kết quả như sau: Số lựa chọn rất cần thiết chiếm 36%, lựa chọn không cần thiết chiếm 15%... Mức độ phân hoá của các phương án chưa cao. Điều đó cho thấy số HS coi trọng việc sử dụng phần tư liệu tham khảo trong quá trình học tập chưa cao.

Tỷ lệ HS cho rằng câu hỏi, bài tập đạt mức độ yêu cầu phù hợp đạt 55%, phương án dễ hiểu, dễ trả lời chỉ chiếm 9%. Trong khi đó tỷ lệ HS lựa chọn phương án khó hiểu, khó trả lời chiếm 18%. Điều đó nhận thấy, câu hỏi, bài tập SGK theo quan điểm của HS vẫn còn bất cập trong việc diễn đạt, chưa tạo hứng thú để HS tích cực giải quyết các nhiệm vụ học tập. HS sử dụng trong việc khai thác kiến thức giải quyết vấn đề, dùng để tự học là chủ yếu. Với việc phát triển NL thực hành bộ môn và các NL khác chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ.

** Việc sử dụng SGK của GV*

Kết quả điều tra cho thấy, GV chủ yếu chỉ sử dụng SGK để soạn giáo án và tổ chức dạy học trên lớp. Tuy nhiên vẫn có khoảng 1/3 ý kiến cho rằng khi soạn giáo án và tổ chức giờ học trên lớp thì không sử dụng SGK. Trong khi đó ở các bài học ôn tập, sơ kết, tổng kết và bài kiểm tra, đánh giá thì việc sử dụng SGK lại chưa được quan tâm, chỉ chiếm tỷ lệ trên dưới 50%.

Đối với sử dụng SGK trong việc chuẩn bị bài học của GV, chúng tôi thu được kết quả: Sử dụng thông tin kiến thức từ bài viết SGK (86,3%), sử dụng câu hỏi để định hướng kiến thức cơ bản (70,2%), sử dụng kênh hình để minh họa (53,4%). Điều đó cho thấy, phần thông tin kiến thức và phần câu hỏi được GV chú ý khai thác nhiều hơn.

Khi hướng dẫn HS sử dụng SGK trong giờ học, GV chủ yếu là hướng dẫn HS sử dụng thông tin để giải quyết các vấn đề học tập (92,5%). Trong khi đó nội dung theo dõi tiến trình bài học và yêu cầu tự đọc những phần GV không giảng trên lớp thì chưa được GV chú ý hướng dẫn.

Cách thức GV hướng dẫn HS sử dụng SGK để chuẩn bị bài ở nhà chưa được chú ý nhiều. Đa phần khi GV kết thúc bài học, chỉ nêu yêu cầu chuẩn bị ở nhà và nhắc một cách chung chung cách làm mà chưa có hướng dẫn cụ thể. Do vậy việc sử

dụng SGK ở nhà của HS còn có những hạn chế. Việc đọc trước SGK để tìm hiểu bài học tiếp theo vẫn chưa được quan tâm (chỉ chiếm 39,8%).

** Việc sử dụng SGK của HS*

Khó khăn lớn nhất mà HS gặp phải là nội dung bài viết dài, trong khi thời gian dành cho việc học tập bộ môn có hạn (chiếm 80%). Một số ý kiến khác cho rằng cách trình bày của SGK còn đơn điệu, những chỉ dẫn học tập của SGK dường như không có.

Việc sử dụng SGK Lịch sử trước khi lên lớp của HS là vấn đề quan trọng trong việc phát triển NL tự học cho HS. Tỷ lệ HS sử dụng SGK khi GV yêu cầu chiếm tỷ lệ cao nhất (50%), tỷ lệ HS không sử dụng SGK trước khi lên lớp chiếm mức khá là 28%. Trong khi đó tỷ lệ HS tự giác đọc trước SGK chỉ chiếm tỷ lệ thấp (19%).Điều đó cho thấy, vai trò của GV rất quan trọng trong việc ra nhiệm vụ và hướng dẫn HS sử dụng SGK trước khi lên lớp.

Đa số HS sử dụng SGK để theo dõi tiến trình bài giảng (52%). Trong khi đó, nhiệm vụ quan trọng khi sử dụng SGK để trả lời hệ thống câu hỏi của GV thì chỉ chiếm tỷ lệ khá thấp (16%)…Điều đó chỉ ra rằng thực tiễn sử dụng SGK Lịch sử trong giờ lên lớp chưa tập trung vào đúng chức năng của SGK.

Việc sử dụng SGK ngoài giờ lên lớp chủ yếu vẫn chỉ là lấy kiến thức (chép một câu hoặc một đoạn có sẵn trong SGK) để trả lời các câu hỏi, bài tập nào đó do GV giao, sử dụng SGK để ôn tập cũng ở mức độ thấp (đọc thuộc những câu, những đoạn có sẵn trong SGK). HS chưa có sự kết nối giữa SGK với các loại tài liệu khác có liên quan. Như vậy, qua khảo sát tại các trường phổ thông, chúng tôi nhận thấy HS đã nhận thức được tầm quan trọng SGK đối với việc học tập lịch sử, bước đầu chú ý quan tâm sử dụng SGK trong quá trình học tập của bản thân. Tuy nhiên, mức độ hứng thú học tập với SGK Lịch sử chưa cao, đa phần các em chỉ sử dụng khi có yêu cầu của GV. Việc tự học và trang bị kỹ năng đọc SGK của HS còn chưa được quan tâm.

2.2.3.2. Một vài nhận xét về thuận lợi và khó khăn của việc sử dụng sách giáo khoa theo hướng phát triển năng lực học sinh trong dạy học lịch sử

SGK Lịch sử hiện hành ở trường THPT luôn tuân thủ nội dung cơ bản của chương trình bộ môn, có những đóng góp quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học lịch sử hiện nay. Đứng trước yêu cầu đổi mới hiện nay, việc sử sụng SGK phải tập trung vào mục tiêu phát triển NL và phẩm chất người học. Từ kết quả điều tra nghiên cứu của luận án và một số công trình nghiên cứu khác, chúng tôi đưa ra một vài nhận xét như sau:

** Về những thuận lợi của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS trong DHLS*

Trước tiên, với những ưu điểm của mình, SGK Lịch sử hiện hành bước đầu có thể được khai thác sử dụng đáp ứng mục tiêu phát triển NL HS. SGK có nội dung kiến thức chuẩn, có nhiều cập nhật những thành tựu mới của sử học, là chỗ dựa tốt về kiến thức cho GV và HS trong quá trình dạy học. So với các cuốn SGK trước, SGK hiện hành đã có nhiều đổi mới về nội dung, đảm bảo tính toàn diện về nội dung trên các mặt từ kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, văn hoá…SGK có đổi mới về hình thức, diễn đạt trong sáng. Hệ thống câu hỏi cuối bài, cuối mục trọng tâm, góp phần củng cố bài, phát triển tư duy HS, giúp HS có khả năng liên hệ - kết nối kiến thức. Hệ thống tài liệu tham khảo, kênh hình đa dạng, phong phú, có tác dụng tích cực hỗ trợ cho hoạt động dạy học.

Thứ hai, trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu và kinh nghiệm sử dụng hiệu quả SGK hiện hành, GV vẫn có thể tiến hành các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển NL HS. Nổi bật nhất là GV có thể sử dụng theo mô hình sơ đồ Đai-ri, từ đó hình thành kiến thức cốt lõi của bài, bổ sung kiến thức tham khảo, làm cho bài học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

Thứ ba, việc đổi mới phương pháp DHLS ở các nhà trường phổ thông có những chuyển biến tốt như áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, dạy học nêu vấn đề, phát triển năng lực tư duy, năng lực thực hành…Nhiều GV đã tiến hành đa dạng các hình thức học như học nhóm, học ở lớp, học thực địa bảo tàng… Những

phương pháp và kĩ thuật dạy học mới được áp dụng trong quá trình dạy học là cơ sở để GV, HS sử dụng linh hoạt, sáng tạo SGK để phát triển NL HS.

** Về những khó khăn của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS trong DHLS*

Thực hiện nhiệm vụ phát triển NL HS, việc sử dụng SGK Lịch sử hiện hành của GV và HS đứng trước nhiều khó khăn:

Thứ nhất, do yêu cầu mới của thực tiễn đặt ra, SGK hiện hành vẫn còn tồn tại một số bất cập, tạo ra những khó khăn trong quá trình dạy học theo hướng phát triển NL người học. Sau một quá trình sử dụng, nội dung SGK bộc lộ một số điểm hạn chế: Phần kiến thức trình bày trong SGK còn mang nặng tính hàn lâm, nặng nề về sự kiện ngày tháng năm; tính cụ thể về các nhân vật lịch sử quan trọng còn mờ nhạt; một số nội dung của lịch sử còn tạo cảm giác như lịch sử bị chính trị hoá, sử dụng từ ngữ biểu cảm, nhất là chữ "*ta*", làm cho nội dung lịch sử lại biểu đạt theo ý thức chủ quan. Một số chương, bài chưa có sự phân biệt rõ lịch sử thế giới với lịch sử các nước trên thế giới, thậm chí nhiều bài, mục sa vào lịch sử cụ thể của từng nước. Phần Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa TK XIX, nội dung tình hình kinh tế, xã hội, văn hoá cứ lặp đi lặp lại theo lối dàn trải mà không nêu bật được những thành tựu, tiến bộ tiêu biểu của mỗi thời kỳ. Phần Lịch sử Việt Nam từ giữa TK XIX đến năm 1975 lại nặng về lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, những chuyển biến về kinh tế - xã hội, văn hoá còn mờ nhạt. Từ năm 1975 đến năm 2000, SGK trình bày dưới dạng kế hoạch 5 năm theo kiểu công thức, không tạo được hứng thú học tập cho HS.

Cùng với đó, SGK vẫn chưa cập nhật những thành tựu nghiên cứu mới về lịch sử, tiêu biểu như quan điểm lịch sử Việt Nam là toàn bộ quá trình lịch sử của tất cả cộng đồng dân tộc diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay…Một số nội dung cần bổ sung, làm rõ thêm như vấn đề cuộc chiến tranh Biên giới 1979; vấn đề chủ quyền biển đảo đối với Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông…

Thứ hai, phần cơ chế sư phạm trong SGK là bộ phận quan trọng, là những gợi ý các hoạt động sư phạm, tuy nhiên cơ chế sư phạm trong SGK Lịch sử hiện hành

còn thiếu và chưa hấp dẫn. Hệ thống câu hỏi, bài tập chủ yếu nhằm vào việc trình bày và trang bị kiến thức. Kênh hình vừa ít vừa không hấp dẫn. Hệ thống tư liệu, số liệu minh chứng chưa được quan tâm.

Thứ ba, đối với vấn đề tích hợp và lồng ghép các giá trị thực tế đời sống trong SGK Lịch sử hiện hành còn thiếu vắng. Do vậy khi thực hiện việc dạy học tích hợp, GV chỉ có thể tiến hành bằng cách cập nhật, bổ sung kiến thức từ các tài liệu tham khảo.

Thứ tư, qua phỏng vấn, điều tra, chúng tôi nhận thấy thực tiễn sử dụng SGK còn tồn tại một số bất cập: GV vẫn chủ yếu tiến hành sử dụng SGK theo lối truyền thụ kiến thức, coi kiến thức là cái đích cuối cùng của việc dạy học. Đa số HS vẫn chưa có kỹ năng sử dụng SGK đem lại hiệu quả học tập, chưa liên kết sử dụng SGK với các tài liệu tham khảo trong quá trình học tập.

Thứ năm, đổi mới chương trình, SGK là một vấn đề mới, do vậy đa số GV và HS còn nhận thức chưa đầy đủ về việc phát triển NL nói chung, việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS nói riêng. Nhiều GV còn lúng túng trong việc triển khai các biện pháp đổi mới sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Vấn đề chuyển đổi triết lí dạy học từ việc dạy kiến thức, lấy việc cung cấp kiến thức làm nhiệm vụ trung tâm sang việc hình thành và phát triển NL HS là một quan điểm xuyên suốt của Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Theo tinh thần đó, việc sử dụng SGK trong dạy học phải tiếp cận theo hướng phát triển NL HS; yêu cầu này cần được quán triệt sâu sắc trong cán bộ quản lý giáo dục, trong GV, HS, nhưng trước hết phải được những người xây dựng chương trình, biên soạn SGK nắm vững và vận dụng sáng tạo, phù hợp đặc trưng từng môn học, cấp học. Việc đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, hình thức, cơ chế sư phạm trong SGK ở bậc phổ thông nói chung, SGK môn Lịch sử ở THPT nói riêng là một trong những yếu tố quan trọng, là tiền đề cho đổi mới phương pháp dạy học.

SGK môn Lịch sử không chỉ là tài liệu cụ thể hóa chương trình, phản ánh những thành tựu của Khoa học lịch sử mà còn thể hiện những kết quả mới nhất của khoa học giáo dục từ cách biên soạn, bố cục, trình bày đến văn phong, ngôn ngữ…

SGK Lịch sử là sự tích hợp của Khoa học lịch sử với Khoa học giáo dục. Nó là tài liệu cơ bản, chính thống viết cho HS, để HS học ở trên lớp và tự học ở nhà, đồng thời là chỗ dựa quan trọng để người GV chuẩn bị và tổ chức dạy học trên lớp.

Thực tế cho thấy, việc sử dụng SGK của GV và HS vẫn còn ở mức hạn chế, chưa tư duy cách dạy và cách học theo đúng cơ chế sư phạm mà các nhà biên soạn đã gửi gắm trong từng chương, mục và ở mỗi hình trực quan. Những vấn đề trên đặt ra một câu hỏi bức thiết: Phải sử dụng SGK như thế nào để lịch sử không còn là một môn học chỉ thiên về đọc - chép những sự kiện, những con số một cách kinh viện, xơ cứng và để môn học này khơi gợi được niềm say mê hứng thú đối với các em HS, để chất lượng dạy và học lịch sử được nâng cao. Nếu khắc phục được những hạn chế nêu trên thì chắc chắn SGK sẽ thực sự là kho tư liệu thông tin chuẩn mực, dựa vào đó, người dạy và người học có thể mở rộng, nâng cao vốn kiến thức lịch sử gắn với thực tiễn cuộc sống sinh động.

Từ những cơ sở lí luận và thực tiễn việc sử dụng SGK trong DHLS ở trường THPT hiện nay, Luận án tiếp tục đi sâu vào chương 3 xác định các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS.

CHƯƠNG 3:
CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

(Thực nghiệm sư phạm qua dạy học lớp 11 - Chương trình chuẩn)

Trên cơ sở những vấn đề lí luận và thực tiễn của việc sử dụng SGK Lịch sử, phát triển NL HS trong sử dụng SGK Lịch sử, chương 3 luận án tập trung giải quyết vấn đề mấu chốt của đề tài là: Các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL của HS. Tinh thần cốt lõi của các biện pháp là sự thể hiện vận dụng sáng tạo thành tựu nghiên cứu về sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS, phản ánh được cách tiếp cận về đổi mới phương pháp DHLS ở trường phổ thông hiện nay.

3.1. MỘT SỐ YÊU CẦU KHI XÁC ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

3.1.1. Quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nêu rõ cần chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện NL và phẩm chất người học. Đây chính là quan điểm của Đảng được khẳng định từ Nghị quyết số 29-NQ/TW (khóa XI). Phát triển toàn diện NL học tập, HS buộc phải tư duy và thực hiện các thao tác cần thiết như làm việc với SGK, trao đổi với bạn, xin ý kiến của GV, thể hiện chính kiến của mình trước tập thể…Vì vậy, trong xây dựng chương trình và SGK mới đối với môn Lịch sử, cần phải đổi mới tư duy về cấu trúc SGK để bảo đảm tính định hướng sư phạm, giúp GV, HS biết dựa vào cơ chế sư phạm mà tìm kiếm tri thức mới. Muốn thực hiện được điều này, SGK phải được tích hợp một cách hài hòa giữa kiến thức với kỹ năng cần thiết phải được phát triển cho HS, phải thiết kế làm sao để khi dạy và khi học cả GV và HS đều buộc phải "*động não tích cực*". Cơ chế sư phạm chính là chìa khóa giúp GV và HS sử dụng SGK hướng vào tự tìm tòi, tự chiếm lĩnh kiến thức và hình thành kỹ năng.

Ví dụ, khi dạy học bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) trong chương trình lịch sử lớp 11, mục đích sử dụng SGK không phải liệt kê những chuỗi sự kiện, nhân vật, rót đầy những kiến thức về cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai cho HS mà là từ những thông tin lịch sử có giá trị phác họa một số nét chấm phá về chiến tranh thế giới thứ 2, dựa vào thông tin đó, cùng với sự khơi gợi bằng ngôn từ của SGK, sự định hướng của GV sẽ giúp HS có được sự tương tác sư phạm (chủ yếu với SGK) trước khi lên lớp, trong khi học trên lớp, sau khi học trên lớp, qua quá trình sư phạm như vậy thì SGK trở thành một công cụ đặc biệt chuyển biến thành những NL ở HS như NL giải quyết vấn đề, NL tư duy phản biện, NL hợp tác...

Nếu sử dụng SGK theo hướng truyền tải kiến thức đơn thuần thì GV sẽ thông tin các sự kiện, nhân vật, diễn biến, đặt một số câu hỏi giản đơn với mục đích kiểm tra trí nhớ; khi đó, HS sẽ sử dụng SGK rất thụ động, chủ yếu đọc thông tin và nhắc lại. Trong khi đó, sử dụng SGK theo quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện NL HS thì GV sẽ hướng dẫn HS khai thác SGK như tiến hành một cuộc điều tra lịch sử để giải quyết một số vấn đề cốt lõi như: Vì sao nổ ra chiến tranh thế giới thứ hai? Qua diễn biến cuộc chiến tranh hãy phân tích vai trò của Liên Xô, Mỹ và Anh trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít; hậu quả cuộc chiến tranh đối với nhân loại; bài học cho hiện tại.

3.1.2. Khai thác tổng hợp và hiệu quả các thành tố trong nội dung sách giáo khoa

SGK không đơn thuần là một loại sách cung cấp tri thức thông thường mà là một tài liệu vừa cung cấp thông tin cốt lõi vừa tạo cơ chế sư phạm để buộc GV và HS phải tiến hành các thao tác tư duy một cách tích cực. SGK được cấu tạo gồm nhiều thành phần khác nhau, có quan hệ bổ trợ cho nhau, có sự tích hợp giữa yếu tố kiến thức mới, kỹ năng mới, thái độ mới trong toàn bộ kênh chữ, kênh hình. Việc khai thác một cách toàn diện các thành phần SGK là một yêu cầu quan trọng. Khai thác hiệu quả SGK Lịch sử có nghĩa là không khai thác đơn lẻ, đối chiếu, hình thức...mà chú trọng chiều sâu, tính hiệu quả sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nhận thức, tư duy lịch sử của HS. Với cách tiếp cận như vậy, SGK Lịch sử vừa

là kho báu tri thức lịch sử vừa là sự khơi gợi để GV và HS tìm cách chiếm lĩnh kho báu đó một cách hiệu quả tối ưu.

SGK Lịch sử là tài liệu học tập cơ bản, có nhiều thành phần mà HS cần nắm vững khi học tập, đó là bài viết và những thành tố của "*cơ chế sư phạm"* như tranh ảnh, bản đồ, câu hỏi, bài tập…góp phần giúp HS hiểu sâu sắc bài viết. GV cần hướng dẫn HS tìm hiểu tất cả các thành tố trong nội dung SGK, làm cho các em nhận thức sâu sắc, toàn diện bài học. Tuy nhiên, nếu cứ để HS tự tìm tòi thì sẽ rất khó đi vào trọng tâm bài học, dễ sa vào đọc và ghi nhớ, nên cần phải có các thao tác định hướng của GV.

Ví dụ khi dạy nội dung "*Mục 3. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858*", bài 19. Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ năm 1858 đến trước năm 1873), GV tổ chức, hướng dẫn HS khai thác kiến thức SGK từ các nguồn. Trước tiên GV sử dụng câu hỏi trong mục "*Tại sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tấn công đầu tiên*" để đặt vấn đề cho HS suy nghĩ. Sau đó, GV hướng dẫn HS một số điểm được nêu trong SGK (vị trí địa lý của Đà Nẵng trên bản đồ Việt Nam; Thế mạnh của thực dân Pháp khi đó là gì; Nếu chiếm được Đà Nẵng thì điều gì có lợi cho thực dân Pháp); muốn trả lời được những câu gợi ý đó thì HS phải tư duy và dựa vào SGK, trao đổi nhóm; từ đó tìm ra lời giải: "*Âm mưu của Pháp là chiếm Đà Nẵng làm căn cứ, rồi tấn công ra Huế, nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng*". Để tạo biểu tượng về cuộc tấn công của quân địch, GV sử dụng kênh hình SGK, hình 49. Liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng năm 1858 tái hiện lịch sử diễn biến chiến sự ở Đà Nẵng. Trong khi GV tái tạo diễn biến cuộc chiến, HS sẽ vừa lắng nghe, vừa quan sát hình ảnh trên bảng, vừa đối chiếu với SGK, như vậy tác động của sự kiện sẽ đậm nét hơn là đọc một cách gượng ép. Khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi "*Em có nhận xét gì về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta vào năm 1858*", thì GV cũng cần gợi ý một số điểm về so sánh lực lượng, về tinh thần chống trả của quân ta, từ đó làm rõ ý "*khí thế kháng chiến sục sôi trong nhân dân cả nước*".

3.1.3. Phát triển một số kỹ năng cơ bản theo đặc trưng môn học để phát huy tính tích cực học tập của học sinh

Việc học lịch sử cần phải đạt 3 cấp độ: Biết, hiểu, vận dụng. Biết tức là nhận diện đúng sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử ở mức sơ giản; hiểu tức là nắm được bản chất sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử; vận dụng tức là đem những kiến thức đã có để giải quyết một vấn đề trong thực tiễn. Để đạt 3 cấp độ như vậy, HS không thể học thuộc những thông tin có sẵn trong SGK, mà phải tìm tòi, phát hiện, dựa vào định hướng trong SGK, có sự trợ giúp của GV, có sự hợp tác với HS khác. Đó là quá trình tư duy một cách tích cực HS. Bản chất của vấn đề phát huy tính tích cực, chủ động của HS là vận dụng quan điểm giáo dục hiện đại "*biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục*", lấy "*HS làm trung tâm*". Trong DHLS, việc phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức của người học, dưới sự điều khiển, hướng dẫn của GV cần chú trọng rèn luyện phương pháp và phát huy một số kỹ năng làm việc với SGK trên lớp và ở nhà để chiếm lĩnh lấy kiến thức, qua đó hình thành, rèn luyện phương pháp học tập. Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ…Kiến thức lịch sử được đưa vào SGK chỉ mới là sơ giản một số điểm cốt lõi phù hợp yêu cầu nhận thức của HS phổ thông. Học một bài, học một chương, học một quyển SGK cũng chỉ mới ở giới hạn nhỏ nhất, nếu không biết cách tự học thì HS luôn thụ động trước những tình huống muôn hình vạn trạng có thể diễn ra trong cuộc sống. Kỹ năng cần phát triển trước tiên là tạo cho HS thói quen cần tới SGK như cần một nguồn sử liệu và cơ chế sư phạm; những vấn đề do GV đặt ra trong bài giảng, cùng với những ý tưởng trong SGK là "*người bạn đường tin cậy*" của HS trong lộ trình tìm kiếm tri thức lịch sử. Kỹ năng tiếp theo cần hình thành cho HS là biết, hiểu đúng cơ chế sư phạm của SGK. Một kỹ năng cần thiết nữa là HS biết kết hợp giữa sử dụng SGK với sử dụng các loại tài liệu khác. Kỹ năng quan trọng nhất trong sử dụng SGK là HS tìm được sự tương tác nhiều chiều với GV, với bạn, với phụ huynh.

Trong giờ học, HS chăm chú theo dõi bài giảng, tái tạo lại hình ảnh của sự kiện lịch sử, biết ghi chép, làm cho tư duy của các em phát triển. Tính tích cực hoạt động học tập của HS sẽ được biểu hiện qua nét mặt, ánh mắt, các thao tác của các

giác quan. Quan sát thái độ học tập của HS, GV sẽ phát hiện được hứng thú học tập của HS đến mức độ nào, từ đó điều chỉnh các thao tác sư phạm cho phù hợp.

Muốn đạt được mục đích phát huy khả năng tự học của HS trong sử dụng SGK Lịch sử, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, để HS tích cực quan sát, tìm hiểu nội dung SGK phục vụ bài học, GV vận dụng kiểu dạy học nêu vấn đề và phải tạo ra tình huống có vấn đề kết hợp với trao đổi, đàm thoại dưới dạng câu hỏi như "*tại sao như vậy*", "*có đúng như thế không*", "*nội dung này giúp ta hiểu điều gì*", "*đoạn trích này nhấn mạnh điều gì*", "*hình ảnh đó phản ánh ý nghĩa gì*", "*thông điệp lịch sử của bài học này là gì*" …

Thứ hai, GV phải luôn khơi dậy, tạo không khí hứng thú học tập cho HS, bằng cách sử dụng SGK kết hợp nhuần nhuyễn và linh hoạt với lời kể, miêu tả, tường thuật sinh động. Nó đòi hỏi sức mạnh từ lời nói, thái độ của GV trước những vấn đề đưa ra cho HS tìm hiểu, trước thái độ tôn trọng, sự thân thiện tích cực trong trao đổi, đàm thoại của GV với HS. GV vừa là người tổ chức cho HS làm việc với phương tiện trực quan đồng thời phải quan sát, duy trì không khí học tập tập trung cho lớp học.

Thứ ba, GV hướng dẫn HS thường xuyên rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK. Khi không có kỹ năng sử dụng SGK, HS không thể tự tìm ra lời giải cho bài toán nhận thức. Ngược lại, khi có kỹ năng sử dụng SGK tốt, trước nhiều tình huống sử dụng SGK khác nhau, HS sẽ giải quyết các nhiệm vụ học tập hiệu quả.

Ví dụ, khi tìm hiểu phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ (1919 - 1939) của bài 15 trong SGK Lịch sử 11, HS sử dụng SGK một cách tích cực, chủ động. Biểu hiện như HS chủ động quan sát bức tranh, tìm hiểu vài nét tiểu sử để có biểu tượng nhân vật M. Gan-đi. Tích cực đọc bài viết để tìm ý chính cho vấn đề vì sao nhân dân Ấn Độ đấu tranh bằng hình thức bất bạo động, bất hợp tác. Đồng thời, GV hướng dẫn HS biết cách đọc bài viết, tự khai thác kênh hình SGK…

3.1.4. Các biện pháp sử dụng sách giáo khoa phải linh hoạt, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh

Trên cơ sở phân tích thuộc tính tâm lý, trình độ nhận thức của đối tượng HS, GV tổ chức cho HS sử dụng SGK vừa đảm bảo tính hiệu quả, vừa đảm bảo tính hứng thú. Do vậy, GV không đơn thuần chỉ sử dụng một biện pháp, lặp đi lặp lại dẫn đến hiện tượng nhàm chán, không hấp dẫn. Ngược lại, cần tổ chức cho HS sử dụng SGK một cách đa dạng, linh hoạt mới đem lại hiệu quả dạy học.

DHLS trong trường THPT phải đảm bảo được tính vừa sức đối với HS, nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa khối lượng kiến thức vừa nhiều, vừa khó, vừa mới với thời gian và NL, trình độ có hạn của HS. Đối tượng và mục tiêu giáo dục là HS và quá trình nhận thức của các em, những cải tiến về nội dung, phương pháp, các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới mục đích là nâng cao NL nhận thức của HS. Tuy nhiên, mọi sự đổi mới, cải tiến đó đều phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức với HS; muốn vậy, các hoạt động sư phạm mang tính tương tác phải được tiến hành trên cơ sở phù hợp đặc điểm tâm lí lứa tuổi, khả năng tư duy của từng đối tượng để đề ra và áp dụng các biện pháp phù hợp, linh hoạt. Như vậy sẽ tránh được tình trạng quá tải, tăng sự hứng thú học tập của HS, đồng thời phát huy được tính tích cực, độc lập nhận thức của các em.

Ví dụ khi dạy học bài 21 Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối TK XIX (SGK Lịch sử 11), với nội dung kiến thức vừa nhiều, vừa khó, có nhiều chi tiết của một loạt các cuộc khởi nghĩa, nếu không có cách sử dụng SGK một cách khoa học, vừa sức thì HS rất dễ quá tải trước khối lượng kiến thức của bài. Do đó, khi sử dụng SGK, GV cần linh hoạt tổ chức các hoạt động khai thác kiến thức từ SGK theo dạng hệ thống hoá, sơ đồ hoá kiến thức, vừa đảm bảo đúng, đủ nội dung, vừa đảm bảo yêu cầu trình độ nhận thức của HS.

3.2. CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

Trong lí luận và thực tiễn, có nhiều cách tiếp cận việc sử dụng SGK Lịch sử ở trường THPT như tiếp cận theo cấu trúc SGK; tiếp cận theo qui trình các bước lên

lớp; tiếp cận theo đặc trưng loại bài học; tiếp cận theo chủ thể sử dụng; tiếp cận theo các kỹ năng bộ môn…Mỗi cách tiếp cận đều có những ưu, nhược nhất định. Để thuận tiện trong đề xuất biện pháp, chúng tôi tiếp cận theo tiến trình thời gian và không gian sử dụng SGK với 3 giai đoạn: trước khi lên lớp - trong khi lên lớp - sau khi lên lớp. Theo đó, có ba nhóm biện pháp chính: (1) Nhóm các biện pháp sử dụng SGK để chuẩn bị bài học; (2) Nhóm các biện pháp sử dụng SGK để giải quyết các nhiệm vụ học tập trên lớp; (3) Nhóm các biện pháp sử dụng SGK để ôn tập, củng cố, mở rộng kiến thức sau giờ học trên lớp. Chủ thể sử dụng SGK trước hết là GV, với tư cách là người dùng SGK để khơi gợi hứng thú, định hướng nhận thức, sau đó là HS sử dụng SGK một cách tích cực theo định hướng của GV. Như vậy, chủ thể sử dụng SGK là một chủ thể song trùng, tương tác giữa GV và HS. GV đóng vai trò kép, vận dụng cơ chế sư phạm trong SGK, thể hiện cơ chế đó thông qua tổ chức hoạt động học tập với SGK cho HS. HS là chủ thể trung tâm của việc sử dụng SGK. Mỗi một biện pháp được nêu, chúng tôi đã tiến hành TN từng phần.

3.2.1. Nhóm biện pháp sử dụng sách giáo khoa Lịch sử trong việc chuẩn bị bài học của giáo viên

Bài học lịch sử hay còn gọi là tiết học, tiết lên lớp thành công hay không phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó việc thiết kế bài học có ý nghĩa quyết định. Thiết kế bài học chính là quá trình chuẩn bị bài lên lớp của GV. Nó giống như một kịch bản lên lớp mà trong đó GV vừa là tác giả, vừa là "*diễn viên*" trước HS. Với NL sư phạm của mình, GV thiết kế bài học với các nhiệm vụ: Xác định mục tiêu học tập, thiết kế nội dung học tập, các hoạt động học tập, các phương tiện dạy học, đánh giá tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. Tất cả những công việc này và mối liên hệ giữa chúng tạo nên một kết cấu lôgic của quá trình dạy học. Trong quá trình thiết kế bài học, GV sử dụng SGK là tài liệu chủ yếu và quan trọng. Để thiết kế bài học theo định hướng phát triển NL HS, GV cần thực hiện tốt các biện pháp sử dụng SGK như sau:

3.2.1.1. Sử dụng sách giáo khoa để xác định mục tiêu bài học

Xây dựng mục tiêu bài học là công việc khó và phức tạp, quyết định hiệu quả các công việc tiếp theo của GV trong quá trình chuẩn bị bài học. Để xây dựng mục

tiêu bài học, GV dựa vào nhiều yếu tố như mục tiêu của chương trình bộ môn, chuẩn kiến thức, kỹ năng, đặc điểm nhận thức của HS, SGK, SGV...Việc sử dụng SGK chính là điểm tựa, chỗ dựa quan trọng, giúp GV xác định đúng các mục tiêu của bài học.

Theo quan điểm "*dạy học hướng vào HS*" thì mục tiêu bài học không phải là ý đồ chủ quan của GV mà phải được xác định từ phía HS. Mục tiêu bài học là cái đích hướng tới về những gì HS phải nhận thức được và phải làm được sau khi kết thúc bài học. Trong quá trình dạy học theo hướng hình thành và phát triển NL, mục tiêu bài học là kết quả học tập mong muốn thường được mô tả thông qua hệ thống các NL. Mục tiêu bài học theo hướng tiếp cận mới vừa đáp ứng mục tiêu chung và đảm bảo mục tiêu phân hóa, có tính khả thi, là căn cứ để đánh giá.

Chúng tôi nghiên cứu thiết kế quy trình sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học lịch sử theo hướng phát triển NL HS. Sau khi xác định loại bài và vị trí của bài trong khóa trình, GV cần thiết lập mục tiêu bài học, gồm các bộ phận: Mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng, mục tiêu thái độ. Do vậy, khi sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học gồm có các biện pháp: Sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu kiến thức; sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu kỹ năng; sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu thái độ. Cụ thể như sau:

(1) Sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu kiến thức

Kiến thức của bài học là thành tố nền tảng trong quá trình hình thành và phát triển NL người học. Cùng với việc sử dụng các tài liệu hỗ trợ dạy học, GV tiến hành nghiên cứu nội dung SGK tìm ra nội dung chính của bài học, xác định được các đơn vị kiến thức cơ bản và những kiến thức trọng tâm của bài. Từ đó, GV xác định mức độ kiến thức HS cần đạt được theo các cấp độ mục tiêu nhận biết, mục tiêu thông hiểu, mục tiêu vận dụng kiến thức. Cách sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu kiến thức được thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định vị trí bài học trong chương trình. Các bài học lịch sử trong mỗi khóa trình đều có tính hệ thống, quan hệ logic với nhau. Những kiến thức đã học bài học trước là cơ sở để hiểu biết cho bài học sau. Vì vậy GV cần căn cứ vào

vị trí của bài trong khóa trình để xác định được những kiến thức mà HS đã biết từ các bài học trước. GV hướng dẫn HS kế thừa, vận dụng những kiến thức đã học để nghiên cứu bài học mới.

Bước 2: Xác định chủ đề, tính chất bài học. Khi xác lập mục tiêu kiến thức của bài học, công việc đầu tiên của GV khi sử dụng SGK là xác định chủ đề bài học (thuộc lĩnh vực nào của lịch sử). Theo từng loại chủ đề (kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa…) sẽ có những đặc trưng phù hợp, từ đó GV vận dụng vào một cấu trúc bài giảng tương thích. Đây là nhiệm vụ nhằm trả lời cho câu hỏi: "*Trong bài học này GV sẽ dạy cái gì ?*" hoặc là "*HS sẽ học cái gì ?*". GV tiến hành tìm ra chủ đề bài học thông qua hai hoạt động nghiên cứu tên bài, các đề mục và đọc phần tóm tắt bài học.

Bước 3: Hệ thống nội dung kiến thức bài viết SGK để xác định đơn vị kiến thức cơ bản và trọng tâm của bài. GV đọc bài viết các tiểu mục trong SGK, lập dàn ý nội dung kiến thức của bài, nhận diện được dung lượng các đơn vị kiến thức trong bài, sắp xếp thành một dàn ý làm điểm tựa cho tiếp cận tổng quan nội dung bài học được thể hiện trong SGK. Sau khi xác định được dàn ý, GV phải xác định được những điểm nhấn của bài học, đó chính là những điểm kết nối các đơn vị kiến thức trọng tâm của bài.

Bước 4: Chọn lọc và phân loại mức độ kiến thức SGK thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập SGK. Trước tiên, GV nghiên cứu hệ thống câu hỏi, bài tập SGK, xác định nhiệm vụ học tập của HS. GV phân biệt được các câu hỏi, bài tập tái hiện kiến thức và câu hỏi, bài tập vận dụng kiến thức. GV chọn lọc kiến thức cơ bản và phân loại mức độ kiến thức hình thành cho HS dựa trên thang đo mức độ nhận thức: ghi nhớ - thông hiểu hiểu - vận dụng bậc thấp - vận dụng bậc cao.

Bước 5: Đối chiếu mục tiêu kiến thức SGV và viết mục tiêu kiến thức của bài học. GV đối chiếu hệ thống các đơn vị kiến thức đã xác định được với mục tiêu kiến thức trong SGV để hoàn thiện. Căn cứ vào đặc điểm đối tượng và thông tin SGK, GV sử dụng các động từ nhận thức để viết mục tiêu cho bài học.

Ví dụ, khi soạn bài 17 "*Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)*", GV xác định vị trí bài học như sau: Bài 17 là bài học quan trọng về một sự kiện lịch sử

chiến tranh khốc liệt và đau buồn, có ảnh hưởng sâu sắc đến cục diện thế giới; bài học này kết thúc phần "*Lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945*". Những kiến thức HS đã học ở các chương trước (nhất là chương II) làm tiền đề để HS học tập bài mới. Cụ thể như kiến thức về chủ nghĩa phát xít, các nước phát xít Đức - Italia - Nhật. Tiếp đến GV xác định chủ đề của bài là *Chiến tranh thế giới (lần thứ hai)*, không gian diễn ra bao trùm hầu hết toàn bộ các châu lục, kéo dài trong 6 năm. Kẻ gây ra chiến tranh là phe phát xít. Kết cục là chiến tranh chấm dứt với sự thất bại hoàn toàn của phe phát xít, chiến tranh đã gây ra tổn thất lớn nhất từ trước đến nay về người và của cho nhân loại, để lại nhiều hệ lụy trong sắp xếp lại cục diện thế giới. GV nhận diện bố cục của bài với 5 mục lớn và đọc khái quát tìm ra nội dung chính của từng mục. GV xác định trọng tâm của bài gồm những nội dung: nguyên nhân dẫn tới chiến tranh thế giới thứ hai, những nét lớn diễn biến của cuộc chiến tranh, kết cục và tác động của nó đối với tình hình thế giới.

(2) Sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu kĩ năng

Khi xây dựng mục tiêu, GV không chỉ xác định nội dung mà HS sẽ học cái gì, ở mức độ nào mà điều quan trọng là GV hướng dẫn HS cách học như thế nào, rèn luyện và phát triển những kĩ năng học tập nào. Xây dựng mục tiêu kĩ năng của bài học tức là trả lời câu hỏi *"Sau khi kết thúc bài học, HS có khả năng làm được điều gì?"*. Cùng với việc căn cứ vào mức độ cần đạt của chương trình lịch sử, đặc điểm trình độ HS, GV nghiên cứu nội dung cụ thể của bài học trong SGK để xác định các kỹ năng cần phát triển cho HS. Thông qua việc sử dụng SGK, GV phân tích nội dung phần cơ chế sư phạm, từ đó rút ra mục tiêu kỹ năng của bài học. Các bước sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu kĩ năng như sau:

Bước 1: *GV nghiên cứu các thành phần của cơ chế sư phạm trong bài học*. GV nghiên cứu kết cấu nội dung, các kênh hình SGK, hệ thống câu hỏi, bài tập, những thông tin bổ trợ của bài học để tiếp cận bước đầu, tổng thể về ý tưởng sư phạm do SGK đưa ra.

Bước 2: Lập hệ thống kĩ năng cần thiết phải hình thành và rèn luyện cho HS. GV lập hệ thống kĩ năng có thể rèn luyện và phát triển cho HS như kĩ năng làm việc

với SGK, kĩ năng tự học với đồ dùng trực quan, kĩ năng ghi nhớ kiến thức lịch sử, kĩ năng trình bày một vấn đề lịch sử, kĩ năng tư duy lịch sử, kĩ năng thực hành bộ môn. Những kĩ năng dự tính của GV phải được gắn vào việc tổ chức hoạt động cụ thể trước, trong và sau bài học trên lớp.

Bước 3: Mô tả mức độ phát triển kỹ năng cho HS để có cơ sở hướng dẫn HS khai thác SGK. Sự mô tả này được thể hiện ở những góc độ cụ thể như: đọc nội dung từng ý, kết nối các ý với nhau, lập được dàn ý và phát biểu hoặc tóm tắt bằng bài viết về sự kiện, nhân vật, hiện tượng; sử dụng có hiệu quả các loại đồ dùng trực quan để; thực hiện các hoạt động ở trình độ nhất định (đúng mẫu, nhanh đến đâu, chính xác ở mức độ nào); hoàn thành công việc do GV giao với những tiêu chí cụ thể như lập kế hoạch, tổ chức, phát hiện, tra cứu, xử lí số liệu hay tình huống, nêu và giải quyết vấn đề, đánh giá, phê phán, nhận xét...

Bước 4: Đối chiếu và viết mục tiêu kĩ năng của bài học để có được dàn ý định hướng cần phát triển các kĩ năng gắn với kiến thức có trong bài học cho HS. Điều này đòi hỏi GV đưa ra được một số kĩ năng cơ bản có tính đặc trưng của bài học, gắn với yêu cầu thao tác cụ thể với từng đơn vị kiến thức, khi HS thực hiện thao tác thì GV và HS khác có thể quan sát được.

(3) Cách sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu thái độ

Nhằm phát triển toàn diện HS, mỗi bài học cần thiết lập mục tiêu về thái độ của HS đối với sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử có trong bài học. Trong quá trình học, HS biểu cảm bằng lời nói, cử chỉ, hành động, bài viết tự luận hàm chứa sự suy tư, xúc cảm của bản thân đối với sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử có trong bài học. Mục tiêu thái độ rất trừu tượng, khó định tính, định lượng khó mô tả, nhưng có thể đoán định được qua lời nói, hành vi và các sản phẩm học tập của HS. Tùy theo nội dung của bài mà mục tiêu thái độ nhằm giải quyết các mặt khác nhau, song tránh tình trạng công thức giáo điều, chung chung, gán ghép. Việc giáo dục tư tưởng tình cảm cho HS cần xuất phát từ những kiến thức vốn có trong bài viết SGK, đồng thời căn cứ vào hệ thống các phẩm chất của HS. Sử dụng SGK trong việc xác định mục tiêu thái độ được tiến hành các bước sau:

Bước 1: Phát hiện vấn đề thể hiện thái độ, quan điểm lịch sử. Bước này đòi hỏi GV phải căn cứ vào tính chất bài học, từng nội dung cụ thể để xác định có những thái độ nào tương thích mà bài học nhằm hướng tới trong nội tâm HS; các mức độ thể hiện thái độ của HS.

Bước 2: Dự tính các cách thức tác động vào nội tâm HS để tạo ra những xúc cảm lịch sử tương thích với nội dung bài học. Đây là sự tính toán rất công phu của GV, đòi hỏi GV phải nắm vững ý tưởng của người biên soạn, phải thẩm thấu những giá trị lịch sử có thể tác động sâu sắc tới HS. Trên cơ sở như vậy, GV hình dung các hoạt động cụ thể của nhà sư phạm, qua đó lôi cuốn HS vào cuộc tìm kiếm tri thức mới, tự nảy sinh thái độ chân chính đối với lịch sử. Khi tạo biểu tượng về nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử, GV sẽ phải thể hiện rõ tư tưởng, tình cảm của mình đối với sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử; các thao tác hay lời nói đều phải toát lên tính định hướng thái độ cho HS.

Bước 3: Đánh giá mức độ đạt được về mục tiêu thái độ sau khi tiến hành các tác động sư phạm trên lớp. Thông qua thực tế diễn ra các hoạt động học tập của HS, GV có thể đánh giá mức độ đạt được về mục tiêu kĩ năng mà HS cần có; từ đó có sự bổ sung, điều chỉnh hoặc bồi đắp cho HS những điều cần thiết. Trước những sai lầm hoặc hạn chế trong thái độ của HS, GV cần có những gợi mở để HS thảo luận nhìn nhận lại vấn đề, GV không nên độc thoại "*đáp án*" về thái độ.

Trong biện pháp này, chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm bài 17 "*Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)"*, ở các trường: THPT Trần Hưng Đạo (Hà Nội), THPT Ba Đình (Thanh Hóa), THPT Chuyên Lam Sơn (Thanh Hóa). Trước khi GV chuẩn bị bài học bài 17, chúng tôi trao đổi, tập huấn cho GV TN quy trình thực hiện sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học. Khi GV nhận thức và áp dụng được biện pháp, chúng tôi yêu cầu GV xác định mục tiêu bài học trong việc biên soạn giáo án bài 17. Vận dụng biện pháp sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học bài 17, chúng tôi xác định được các mục tiêu sau:

* *Về kiến thức:* Biết được nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân trực tiếp dẫn tới chiến tranh thế giới thứ hai; Trình bày được những nét chính về diễn biến của cuộc

chiến tranh: các giai đoạn, mặt trận chính, những bước ngoặt của cuộc chiến tranh; Hiểu và giải thích được kết cục của cuộc chiến tranh và tác động của nó đối với tình hình thế giới sau chiến tranh.

* *Về kỹ năng:* Có kỹ năng sử dụng bản đồ và một số phương tiện trực quan để trình bày các nét chính về những trận đánh quan trọng, đánh dấu bước ngoặt cuộc chiến tranh; có khả năng đánh giá, nhận định về tính chất của một cuộc chiến tranh thế giới, chỉ ra được tác động của nó đối với nhân loại; vận dụng liên hệ hiện nay về đấu tranh ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hòa bình, chống chủ nghĩa khủng bố.

* *Về thái độ:* Nhận thức đúng về tính chất chiến tranh: chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh phi nghĩa; có thái độ căm ghét và lên án tội ác của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Cảm thông với những đau thương, mất mát của nhân dân các nước bị chủ nghĩa phát xít thống trị và sát hại; biết quý trọng, đánh giá đúng vai trò của Liên Xô, các nước đồng minh Mĩ, Anh, của nhân dân tiến bộ thế giới trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít; bồi dưỡng ý thức cảnh giác và quyết tâm ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hòa bình cho Tổ quốc và nhân loại.

Trên cơ sở đó, chúng tôi thảo luận, so sánh, đánh giá biện pháp sử dụng SGK để xác định mục tiêu so với chỉ sử dụng SGV cộng tài liệu hỗ trợ. Tổng hợp ý kiến đánh giá, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 3.1. Kết quả TN từng phần biện pháp sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học

Tổng số ý kiến GV	**Đánh giá việc sử dụng SGK để xây dựng mục tiêu bài học**		
	Rất hợp lý	Hợp lý	Chưa hợp lý
Số ý kiến	6/20 lượt	13/20 lượt	01/20 lượt
Tỷ lệ %	30%	65%	5%

Hầu hết GV đánh giá việc sử dụng SGK để xây dựng mục tiêu là hợp lý, cần thiết (65%), đặc biệt có 6 ý kiến (30%) đánh giá cao biện pháp trên. Bởi vì GV cho rằng SGK là tài liệu dạy học quan trọng bậc nhất, biện pháp sư phạm trên tiếp cận theo đối tượng người học để xác định mục tiêu. Có 01 ý kiến đánh giá góp ý hoàn

thiện biện pháp sử dụng SGK. Dựa vào kết quả đánh giá trên cho thấy: Quy trình sử dụng SGK để xác định mục tiêu bài học là hiệu quả, đúng định hướng tiếp cận NL người học và giúp GV chủ động phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

3.2.1.2. Sử dụng sách giáo khoa để xác định kiến thức cơ bản của bài

Ở trường phổ thông, do thời gian có hạn, GV không thể cung cấp toàn bộ những kiến thức khoa học cho HS. Nhiệm vụ quan trọng của GV chính là hướng dẫn HS phương pháp, kỹ năng học tập trên lớp và ở nhà, để các em có thể biết được kiến thức cơ bản để tự lĩnh hội. Kiến thức cơ bản là kiến thức tối ưu, cần thiết cho việc hiểu biết của HS về lịch sử (thế giới và dân tộc). Thông qua việc khai thác triệt để kiến thức trong SGK, GV hướng dẫn, tổ chức HS nắm vững được kiến thức cơ bản của bài học với các sự kiện, niên đại, địa điểm, nhân vật, khái niệm, thuật ngữ, quy luật, bài học lịch sử.

Trước khi tiến hành xác định kiến thức cơ bản, GV cần phân biệt rõ kiến thức cơ bản và kiến thức mở rộng, nâng cao trong SGK, xác định tiêu chí đánh giá kiến thức SGK và các dấu hiệu đặc trưng của kiến thức cơ bản. Để xác định được kiến thức trọng tâm của bài, GV căn cứ một số điểm sau:

Thứ nhất, GV cần căn cứ vào vị trí bài học trong phân phối chương trình để hiểu được nội dung lịch sử, hiểu được ý tưởng sư phạm của tác giả SGK, từ đó tập trung vào những kiến thức trọng tâm để tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, thấy được mối liên hệ giữa nội dung kiến thức từng phần với bài, của bài với chương và của chương với cả chương trình học.

Thứ hai, GV tìm hiểu tên bài và nội dung tóm tắt bài học. Đây là những thông tin khái quát chung của bài, cung cấp những khái niệm, thuật ngữ, chỉ ra chủ đề của bài học. Qua đó, GV có được những chỉ dẫn những nội dung kiến thức cần tập trung hình thành cho HS.

Thứ ba, GV dựa vào nội dung bài học để lựa chọn những đơn vị kiến thức cần khai thác tối đa, những đơn vị kiến thức có thể lướt qua, bổ sung những kiến thức nào cho bài học.

Thứ tư, GV nghiên cứu kênh hình SGK để xác định kiến thức trọng tâm của bài. Mỗi bức tranh ảnh, lược đồ trong SGK phản ánh những sự kiện lịch sử quan trọng. Kênh hình có mối quan hệ chặt chẽ với phần bài viết SGK, làm rõ tính trực quan của bài.

Thứ năm, thông qua hệ thống câu hỏi ở cuối mỗi phần, cuối mỗi bài cũng góp phần tích cực trong việc làm cơ sở cho GV lựa chọn kiến thức. Bên cạnh việc lựa chọn những kiến thức cơ bản trong SGK thì việc mở rộng phạm vi nghiên cứu bài học bằng việc cung cấp thêm các kiến thức bên ngoài sẽ góp phần làm bài học thêm phong phú, HS sẽ hiểu bài sâu sắc hơn.

Ở mỗi bài viết trong SGK được phân chia thành những mục nhỏ liên quan chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, những kiến thức cơ bản không dàn đều trong tất cả các mục. Do đó, GV cần đọc lướt qua tất cả các mục trong một bài học, từ đó mới chọn những ý nào cần đọc kỹ để xác định kiến thức cơ bản. GV phải lựa chọn cho được mức độ kiến thức lịch sử của mỗi bài cho phù hợp với khả năng nhận thức của HS. GV xác định rõ loại kiến thức cho HS biết, loại kiến thức cần nhấn mạnh cho HS ghi nhớ và hiểu được bản chất của sự kiện.

Theo cách tiếp cận truyền thống, GV thường vận dụng sơ đồ Đai-ri vào việc sử dụng SGK để bổ sung, mở rộng, khắc sâu và làm phong phú, cập nhật thông tin liên quan tới bài học:

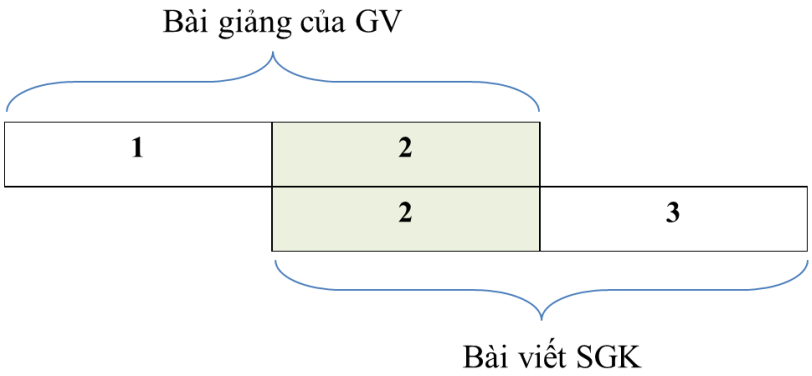

Sơ đồ 3.1. Sơ đồ Đai - ri

Trong đó, ô số 1 nêu phần GV bổ sung, mở rộng ở trên lớp những điều cần thiết để HS hiểu bài mà trong SGK không trình bày. Ô số 2 chỉ phần nội dung vừa

có trong SGK vừa có trong bài giảng của GV. Đây được coi là phần kiến thức cơ bản, trọng tâm nhất và cũng khó tiếp thu nhất đối với cả người dạy và người học. Ô số 3 chỉ phần nội dung có trong SGK nhưng không đưa vào bài giảng trên lớp do nội dung không phải là cốt lõi, HS có thể tự tìm hiểu, GV có thể lướt qua. Việc sử dụng sơ đồ Đai-ri có ý nghĩa rất lớn giúp GV có thể khắc phục những mâu thuẫn trong quá trình dạy học, tránh được tình trạng quá tải, tạo hứng thú học tập cho HS. Mô hình sơ đồ Đai-ri ngắn gọn, dễ hiểu, tuy nhiên tính cụ thể chính của sơ đồ tập trung thể hiện mối quan hệ giữa bài giảng của GV và bài viết SGK. Do vậy, trong bối cảnh đổi mới dạy học theo hướng phát triển NL người học, quá trình học tập của HS cần được thể hiện cụ thể hơn trong mối quan hệ với quá trình dạy học của GV và bài viết SGK.

Cho đến nay, tất cả các công trình nghiên cứu về lý luận phương pháp dạy học lịch sử đều coi sơ đồ Đai-ri như một mẫu hình vừa có tính kinh điển, vừa có tính thời sự để vận dụng cụ thể vào đổi mới phương pháp dạy học bộ môn. Trên cơ sở nắm vững sơ đồ Đai-ri, chúng tôi vận dụng sáng tạo vào việc xây dựng sơ đồ để biểu thị mối quan hệ giữa hoạt động của GV và HS trong khai thác, sử dụng bài viết SGK, xác định kiến thức cơ bản được trình bày trong SGK.

Sơ đồ 3.2. Sơ đồ xác định mối quan hệ kiến thức dạy-học với bài viết SGK

Trong Sơ đồ 3.2, việc sử dụng SGK được đặt ở 3 chiều: GV sử dụng SGK chuẩn bị bài, HS sử dụng SGK để tự học; GV và HS sử dụng trong quá trình dạy học trên lớp. Phần bài giảng của GV là ô số 1 và ô số 2 (ô số 1 là phần GV bổ sung, mở rộng ở trên lớp những điều cần thiết mà trong SGK không trình bày; ô số 2 là phần kiến thức cơ bản vừa có trong bài giảng của GV vừa có trong SGK). Phần bài học của HS là ô số 2 (ô kiến thức cơ bản) và ô số 3 (phần kiến thức HS tự học, tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức ngoài SGK làm rõ ô kiến thức cơ bản). Phần bài viết SGK gồm ô số 2 (ô kiến thức cơ bản) và ô số 4 (ô kiến thức không phải là cốt lõi, HS có thể tự tìm hiểu, GV có thể lướt qua). Như vậy, GV cần tập trung tối đa các hoạt động tương tác sư phạm giữa GV và HS cho ô số (2), đồng thời quan tâm thích đáng để hướng dẫn, khơi gợi HS tìm tòi, bổ sung cho ô số (1,3,4).

Chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm với biện pháp sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản trong bài 23 "*Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu TK XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)"* ở các trường: THPT Trần Hưng Đạo (Hà Nội), THPT Phan Bội Châu (Bình Thuận), THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương). Trước khi GV trực tiếp chuẩn bị soạn bài 23, chúng tôi hướng dẫn, trao đổi chuyên môn với GV về kĩ năng sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản và áp dụng sơ đồ xác định quan hệ kiến thức dạy - học với bài viết SGK. Từ việc tấp huấn đó, GV áp dụng vào xác định kiến thức cơ bản bài 23 trong việc chuẩn bị bài học và đưa ra kết quả kiến thức cơ bản của bài 23. Cuối cùng, chúng tôi trao đổi, đánh giá việc sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản so với việc khai thác tài liệu hướng dẫn có sẵn. Chúng tôi thu được kết quả đánh giá như sau:

Bảng 3.2. Kết quả đánh giá biện pháp sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản

Tổng số ý kiến GV	**Đánh giá việc sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản**		
	Rất hợp lý	Hợp lý	Chưa hợp lý
Số ý kiến	8/20 lượt	12/20 lượt	0/20 lượt
Tỷ lệ %	40%	60%	0%

Tất cả GV tham gia đánh giá đều thể hiện sự đồng tình cao với biện pháp TN. Cụ thể là: 40% đánh giá rất hợp lý, 60% đánh giá hợp lý. GV cho rằng khi được trực tiếp xác định kiến thức cơ bản của bài, người dạy sẽ chủ động, linh hoạt hơn, nắm vững kiến thức bài học hơn so với việc khai thác tài liệu hướng dẫn có sẵn. Điều quan trọng là cần trang bị kĩ năng đọc SGK nhận biết được kiến thức cơ bản, so sánh, bám sát NL người học để xác định đúng mức độ kiến thức cơ bản phù hợp với đối tượng người học. Nhiều GV cũng đánh giá cao việc cải tiến đổi mới sơ đồ Đai-ri trong việc xác định kiến thức cơ bản. Tất cả điều đó cho thấy, biện pháp sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản là hoàn toàn hợp lý.

3.2.1.3. Sử dụng sách giáo khoa để lựa chọn phương pháp dạy học

Với vai trò là chỗ dựa vững chắc, SGK là chỉ dẫn quan trọng định hướng GV lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp. Đối lập với việc lựa chọn phương pháp dạy học một cách mò mẫm, cảm tính, GV phải dựa trên cơ sở khoa học, xét trên các yếu tố như đặc điểm, khả năng của mỗi phương pháp dạy học, căn cứ mục đích, yêu cầu, kiến thức cơ bản của bài học.

Một bài học lịch sử không bao giờ chỉ dùng một phương pháp dạy học mà phải phối hợp các phương pháp dạy học với nhau. Sự phối hợp các phương pháp dạy học trong một bài phải bắt đầu từ sự phân tích nội dung bài học qua nghiên cứu SGK. Khi sử dụng SGK để định hướng lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, GV cần dựa vào căn cứ nội dung bài học phản ánh. Loại bài học về chính trị - xã hội, phương pháp thích hợp là giải thích, phân tích, so sánh, kết hợp với sử dụng đồ dùng trực quan (sơ đồ). Loại bài học về kinh tế: Phương pháp dạy học phù hợp là phân tích, so sánh, sử dụng đồ dùng trực quan (biểu đồ, đồ thị...). Loại bài học về văn hóa, phương pháp dạy học chủ yếu là miêu tả, so sánh, để giúp HS có biểu tượng chính xác cần sử dụng đồ dùng trực quan. Loại bài học về cuộc chiến tranh, cách mạng, kháng chiến chống ngoại xâm thì phương pháp dạy học chủ đạo phù hợp là tường thuật, miêu tả, sử dụng đồ dùng trực quan.

Ví dụ, khi dạy bài 19 "*Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ năm 1858 đến trước năm 1873)", (tiết 1)*, nội dung dạy học về chủ đề chiến

tranh, cách mạng, kháng chiến chống ngoại xâm, GV lựa chọn phương pháp dạy học cơ bản là tường thuật diễn biến chiến sự ở Đà Nẵng, ở Gia Định kết hợp với sử dụng lược đồ, tranh ảnh tư liệu.

Vận dụng biện pháp sử dụng SGK trên, chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm bài 19 "*Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ năm 1858 đến trước năm 1873)" (tiết 1)* ở các trường: THPT Ba Đình (Thanh Hóa), THPT Chuyên Lam Sơn (Thanh Hóa), THPT Phan Bội Châu (Bình Thuận), THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương). Trong quá trình TN, chúng tôi nhận thấy GV đặc biệt quan tâm đến việc lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp trong bài. Hầu hết GV đều bám sát SGK, tiến hành nghiên cứu bài học, xác định đặc điểm của bài để định hướng phương pháp dạy học cho phù hợp.

Bảng 3.3. Kết quả đánh giá biện pháp sử dụng SGK để lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp

Tổng số ý kiến GV	**Đánh giá việc sử dụng SGK để lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp**		
	Rất hợp lý	Hợp lý	Chưa hợp lý
Số ý kiến	5/20 lượt	13/20 lượt	2/20 lượt
Tỷ lệ %	25%	65%	10%

Kết quả trong bảng 3.3 cho thấy, trong số các GV được hỏi ý kiến thì có 25% ý kiến đánh giá rất hợp lý, 65% ý kiến đánh giá hợp lý, 10% ý kiến đánh giá góp ý hoàn thiện hơn ở một số biện pháp cụ thể. Dựa theo kết quả trên, có thể khẳng định biện pháp sử dụng SGK để lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp bước đầu cho hiệu quả, có tính khả thi.

3.2.1.4. Sử dụng sách giáo khoa trong việc thiết kế hoạt động dạy học theo hướng tìm tòi, khám phá và trải nghiệm tri thức lịch sử

Thiết kế hoạt động dạy học theo hướng phát triển NL cần hướng đến việc thúc đẩy sự tương tác giữa GV - HS và HS - HS, khuyến khích HS trao đổi, đánh giá, chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm, cổ vũ tinh thần hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm. Các hoạt động dạy học được nhấn mạnh là hoạt động tìm hiểu, khám phá, trải

nghiệm, đặc biệt là vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống gắn với thực tế đời sống. Qua mỗi dạng hoạt động, GV cần lựa chọn đoạn viết, tư liệu có sẵn trong SGK để làm thông tin cho hoạt động dạy học. Mỗi hoạt động thường tiến hành gồm hai bước: (1) Xác định mức độ kiến thức cần đạt khi tổ chức hoạt động học tập cho HS; (2) Tổ chức thực hiện hoạt động của GV và HS. Thông báo thông tin, cho HS làm việc với SGK, tư liệu lịch sử, đồ dùng học tập. Quá trình tổ chức các hoạt động sư phạm cần có các thao tác sau:

- GV nêu thông tin hướng để HS biết mình sẽ phải làm gì, có thể nêu câu hỏi đặt vấn đề, hoặc ra bài tập nhận thức; gợi ý HS cần làm việc với SGK, với các bạn như thế nào để tìm ra kết quả bổ ích.

- HS thực hiện các hoạt động theo thông tin định hướng của GV, cụ thể như việc đọc SGK, liên hệ kiến thức cuộc sống, hoạt động nhóm.

- GV hỗ trợ các hoạt động học tập của HS, đưa ra nhận xét và bổ sung những điểm mà HS chưa phát hiện được.

Chúng tôi sử dụng SGK để thiết kế hoạt động dạy học khám phá với các loại hình hoạt động như sau:

Hoạt động giải quyết vấn đề là hoạt động dạy học theo hướng khuyến khích HS tìm tòi kiến thức, phát triển năng lực giải quyết vấn đề. SGK Lịch sử là công cụ hỗ trợ GV thiết kế hoạt động dạy học giải quyết vấn đề trong các bước: Xác định mục tiêu phải thực hiện; miêu tả những trở ngại của HS đến việc thực hiện mục tiêu; tìm những giải pháp khác nhau để vượt qua những trở ngại và nêu giải pháp được cho là khả thi; giải thích rõ nếu giả thuyết được cho đúng. Ví dụ, khi GV chuẩn bị cho bài học 23 "*Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu TK XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)*", có thể sử dụng SGK để thiết kế hoạt động giải quyết vấn đề: Chứng minh xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu là xu hướng bạo động, xu hướng cứu nước của Phan Châu Trinh là xu hướng cải cách.

Hoạt động điều tra lịch sử là hoạt động HS tham gia vào điều tra khám phá tri thức lịch sử về một sự kiện có các quan điểm đánh giá khác nhau. Để tham gia vào điều tra lịch sử, HS cần phải dùng đến những hiểu biết về bối cảnh lịch sử. Để kiểm

tra giả thuyết, mỗi HS phải tìm kiếm và phân tính những thông tin cần và đủ để xác định xem giả thuyết có phù hợp với các chứng cứ lịch sử hay không. Các bước tiến hành: Mô tả rõ sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử có trong SGK; Xác định điều gì đã được biết, điều gì đã được nhất trí; điều gì còn chưa rõ hoặc còn nhiều ý kiến trái ngược; dựa trên những điều mà HS hiểu về hoàn cảnh, đưa ra một kịch bản giả thuyết có tính phù hợp với nội dung bài học trong SGK; tìm kiếm và phân tích chứng cứ để xác định xem kịch bản giả thuyết của HS có cơ sở vững chắc không, có tính thuyết phục và phản ánh nhận thức đúng của HS không. Ví dụ khi sử dụng SGK chuẩn bị bài học bài 17 "*Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)",* GV thiết kế hoạt động điều tra tại sao người Nhật lại tấn công Trân Châu Cảng?

Hoạt động đưa ra quyết định là hoạt động dạy học giúp HS được trải nghiệm tri thức lịch sử, đóng vai vào một nhân vật quan trọng, quyết định những vấn đề lịch sử. HS được đào sâu suy nghĩ và vận dụng một khối lượng kiến thức tổng quát liên quan đến chủ đề. Các bước của hoạt động học tập đưa ra quyết định: Miêu tả quyết định và những lựa chọn cân nhắc; xác định tiêu chí có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn, đưa ra thang điểm đánh giá sự quan trọng của các lựa chọn; xếp mỗi loại lựa chọn dựa theo các tiêu chí thang điểm; tính điểm cho mỗi sự lựa chọn và xác định lựa chọn có điểm cao nhất. Ví dụ, "*bạn có giả thuyết gì về biện pháp chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai tốt hơn là việc dùng đến bom nguyên tử*".

Dựa trên biện pháp sử dụng SGK đã đề ra, chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm bài 17 "*Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)", (tiết 1)* ở các trường: THPT Trần Hưng Đạo (Hà Nội), THPT Chuyên Lam Sơn (Thanh Hóa), THPT Phan Bội Châu (Bình Thuận). Chúng tôi trao đổi, thảo luận với GV về việc so sánh biện pháp sử dụng SGK để thiết kế hoạt động dạy học theo hướng tìm tòi, khám phá và trải nghiệm tri thức lịch sử so với việc thiết kế hoạt động trình bày kiến thức thông thường. Từ đó, GV áp dụng biện pháp để thiết kế các hoạt động dạy học theo hướng tìm tòi, khám phá và trải nghiệm tri thức lịch sử trong bài 17. Chúng tôi thu được kết quả đánh giá biện pháp sư phạm như sau:

Bảng 3.4. Kết quả đánh giá biện pháp sử dụng SGK để thiết kế hoạt động dạy học tìm tòi, khám phá và trải nghiệm tri thức lịch sử

Tổng số ý kiến GV	Đánh giá việc sử dụng SGK để thiết kế hoạt động dạy học theo hướng tìm tòi, khám phá và trải nghiệm tri thức lịch sử		
	Rất hợp lý	Hợp lý	Chưa hợp lý
Số ý kiến	7/20 lượt	12/20 lượt	1/20 lượt
Tỷ lệ %	35%	60%	5%

Đa số GV đều đồng tình, ủng hộ việc đổi mới sử dụng SGK để thiết kế hoạt động dạy học theo hướng chú trọng phát triển năng lực người học. Có 60% ý kiến đánh giá hợp lý, 35% ý kiến đánh giá rất hợp lý. Chỉ có 5% ý kiến cho rằng biện pháp sử dụng SGK để thiết kế các hoạt động dạy học này còn khó áp dụng.

Như vậy, SGK là điểm tựa để người GV xác định kiến thức cơ bản, xác định các khái niệm cần hình thành cho HS trong giờ, là sự gợi ý để lựa chọn phương pháp dạy học vừa phù hợp với đối tượng, vừa phát huy tính tích cực, hoạt động độc lập của HS.

3.2.2. Nhóm biện pháp sử dụng sách giáo khoa Lịch sử ở trên lớp

Cùng sử dụng cuốn SGK như nhau, nhưng bài học có để lại những dấu ấn sâu đậm hay không, có làm cho HS yêu thích những vấn đề đã học và biết vận dụng chúng một cách linh hoạt, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thực tiễn hay không, tùy thuộc vào biện pháp sử dụng SGK hiệu quả của GV và HS. Trong quá trình dạy học ở trên lớp, SGK được sử dụng với những biện pháp sau:

3.2.2.1. Tổ chức học sinh khai thác kiến thức bài viết trong sách giáo khoa

Hệ thống thông tin kiến thức của bài viết SGK không đơn thuần trình bày dưới dạng cung cấp có sẵn mà hệ thống đó được mã hóa theo ngôn ngữ trình bày của tác giả SGK. Qua việc đọc bài viết SGK, HS tự tìm kiếm kiến thức và giải quyết vấn đề học tập của bài học, phát triển NL tự học dưới sự hướng dẫn, tổ chức của GV.

Chúng tôi nghiên cứu và đề xuất các loại hoạt động đọc bài viết SGK, các bước tiến hành tổ chức HS đọc bài viết SGK và hướng dẫn rèn luyện kỹ năng tổ chức đọc bài viết SGK của HS. Về mặt kĩ thuật, đọc là một quá trình kết hợp lướt

mắt qua các con chữ và nhập nghĩa của các con chữ đó vào đầu. Đọc hiệu quả là đọc một cách tập trung để hiểu chính xác những gì đọc được. Tổ chức đọc bài viết SGK hiệu quả tức là dưới sự hướng dẫn của GV, HS tự phát hiện thông tin, xử lý thông tin và ứng dụng thông tin chứa đựng trọng bài viết SGK. Đó là quá trình mà HS là chủ thể tìm tòi phát hiện và làm chủ thông tin kiến thức SGK.

Trong DHLS, GV tổ chức đọc bài viết SGK theo các hình thức và cách tiến hành như sau:

(1) Tổ chức HS đọc khái quát để xác định mục tiêu học tập

Xây dựng và thông báo mục tiêu học tập là sự mở đầu cho mỗi bài học mới. Trong cách dạy truyền thống, mục tiêu bài học được GV thông báo trong phần dẫn dắt vào bài mới, HS tiếp thu một cách thụ động và không tạo ra động cơ học tập. Dựa trên quan điểm dạy học phát triển NL HS, GV hướng dẫn, tổ chức cho HS chủ động xác định mục tiêu học tập của bản thân. Đọc khái quát chính là một phương thức để GV tổ chức cho HS khai thác bài viết để xác định mục tiêu học tập phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của cá nhân. Để tổ chức HS đọc khái quát SGK trong việc xác định mục tiêu học tập, chúng tôi vận dụng phương pháp đọc KWL (K viết tắt của Know, W viết tắt của Want, L viết tắt của Learn). GV tổ chức cho HS vận dụng phương pháp đọc KWL xác định mục tiêu học tập theo các bước:

Bước 1: HS nêu ra các từ, cụm từ/ ý tưởng liên quan đến chủ đề, ghi vào cột K. GV chuẩn bị câu hỏi để giúp HS công não: "Em đã biết gì về bài học này" và tổ chức HS thảo luận những điều đã biết về bài học trước khi đọc. HS điền vào cột K.

Bước 2: HS xác định nội dung mong muốn học tập, điền vào cột W. GV yêu cầu HS liệt kê một loạt câu hỏi về những gì bản thân muốn biết thêm về bài học dựa trên những ý được liệt kê trong cột K. HS đọc lướt phần tóm tắt bài học, các tiêu mục trong SGK, các câu hỏi, bài tập trong SGK. Tiếp đó, HS thảo luận những gì bản thân muốn tìm hiểu.

Bước 3: HS đọc khái quát thu thập thông tin bài viết, viết ra những gì học được từ việc đọc sách SGK vào cột L. Đọc khái quát (skimiming) có nghĩa là đọc lướt qua các ý chính của phần bài viết mà không đi sâu vào nội dung chi tiết. Đọc

lướt nhanh một số câu bên trong mỗi mục, thu thập thông tin những sự kiện, nhân vật, khái niệm lịch sử quan trọng, liệt kê những thông tin mới mà bạn đã học được vào cột L.

Bảng 3.5. HS vận dụng phương pháp đọc KWL trong việc xác định mục tiêu học tập

K	W	L
Biết gì về chủ đề	Muốn biết thêm điều gì về chủ đề	SGK sẽ giải quyết điều gì về chủ đề

Việc vận dụng phương pháp đọc KWL, GV giúp HS nâng cao khả năng đọc SGK Lịch sử bằng cách kích hoạt những kiến thức nền, tăng hứng thú học tập cho HS khi những điều cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về kiến thức của các em. Hoạt động này giúp HS bước đầu hình thành khả năng tự định hướng học tập, tự đánh giá kết quả học tập cho bản thân.

Bước 4: HS phân tích thông tin, xác định mục tiêu học tập cho bản thân. Trên cơ sở hệ thống thông tin, kiến thức lịch sử đã đọc được, HS phân tích, chọn lọc kiến thức quan trọng và cần thiết cho bản thân. HS đối chiếu với mục tiêu chung của bài mà GV cung cấp với luận điểm của cá nhân.

(2) Tổ chức HS đọc tìm ý chính bài viết SGK

Trong quá trình sử dụng SGK, việc tìm ra ý chính của bài viết là nhiệm vụ quan trọng, giúp HS khai thác được nguồn kiến thức nhiều nhất của SGK. Để phát triển NL tự học qua sự tìm tòi, phát hiện kiến thức SGK, GV tổ chức cho HS đọc tìm ý chính. Đọc tìm ý chính (scanning) là hình thức đọc tìm ra ý bản chất, cốt lõi, chủ đạo và quan trọng nhất của bài viết. Đọc tìm ý chính nhằm mục đích tìm ra kiến thức để giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức của GV. Đọc tìm ý chính có thể tiến hành khi đọc một đoạn hoặc toàn bộ bài viết của một mục. Các bước tổ chức việc đọc tìm ý chính bài viết SGK cho HS gồm có:

Bước 1: HS xác định mục đích việc đọc tìm ý chính, gồm: GV giao nhiệm vụ học tập bằng câu hỏi, bài tập nhận thức; GV nêu mục đích việc đọc tìm ý chính bài viết SGK; HS xác định việc đọc tìm ý để làm gì; GV yêu cầu HS cần phát hiện ra nội dung kiến thức để giải quyết câu hỏi, bài tập mà GV nêu ra.

Bước 2: GV hướng dẫn kỹ năng tìm ra ý chính với các công việc:

- Xác định đúng vị trí cần đọc thông qua các khái niệm, thuật ngữ và vấn đề liên quan đến câu hỏi, bài tập. HS định hình dữ liệu thông tin cần tìm kiếm.

- Tìm những dấu hiệu văn bản để nhận biết thông tin quan trọng: Nguyên nhân - tác dụng (bởi vì, do, cho điều này, lý do, do đó), so sánh - tương phản (tuy nhiên, nhưng, tuy thế), vấn đề - giải pháp (một lý do cho rằng, một thể giải pháp), trình tự (cho đến khi, trước, sau, cuối cùng).

- Phân tích nội dung và gạch chân những từ khóa quan trọng để tìm ý chính.

- Sắp xếp các ý chính đó theo mối quan hệ của chúng thành một chỉnh thể

Bước 3: HS đọc tìm ý chính, gồm: HS thực hiện đọc tìm ý chính theo các kỹ năng mà GV hướng dẫn; HS ghi lại kết quả đọc tìm ý chính

Bước 4: Kiểm tra kết quả việc đọc tìm ý chính, gồm: HS đưa ra ý trả lời cho câu hỏi, bài tập nhận thức; GV thông báo ý trả lời đúng và nhận xét, đánh giá kết quả đọc tìm ý chính của HS.

Ví dụ, hướng dẫn HS đọc bài viết SGK tìm ý chính chứng minh Phan Bội Châu chủ trương giải phong dân tộc theo khuynh hướng tư sản bằng phương pháp bạo động.

(3) Tổ chức đọc bài viết SGK để tóm tắt

Tóm tắt là một kỹ năng hữu ích nhất mà người học cần phải có. Tóm tắt là diễn đạt lại những nội dung cơ bản dưới dạng khái quát và cô đọng nhất bằng ngôn ngữ và hành văn của cá nhân thông qua quá trình thao tác tư duy (phân tích, tổng hợp, so sánh...). Tóm tắt có thể dùng cho một đoạn, một mục trong bài. Tóm tắt nội dung đọc được từ SGK sẽ giúp HS ghi nhớ kiến thức một cách cô đọng, vững chắc. GV tổ chức cho HS đọc bài vết SGK để tóm tắt theo các bước:

Bước 1: Đọc toàn bộ nội dung cần đọc trong SGK.

Bước 2: Liệt kê các ý cốt lõi trong nội dung đọc được, lược bỏ những ý phụ, những từ ngữ không quan trọng, chọn lựa những từ ngữ bao quát thay thế những từ ngữ diễn đạt trong SGK. Tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các ý chính trong SGK để thành những ý chung nhất.

Bước 3: Diễn đạt nội dung đã tóm tắt theo dạng khung: Khung tường thuật, khung chủ đề - giới hạn - minh họa, khung vấn đề - giải pháp.

Bản tóm tắt phản ánh được nội dung cơ bản, cô đọng của nội dung đọc được. Sử dụng ngôn ngữ, ý kiến cá nhân nhưng không làm sai lệch kiến thức trọng tâm và tư tưởng chủ đạo của nội dung bài học. Bản tóm tắt có thể được trình bày bằng văn bản hoặc bằng sơ đồ...theo nội dung và cách sáng tạo của người học.

Trên cơ sở chú trọng việc rèn luyện cho HS kĩ năng khai thác bài viết SGK, chúng tôi xây dựng bảng đánh giá kĩ năng khai thác bài viết SGK. Qua bảng đánh giá, GV sẽ biết được mức độ kĩ năng của HS, đồng thời HS tự đánh giá bản thân và HS khác.

Hình 3.1. Minh hoạ TN từng phần đọc SGK để xác định mục tiêu học tập

Ở biện pháp này chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm bài 21 "*Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối TK XIX*", ở các trường: THPT Trần Hưng Đạo (Hà Nội), THPT Ba Đình (Thanh Hóa). GV hướng dẫn HS vận dụng kĩ thuật KWL đọc SGK, xác định và nắm vững mục tiêu học tập của bản thân. GV tổ chức cho HS đọc SGK tóm tắt mục 2 "*Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương*". Khi bắt đầu hướng dẫn kĩ thuật KWL và đọc tóm tắt SGK theo dạng khung, nhiều HS tỏ ra khó tiếp thu và trừu tượng, song sau khi được GV hướng dẫn cụ thể nhiều HS tỏ ra thích thú với các cách đọc bài viết SGK một cách hiệu quả. Nhiều em hào hứng với kĩ thuật đọc KWL khi xác định mục tiêu, bởi vì nó giúp các em nhớ lại những hiểu biết của mình, được trình bày những suy nghĩ,

mong muốn của mình trong việc định hướng mục tiêu học tập. Hầu hết HS ở lớp TN đều viết một cách cụ thể mục tiêu học tập, chỉ có một số ít do chưa nhớ được bài học trước nên còn viết vài ý chung chung. Trong khi đó ở lớp ĐC, HS chỉ được yêu cầu đọc phần tóm tắt bài học và GV tự thông báo mục tiêu chung cho cả lớp. Qua quan sát HS ở lớp ĐC, các em rất ít chú ý xác định mục tiêu học tập, các em chỉ đơn giản xác định chủ đề của bài học mới. Sau khi tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 3.6. Kết quả TN từng phần biện pháp tổ chức HS đọc hiệu quả bài viết SGK

Lớp/số học sinh	Điểm 9-10	Điểm 7-8	Điểm 5-6	Điểm dưới 5
Lớp TN (130 HS)	12	70	42	6
	9.2%	53.8%	32.4%	4.6%
Lớp ĐC (130 HS)	4	46	55	25
	3.0%	35.4%	42.4%	19.2%

Nhìn vào bảng tổng hợp cho thấy, số điểm kiểm tra xếp loại giỏi ở lớp TN cao hơn lớp ĐC là 6,2 %, điểm khá cao hơn lớp ĐC 18,4%; điểm trung bình và yếu thấp hơn lớp ĐC. Căn cứ về mặt định tính và định lượng, biện pháp chúng tôi sử dụng có tính khả thi, bước đầu mang lại hiệu quả khả quan, nếu tiếp tục duy trì ổn định các biện pháp, có sự tập trung cho biện pháp thì hướng đi như ý tưởng của luận án là đúng tinh thần đổi mới.

3.2.2.2. Hướng dẫn học sinh khai thác kênh hình trong sách giáo khoa

Kênh hình trong SGK là thành tố quan trọng của cơ chế sư phạm mà HS phải sử dụng trong quá trình học tập. Kênh hình không chỉ làm cho nội dung SGK sinh động, bài học hấp dẫn mà còn là một nguồi kiến thức, một bộ phận không thể tách rời của nội dung bài viết. Thực tế giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông cho thấy, nếu GV chỉ giúp HS khai thác nội dung kênh chữ một cách đơn thuần thì tiết học trở nên nặng nề, kém hấp dẫn, không tạo được hiệu quả của bài học. Ngược lại, các loại kênh hình, tranh vẽ, hình ảnh, bản đồ, sơ đồ, đồ thị…được sử dụng hiệu quả sẽ có tác dụng quan trọng đối với hiệu quả của bài học.

(1) Khai thác tranh ảnh lịch sử

Việc khai thác các tranh ảnh lịch sử có ý nghĩa quan trọng, giúp HS hình dung bức tranh quá khứ một cách sinh động, tạo được các biểu tượng lịch sử, từ đó là cơ sở để đi sâu hiểu rõ bản chất của các sự kiện lịch sử. Nếu GV là người đưa ra bức tranh, nói lên nội dung và đưa ra những nhận xét, kết luận về tranh ảnh, hình vẽ thì đó không phải là đổi mới phương pháp dạy học, không phát huy được tính tích cực, chủ động của HS trong học tập. Từ đó, GV cần trang bị cho HS kĩ năng quan sát, kĩ năng khai thác kiến thức từ tranh ảnh lịch sử.

GV hướng dẫn HS rèn luyện được kĩ năng khai thác kiến thức qua tranh ảnh thông qua các nhiệm vụ như sau: *Thứ nhất,* GV nêu mục đích khai thác thông tin từ tranh ảnh để lĩnh hội kiến thức ẩn chứa trong tranh ảnh, biết cách diễn đạt nội dung từ tranh ảnh, rèn luyện kĩ năng quan sát, kỹ năng tư duy. *Thứ hai,* GV hướng dẫn HS xác định thể loại tranh ảnh được khai thác. GV giới thiệu cụ thể tranh ảnh SGK bao gồm 5 loại chủ yếu sau: *"(1) Tranh ảnh lịch sử phản ánh công trình văn hoá, kiến trúc của nhân loại (Kim tự tháp Ai Cập; chùa Một Cột ở Việt Nam…); (2) Tranh ảnh là chân dung nhân vật lịch sử (Oasinhton; vua Hàm Nghi…); (3) Tranh ảnh phản ánh biến cố, hiện tượng lịch sử (xe tăng quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975…); (4) Tranh ảnh biếm hoạ, châm biếm mang chủ đề lịch sử (tình cảnh nông dân Pháp trước cách mạng năm 1789; các nước đế quốc xâu xé Trung Quốc cuối TK XIX…); (5) Tranh ảnh cổ động tuyên truyền mang chủ đề lịch sử (tự do cho nước Nga đầu năm 1917; Xô viết - Nghệ Tĩnh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931…)*"[51;tr317]. *Thứ ba,* sau khi xác định thể loại tranh ảnh, GV hướng dẫn HS quan sát tổng thể để biết chủ đề của tranh ảnh đồng thời nêu hệ thống câu hỏi khai thác tranh ảnh. *Thứ tư,* GV hướng dẫn các kỹ năng khai thác tranh ảnh lịch sử cho HS (*xem Phụ lục 3c*).

Như vậy, qua việc rèn luyện kĩ năng khai thác kiến thức với tranh ảnh như trên, HS không chỉ hiểu nội dung kiến thức lịch sử "ẩn" trong tranh ảnh mà quan trọng hơn các em biết làm việc độc lập, tích cực suy nghĩ và trả lời các câu hỏi gợi

mở của GV, giải quyết những tình huống có vấn đề, thể hiện thái độ, tư tưởng, tình cảm của mình hoặc phân tích tranh ảnh để tự rút ra kết luận cần thiết.

(2) Khai thác bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị lịch sử

Khi sử dụng bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị trong giờ học lịch sử sẽ giúp HS có biểu tượng đúng địa điểm xảy ra sự kiện, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, chứng minh quá trình phát triển của lịch sử, đồng thời phát triển óc quan sát, trí tưởng tượng, khả năng diễn đạt ngôn ngữ, tính tích cực học tập của HS. Khi rèn luyện HS kĩ năng khai thác bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị trong SGK, GV tiến hành các công việc:

- HS quan sát bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị, chú ý quan sát các kí hiệu của (đường biên giới các quốc gia, hướng tấn công, hướng rút lui trong trận đánh…).

- Tổ chức cho HS "đọc" bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị qua hệ thống câu hỏi gợi mở.

- Khuyến khích HS tích cực phát biểu kết quả "đọc" các đồ dùng trực quan. GV chú ý đến sự tiếp thu của HS giúp HS phân tích nội dung của bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị, nêu thông tin lịch sử qua bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị.

- Nhận xét ý kiến của HS và bổ sung hoàn chỉnh nội dung kiến thức.

Để sử dụng các loại đồ dùng trực quan đạt hiệu quả cao, GV phải sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp với miêu tả, tường thuật. Tùy nội dung từng bài mà SGK có những bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị, mỗi laoij có các cách "đọc" khác nhau, vì vậy GV cần giúp HS có được một số kỹ năng chung, trên cơ sở đó vận dụng vào từng loại cụ thể. Kỹ năng chung là: Hiểu các chú dẫn, kí hiệu; quan sát; kết hợp với kênh chữ để hình dung về diễn biến lịch sử; phân tích, rút ra được kết luận khái quát. Cần khắc phục tình trạng thấy "*bắt mắt*" thì quan sát, như vậy việc sử dụng SGK sẽ chỉ mang tính tự phát, thiếu ý tưởng sư phạm.

Về phía HS, để rèn luyện kỹ năng khai thác kiến thức từ bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị cần tiến hành các công việc:

- Quan sát kĩ bản đồ và xác định bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị thuộc loại nào (kinh tế, chính trị, văn hóa…) để có phương pháp khai thác thích hợp.

- Quan sát những kí hiệu trên bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị.

- Kết hợp kiến thức SGK với quan sát bản đồ để trả lời câu hỏi gợi mở của GV. Nếu HS chưa hiểu được toàn bộ nội dung bản đồ thì cần theo dõi phần trình bày của GV để hoàn thiện kiến thức cho bản thân.

- HS khác nhận xét những nội dung bạn trả lời và bổ sung ý kiến.

Khi hướng dẫn HS khai thác các bản đồ, sơ đồ, lược đồ, đồ thị trong SGK, cần căn cứ vào một số định hướng có tính phổ quát (*xem phụ lục 3d*). Ví dụ, khi dạy nội dung Khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896), GV phóng to lược đồ trên bảng chiếu hoặc sử dụng lược đồ in sẵn treo trên bảng. GV giới thiệu khái quát lược đồ, giải thích bảng chú giải, hướng dẫn HS quan sát lược đồ, kết hợp với tìm hiểu SGK và đặt một số câu hỏi để HS trả lời. Cụ thể là, ở bảng chú giải, căn cứ chính của nghĩa quân được thể hiện bằng lá cờ, nơi nghĩa quân hoạt động được thể hiện bằng ngọn lửa. Sau đó GV gọi một HS lên bảng trình bày về các giai đoạn phát triển của cuộc khởi nghĩa Hương Khê. HS trả lời xong, GV nhận xét, nêu câu hỏi để HS nhận biết sâu sắc kiến thức như: Em có nhận xét gì về vị trí, địa bàn hoạt động, thời gian và chiến thuật của nghĩa quân Hương Khê ? HS trả lời, GV nhận xét nhấn mạnh những nội dung cơ bản ,đó là: Căn cứ chính của nghĩa quân là ở Hương Khê. Ở đây có núi cao, rừng rậm, sông ngòi, khe suối che chở nên nghĩa quân có điều kiện thuận lợi chiến đấu. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân rộng, cả bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ. Chiến thuật của nghĩa quân là sử dụng các phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như trong khi giao chiến với kẻ thù, nghĩa quân chủ yếu thực hiện lối đánh du kích, lấy yếu chống mạnh, làm cho quân Pháp nhiều phen khốn đốn. Thời gian hoạt động của nghĩa quân kéo dài 10 năm. Từ đó, HS tự so sánh với các cuộc khởi nghĩa khác, có thể khẳng định được cuộc khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa điển hình của phong trào Cần Vương.

Trên cơ sở hướng dẫn rèn luyện kĩ năng khai thác kiến thức từ kênh hình SGK cho HS, chúng tôi xây dựng bảng đánh giá HS theo 4 mức độ (*xem Phụ lục 3f*).

Vua Hàm Nghi (1872 – 1943)

Lược đồ khởi nghĩa Hương Khê

Hình 3.2. Minh hoạ cho biện pháp khai thác kiến thức kênh hình trong SGK

Vận dụng biện pháp sử dụng SGK, chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm mục I - bài 21 "*Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX"*, ở các trường THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương) THPT Chuyên Lam Sơn (Thanh Hóa). Khi giảng dạy bài 21 "*Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX"*, mục I, ý 1- cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Cần Vương, GV hướng dẫn HS quan sát ảnh của nhà vua Hàm Nghi và đặt câu hỏi để HS trả lời: "*Em biết gì về tiểu sử, tính cách và hoạt động tiêu biểu của nhà vua Hàm Nghi? Hoạt động của nhà vua thể hiện điều gì?*". Sau khi HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung và chốt lại những ý cơ bản: Nhìn trong ảnh, ta thấy vua Hàm Nghi trong trang phục rất giản dị, gọn gàng, đầu quấn khăn đen, mặc áo the như dân thường. Nhưng vẻ mặt lộ rõ sự kiên nghị, khẳng khái, thông minh và quả cảm. Sau khi kinh thành Huế lọt vào tay giặc Pháp, Hàm Nghi đã cùng Tôn Thất Thuyết ra căn cứ Tân Sở (Quảng Trị) để tính chuyện kháng chiến lâu dài. Tại đây ngày 13/7/1885, Vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương, kêu gọi toàn dân giúp vua đánh Pháp… Hoạt động của nhà vua thể hiện lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ độc lập dân tộc của một vị vua trẻ tuổi và cổ vũ nhân dân ta tiếp tục kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những hoạt động cứu

nước và tấm lòng quả cảm của nhà vua, để lại cho lịch sử một tấm gương trong sáng, tiêu biểu cho tinh thần độc lập, tự cường của dân tộc. Việc hướng dẫn HS khai thác ảnh của nhà vua Hàm Nghi trong SGK đã phát huy được tính tích cực của HS, giáo dục cho các em lòng kính yêu, tự hào và biết ơn về vị vua trẻ tuổi yêu nước.

Trong quá trình TN, chúng tôi nhận thấy HS lớp TN tích cực tiếp thu nội dung hướng dẫn khai thác kiến thức từ kênh hình SGK. Nhiều HS tỏ ra hứng thứ với việc sử dụng tranh ảnh, bản đồ trong SGK. Sau khi tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 3.7. Kết quả TN từng phần biện pháp hướng dẫn HS khai thác kiến thức từ kênh hình trong SGK

Lớp/số học sinh	Điểm 9 -10	Điểm 7 -8	Điểm 5-6	Điểm dưới 5
Lớp TN	8	65	51	11
(135 HS)	5.9%	48.2%	37.8%	8.1%
Lớp ĐC	3	43	63	27
(135 HS)	2.2%	31.8%	46.0%	20.0%

Qua kết quả thực nghiệm chúng tôi nhận thấy ở lớp ĐC có tỉ lệ điểm yếu kém cao hơn so với lớp thực nghiệm 11,9%. Số điểm trung bình ở lớp ĐC cũng cao hơn lớp TN. Lớp TN điểm giỏi chiếm tỷ lệ lớn hơn so với lớp ĐC 3,7 %, số điểm khá ở lớp TN cũng cao hơn lớp ĐC 16,4%. Kết quả này bước đầu cho thấy việc Hướng dẫn HS khai thác kiến thức từ kênh hình SGK có ý nghĩa quan trọng và tác dụng không nhỏ về tạo hứng thú học tập cho HS, nếu sử dụng tốt sẽ góp phần giúp HS nhanh chóng tạo biểu tượng lịch sử, yêu thích bộ môn hơn.

Qua biện pháp này, HS được rèn luyện kĩ năng khai thác lược đồ. Qua đó giúp các em lĩnh hội kiến thức một cách chủ động, nắm bài một cách vững chắc, phát triển ngôn ngữ, tư duy cho HS: quan sát kênh hình, kết hợp với tham khảo kênh chữ, phân tích, tổng hợp đưa ra các đánh giá, kết luận.

Việc rèn luyện kỹ năng khai thác kênh hình cho HS phải trải qua một quá trình lâu dài. Tuy nhiên, nếu HS được tập dượt, thực hành nhiều lần trên lớp, qua nhiều bài sẽ từng bước nâng dần mức độ biết khai thác, sử dụng tranh, ảnh, bản đồ...cho các em dần dần sẽ trở thành kĩ năng thuần thục.

3.2.2.3. Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, bài tập trong sách giáo khoa

Trả lời câu hỏi, bài tập trong SGK là nhiệm vụ then chốt của việc sử dụng SGK, vì tất cả các hoạt động nêu ở trên đều nhằm vào đưa ra lời giải đối với câu hỏi, bài tập. Trong SGK, sau mỗi mục, cuối bài đều có hệ thống câu hỏi làm nổi bật nội dung cơ bản của bài học. Các câu hỏi đó không chỉ giúp cho HS ghi nhớ, tái hiện kiến thức, mà còn giúp các em hiểu biết vững chắc những sự kiện cơ bản; biết phân tích, đánh giá về các sự kiện, nhân vật lịch sử. Sử dụng tốt các câu hỏi, bài tập trong SGK góp phần phát triển NL tư duy cho HS. Rèn luyện được kĩ năng trả lời hệ thống câu hỏi trong SGK để khai thác kiến thức từ kênh chữ, góp phần quan trọng giúp HS lĩnh hội kiến thức một cách hệ thống, vững chắc. Với những loại câu hỏi yêu cầu HS tái hiện kiến thức đã học "*như thế nào?*" thì HS dựa vào kiến thức SGK để trả lời còn đối với những loại câu hỏi yêu cầu HS phải giải thích, chứng minh thì đòi hỏi các em ngoài việc tái hiện kiến thức cũ, cần vận dụng sự hiểu biết của mình và các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá. Trong SGK Lịch sử có các loại câu hỏi như: *Một là,* câu hỏi giữa bài mang tính gợi ý để HS dựa vào đó mà suy nghĩ, phát hiện vấn đề; đồng thời đó cũng là mắt xích nối ý đã qua với ý ở sau. *Hai là,* câu hỏi và bài tập cuối bài phục vụ việc học và làm bài của HS. Loại câu hỏi, bài tập này có tác dụng giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản, những vấn đề cốt lõi mà bài học mang đến cho HS.

Do câu hỏi và bài tập khó, đòi hỏi HS tư duy nhiều, sử dụng và phát huy các kĩ năng tổng hợp, nên GV cần quan tâm hướng dẫn sát sao, nhưng không được nêu đáp án rồi hỏi HS "*đúng không?*". Để rèn luyện cho HS kĩ năng khai thác hệ thống câu hỏi trong SGK, GV tiến hành các công việc sau: Nêu câu hỏi, bài tập (do GV đặt ra) hoặc yêu cầu HS tự đọc câu hỏi, bài tập trong SGK; tổ chức cho HS trả lời câu hỏi, bài tập bằng hệ thống câu hỏi gợi mở; nhận xét và bổ sung nội dung câu trả lời, lời giải bài tập của HS.

Để trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK, GV hướng dẫn HS cần thực hiện các bước cụ thể:

Bước 1: Đọc kĩ để xác định yêu cầu của câu hỏi (đây là công việc cần thiết, nắm được yêu cầu của câu hỏi là cơ sở để HS giải quyết vấn đề đúng hướng).

Bước 2: Dựa vào yêu cầu của câu hỏi, đọc SGK vận dụng kiến thức, suy nghĩ câu trả lời.

Bước 3: Hoàn thành câu trả lời, tự kiểm tra câu trả lời xem đúng và chính xác không và trình bày trước lớp.

Bước 4: HS khác lắng nghe ý kiến, nhận xét và bổ sung câu trả lời của bạn.

Đánh giá kĩ năng trả lời câu hỏi, bài tập SGK của HS, GV sử dụng bảng đánh giá theo thang đo 4 mức độ (*xem Phụ lục 3g*)

Chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm bài 15 "*Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918 - 1939)"* ở các trường: THPT Phan Bội Châu (Bình Thuận), THPT Ba Đình (Thanh Hóa). Trong quá trình TN, chúng tôi nhận thấy HS lớp TN đã chú ý khai thác hệ thống câu hỏi, bài tập SGK, biết cách giải quyết các câu hỏi, bài tập mà GV đặt ra. Sau khi tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 3.8. Kết quả TN từng phần biện pháp hướng dẫn HS trả lời câu hỏi, bài tập trong SGK

Lớp/số học sinh	Điểm 9-10	Điểm 7-8	Điểm 5-6	Điểm dưới 5
Lớp TN	16	41	50	13
(120 HS)	13.4%	34.1%	41.7%	10.8%
Lớp ĐC	7	29	61	23
(120 HS)	5.8%	24.2%	50.9%	19.1%

Từ kết quả TN trên, chúng tôi thấy ở lớp TN số điểm 9-10 của HS cao hơn 7,8% so với lớp ĐC; số điểm 7-8 lớp TN cao hơn lớp ĐC là 10,1%. Tỷ lệ HS đạt điểm 5-6 và dưới 5 của lớp TN đều thấp hơn lớp ĐC. Như vậy, có thể thấy việc hướng dẫn HS trả lời câu hỏi, bài tập SGK đem lại hiệu quả trong DHLS ở trường THPT, giúp HS giải quyết vấn đề học tập tốt hơn, có thể phát huy NL tư duy cho HS. Có thể kết quả chỉ mới là bước đầu, song chứng tỏ hướng đi là đúng, cần tiếp tục đầu tư nhiều công sức, chắc sẽ tạo được sự ổn định dần trong đổi mới phương pháp học với SGK theo hướng phát triển NL.

3.2.3. Nhóm biện pháp hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa Lịch sử ngoài giờ lên lớp

Có một thực trạng là HS thường chỉ đọc SGK trên lớp để tìm kiếm thông tin làm câu trả lời GV, sau giờ học trên lớp, nếu phải làm bài tập thì HS cũng chỉ tìm trong SGK một vài ý rồi chép làm đáp án. Điều này đã vô hình làm lãng phí mất cơ chế sư phạm hàm chứa trong SGK, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập lịch sử của HS. Trước bối cảnh đó, cần có biện pháp định hướng HS sử dụng SGK cả trước, trong và sau giờ học trên lớp. Trong quá trình DHLS ở trường phổ thông, muốn HS sử dụng hiệu quả SGK ngoài giờ lên lớp thì GV cần hướng dẫn kỹ năng sử dụng SGK một cách cụ thể theo hướng phát triển NL tự học của HS. Trước khi kết thúc tiết học, GV nhắc nhở HS đọc trước bài mới và đưa ra các yêu cầu cụ thể như: Yêu cầu HS tìm hiểu câu hỏi, bài tập để nghiên cứu SGK, lập dàn ý, đề cương, bảng thống kê hoặc sơ đồ hóa kiến thức. Khi bắt đầu tiết học, GV kiểm tra phần chuẩn bị của HS, coi đó là một nhiệm vụ bắt buộc, một phần khởi động có chủ đích cho bài học trên lớp.

3.2.3.1. Hướng dẫn học sinh đọc trước sách giáo khoa để chuẩn bị cho bài mới

Khi HS đọc trước bài học để chuẩn bị bài mới, các em chưa nhận thức được hết nội dung bài viết, kênh hình. Tuy nhiên, hoạt động đọc trước bài giúp cho HS có một cái nhìn khái quát, hệ thống về bài học, nắm được những kiến thức đơn giản, dễ hiểu nhất, định hướng được nhận thức cho HS. Qua đó, HS sẽ biết mục nào của bài học là cơ bản, phần kiến thức nào, thuật ngữ nào còn khó hiểu cần đánh dấu, gạch chân để trao đổi, nêu vấn đề trong giờ học trên lớp để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới.

Để HS chuẩn bị đọc bài mới trong SGK có hiệu quả, GV cần hướng dẫn các bước cụ thể sau:

- Xác định được mục tiêu, nội dung và cách đọc trước SGK.
- Khai thác nội dung SGK để chuẩn bị tiếp thu kiến thức mới.
- Quan sát và tập khai thác các kênh hình trong SGK.

- Ghi lại những vấn đề khó hiểu như: thuật ngữ, khái niệm để được giải đáp.

- Xem trước câu hỏi, bài tập và nghĩ các phương án giải quyết.

Để giúp HS hình thành kĩ năng đọc SGK có chủ đích và đạt hiệu quả cao, có thể vận dụng kỹ thuật "*đọc tích cực SQ3R*". Đọc tích cực SQ3R là kỹ thuật hữu hiệu, giúp người đọc nắm được toàn bộ nội dung thông tin của bài đọc. Theo SQ3R, đọc tích cực bao gồm các thao tác:

- Xem tổng quát (Survey) là thu thập thông tin cần thiết để tập trung và hình thành các mục đích khi đọc. Trước khi đọc, người đọc xem xét tổng quát bài đọc các tiêu đề, phần tóm tắt, chú ý những bảng biểu, đồ thị.

- Đặt câu hỏi (Question): đặt câu hỏi trước khi bắt đầu đọc thật sự sẽ giúp người đọc có chủ đích khi đọc tài liệu, não bộ hoạt động, tập trung vào việc đọc.

- Đọc tài liệu (Read) một cách tập trung để tìm kiếm, hiểu các chi tiết, nhằm giúp người đọc trả lời được những câu hỏi đặt ra. Khi đó chúng ta cần ghi chép các ý chính, các chi tiết quan trọng.

- Thuật lại (Recite) giúp não bộ tập trung ghi nhớ về nội dung vừa đọc. Bằng cách thuật, người học diễn giải lại nội dung đã đọc được bằng chính ngôn ngữ, suy nghĩ của mình.

- Xem lại nội dung đã đọc (Review): Kiểm tra mức độ nhớ được và có thể tự thuật lại khoảng bao nhiêu phần. Ở bước này, chỉ cần nhìn lượt lại những gì đã đọc, các câu trả lời đã hoàn thành. Cách này giúp cho nội dung đã có được làm mới và ghi nhớ lâu dài hơn.

Kỹ thuật SQ3R là sự khái quát hóa về các thao tác đọc văn bản cho có hiệu quả cao, nhưng đó cũng chỉ là những định hướng chung, vì vậy trong đọc SGK Lịch sử cần xác định hệ thống thao tác có tính đặc thù. Luận án chỉ đề cập đến việc đọc SGK gắn với xây dựng dàn ý để bước đầu tạo cho HS có được cấu trúc phản ánh sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử.

Đọc bài viết SGK để ghi chép nội dung đã đọc là việc làm cần thiết để HS lưu lại những thông tin sau khi đọc sách. Nếu bài dễ thì HS không cần phải ghi chép nhiều mà chủ yếu ghi lại những thuật ngữ, những vấn đề khó hiểu để GV giải đáp.

Tuy nhiên, để HS thực hiện được các bước như trên GV không thể giao việc cho HS chung chung mà phải hướng dẫn cụ thể và làm mẫu để HS hình dung được các bước cần thực hiện, còn HS phải nghiêm túc trong quá trình thực hiện. Đồng thời, luyện tập qua nhiều tiết học dần dần việc đọc sách của các em sẽ trở thành kĩ năng, thói quen tốt. GV hướng dẫn HS các bước cụ thể như sau để lập dàn ý:

- Đọc toàn bộ nội dung cần lập dàn ý (mục, bài, chương..). Đọc lướt toàn bộ nội dung bài học để nắm được các vấn đề một cách sơ lược về tên bài, tên các mục, thấy được mối liên hệ của các mục làm nổi bật một chủ đề chung của bài học.

- Xác định ý chính trong mỗi đoạn, mục (cách xác định ý chính tiến hành như hoạt động tìm ý chính).

- Hệ thống hóa các mục, ý chính, ý phụ đã xác định và diễn đạt dàn ý.

Để đánh giá kĩ năng đọc SGK gắn với lập dàn ý, chúng tôi xây các tiêu chí và thang bậc đánh giá cụ thể cho từng loại thao tác (*xem Phụ lục 3h*).

Ở biện pháp này chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm ở các trường: THPT Chuyên Lam Sơn (Thanh Hóa), THPT Trần Hưng Đạo (Hà Nội). GV hướng dẫn HS sử dụng SGK để lập dàn ý có chủ đề Phát xít Đức bị tiêu diệt trong bài 17 "*Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)" (tiết 2)*:

+ Sau khi giải phóng các nước Trung và Đông Âu (1944), tháng 1/1945, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công Đức ở Mặt trận phía Đông, tiến quân vào giải phóng các nước ở Trung và Đông Âu, tiến sát biên giới nước Đức.

+ Tháng 2/1945, Liên Xô tổ chức hội nghị Ianta gồm 3 nước Liên Xô, Mĩ, Anh bàn về việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

+ Mùa hè 1944, Mĩ, Anh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu bằng cuộc đổ bộ tại Noóc-măng-đi (miền Bắc Pháp) tiến vào giải phóng Pháp, Bỉ, Hà Lan, chuẩn bị tấn công Đức.

+ Từ tháng 02 đến tháng 04/1945, Liên Xô tấn công Béc-lin, đánh bại hơn 1 triệu quân Đức.

+ Ngày 30/04, lá cờ đỏ búa liềm được cắm trên nóc toà nhà Quốc hội Đức; ngày 09/05/1945, nước Đức kí văn bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở Châu Âu.

Trong quá trình TN, chúng tôi nhận thấy HS lớp TN có ý thức tốt hơn trong việc chuẩn bị bài, các em tiếp thu kiến thức mới nhanh hơn và có điều kiện tập trung giải quyết các vấn đề học tập trọng tâm của bài. Sau khi tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 3.9. Kết quả TN từng phần biện pháp: Hướng dẫn HS đọc trước SGK để chuẩn bị cho bài mới

Lớp/số học sinh	Điểm 9 -10	Điểm 7 -8	Điểm 5-6	Điểm dưới 5
Lớp TN	28	46	34	12
(120 HS)	23.3%	38.4%	28.3%	10.0%
Lớp ĐC	7	29	48	36
(120 HS)	5.8%	24.2%	40.0%	30.0%

Nhìn vào bảng có thể thấy, điểm kiểm tra của lớp thực nghiệm cao hơn so với nhóm ĐC. Điểm xuất sắc của nhóm ĐC chỉ chiếm rất thấp là 5,8 % trong khi nhóm TN là 23,3%. Nhóm ĐC có 36 HS bị điểm dưới 5, trong khi nhóm TN chỉ có 12 HS…Qua thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy việc HS đọc SGK để chuẩn bị bài mới là cần thiết, đem lại hiệu quả cho bài học, giúp HS có được tâm thế và vốn kiến thức sẵn sàng cho các hoạt động "*chinh phục*" kiến thức lịch sử trong giờ lên lớp.

3.2.3.2. Hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa để sưu tầm tư liệu lịch sử

Trong DHLS, GV cần hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu lịch sử ở ngoài SGK như các tư liệu văn kiện, hội ký của nhân vật lịch sử, tư liệu hình ảnh…Việc bổ sung, mở rộng tư liệu học tập ngoài SGK có ý nghĩa quan trọng đối với việc học tập của HS. Những tư liệu về những sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu ở ngoài SGK không chỉ có giúp HS bổ trợ, làm sâu sắc kiến thức cơ bản của bài học mà còn tác động tới thái độ và phát triển NL giải quyết vấn đề, NL tự học của HS. Sự bổ sung kiến thức từ việc sưu tầm tư liệu phải làm cho nội dung bài học cụ thể, sinh động hơn chứ không phải là phần cộng thêm vào để làm nặng nề bài học. Khi HS sưu tầm tư liệu,

SGK cũng chính là điểm tựa để các em xác định thông tin, nhiệm vụ sưu tầm tư liệu. Trong thời đại CNTT như hiện nay, có nhiều tài liệu phục vụ cho việc học tập lịch sử của HS. Sự phong phú về nguồn tài liệu vừa là một thuận lợi, đồng thời cũng là khó khăn cho HS. Điều đó đòi hỏi HS phải được trang bị kĩ năng sưu tầm tư liệu để có thể khai thác hiệu quả các nguồn tư liệu một cách nhanh chóng, chính xác. Khi sử dụng SGK trong quá trình sưu tầm tư liệu lịch sử nhằm phục vụ cho học tập lịch sử, GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục đích và nội dung sưu tầm tư liệu lịch sử.

Bước 2: Lựa chọn nội dung sưu tầm.

Bước 3: Phân tích nguồn tư liệu.

Bước 4: Đối chiếu và phân tích quan hệ giữa tư liệu với nội dung SGK.

GV hướng dẫn HS sử dụng SGK sưu tầm tư liệu lịch sử nhằm các mục đích:

Thứ nhất, sưu tầm tư liệu để chuẩn bị tư liệu cho bài học. Ví dụ, trước khi dạy bài 21 "*Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX",* GV nêu nhiệm vụ sưu tầm tư liệu lịch sử để chuẩn bị bài học cho HS, đồng thời hướng dẫn HS sử dụng SGK xác định tư liệu cần tìm kiếm như tiểu sử nhân vật Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, tư liệu hình ảnh và đoạn dịch Chiếu Cần Vương…

Thứ hai, sư tầm tư liệu để củng cố kiến thức đã học trên lớp. Khi dạy bài 17 (SGK Lịch sử 11), GV hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu về tội ác chiến tranh của chủ nghĩa phát xít. Phát xít Đức thiết lập trại tập trung lớn nhất và khét tiếng nhất Auschwitz ở Ba Lan. Trong những năm 1940 - 1945, hơn một triệu người, trong đó đa số là người Do Thái, bị giam giữ và tra tấn dã man tại đây.

Để có cơ sở đánh giá kĩ năng sử dụng SGK để sưu tầm tư liệu học tập, chúng tôi xây dựng các tiêu chí và thang bậc đánh giá cụ thể (*xem Phụ lục 3i*).

Ở biện pháp này chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm *bài 17 (SGK Lịch sử 11), HS sưu tầm tư liệu về tội ác chiến tranh của chủ nghĩa phát xít.* Chúng tôi tiến hành TN sư phạm tại các trường THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương), THPT Ba Đình (Thanh Hóa). Sau khi tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 3.10. Kết quả TN từng phần biện pháp: Hướng dẫn HS sử dụng SGK để sưu tầm tư liệu lịch sử

Lớp/số học sinh	Điểm 9 -10	Điểm 7 - 8	Điểm 5 - 6	Điểm dưới 5
Lớp TN	22	38	52	8
(120 HS)	18.4%	31.7%	43.3%	6.6%
Lớp ĐC	5	27	54	34
(120 HS)	4.2%	22.5%	45.0%	28.3%

Qua kết quả trên có thể thấy lớp TN có số điểm xuất sắc và khá giỏi cao hơn lớp đối chứng; trong khi số điểm trung bình và điểm yếu kém ít hơn lớp ĐC. Điều đó cho thấy: Nếu GV biết hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu, bổ sung thông tin từ các nguồn khác ngoài SGK để làm phong phú kiến thức trong SGK, để chủ động hơn trong giải quyết các tình huống được đặt ra trong giờ học thì sẽ giúp HS có được vốn liếng kiến thức lịch sử đa dang, phong phú, từ đó tự tin, hào hứng tham gia hoạt động tương tác trong giời lên lớp.

3.2.3.3. Hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa để làm bài tập về nhà

Khi chuẩn bị kết thúc giờ học, GV thường giao bài tập về nhà cho HS nhằm giúp HS củng cố nội dung đã học, vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống khác nhau sẽ làm sâu sắc hơn và tăng độ bền vững tri thức của người học. Hoàn thành bài tập trong SGK Lịch sử không chỉ giúp HS ghi nhớ, tái hiện kiến thức mà còn giúp các em hiểu biết vững chắc, sâu sắc những sự kiện cơ bản; biết phân tích, đánh giá về các sự kiện, nhân vật lịch sử, rèn luyện được cách diễn đạt. Ngoài ra, bài tập lịch sử còn giúp HS có thể tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình. Đồng thời, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, hình thành các phẩm chất tốt đẹp như sự nỗ lực phấn đấu, bền bỉ, nghiêm túc,

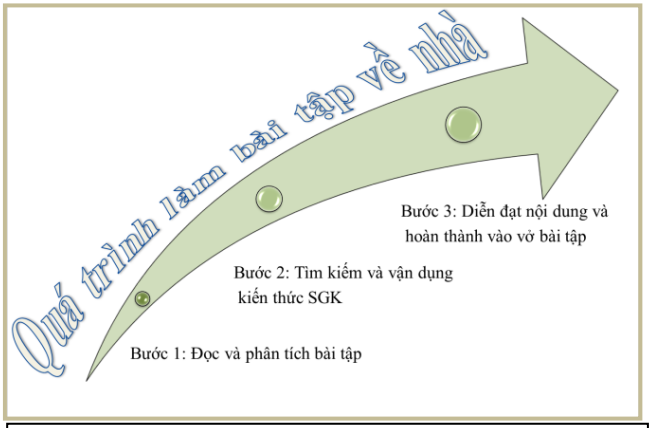

Hình 3.3. Các bước làm bài tập về nhà của HS

tìm tòi, sáng tạo trong công việc. Điều đó đòi hỏi HS cần biết cách sử dụng các tài liệu học tập, trong đó có SGK để giải quyết các bài tập về nhà. Mức độ sử dụng SGK để giải quyết bài tập về nhà đạt kết quả cao hay thấp sẽ là thước đo đánh giá NL nhận thức và NL tự học của HS. Tuy nhiên, nếu GV chỉ thông báo "*về nhà các em đọc lại bài học, làm các bài tập được nêu trong SGK*", điều đó chưa có hướng dẫn cụ thể cho HS sử dụng SGK để làm bài tập. Do đó, GV phải gợi ý, hướng dẫn HS khai thác đoạn thông tin, quan sát kênh hình, tìm thêm nguồn thông tin ở ngoài SGK… để giải đáp bài tập.

Bài tập về nhà mà GV đưa ra cho HS bao gồm hai loại: Bài tập trong SGK và bài tập do GV thiết kế. Khi phân tích loại đề bài tập về nhà cho HS, GV hướng dẫn có hai loại chủ yếu: loại đề bài luyện kiến thức; loại đề bài rèn luyện kĩ năng thực hành, hệ thống hóa kiến thức (lập niên biểu, vẽ biểu đồ, lược đồ…). Để giải quyết bài tập về nhà, GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

Bước 1: Đọc và phân tích bài tập (gạch chân những từ quan trọng) để xác định nhiệm vụ cần phải giải quyết.

Bước 2: Tìm kiếm và vận dụng kiến thức SGK (tái hiện kiến thức có sẵn hoặc sử dụng các thao tác tư duy như phân tích, so sánh, tổng hợp) đã học để làm bài tập.

Bước 3: Diễn đạt nội dung câu trả lời và hoàn thành vào vở bài tập. Đối với các loại bài tập khác nhau GV lưu ý HS cách trả lời và trình bày khác nhau...HS phải nắm chắc, hiểu sâu được kiến thức SGK kết hợp với bài giảng của GV, mới giải quyết được câu hỏi, bài tập.

Đối với đề bài luyện kiến thức, đầu tiên HS cần xác định vị trí nội dung kiến thức cần tìm kiếm trong SGK, sau đó đọc SGK tìm ý, kết hợp vở ghi bài trên lớp để lập đề cương trình bày những phương án trả lời. Với các bài tập rèn luyện kĩ năng thực hành, HS dựa vào SGK lập bảng dữ liệu kiến thức, tìm các ý trả lời.

Ví dụ, khi hướng dẫn HS trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài 23 - Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu TK XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914), GV hướng dẫn HS nhận diện câu hỏi - bài tập, kiến thức thuộc phần nội dung nào và cách trình bày. Khi so sánh hai khuynh hướng bạo động và cải cách,

GV hướng dẫn HS tìm các điểm giống nhau ở chỗ đều xuất phát từ nhu cầu cứu nước theo xu hướng dân chủ tư sản. GV có thể hướng dẫn HS lập bảng so sánh giữa hai khuynh hướng cách mạng của nước ta vào đầu thế kỷ XX :

Bảng 3.11. So sánh hai xu hướng cứu nước bạo động và cải cách ở Việt Nam đầu TK XX

Nội dung so sánh	Xu hướng bạo động	Xu hướng cải cách
Giống nhau	- Xuất phát từ tinh thần yêu nước, muốn đất nước tự lập, tự cường. - Vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản.	
Khác nhau	- Đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân, lập nhà nước tư sản. - Phương pháp bạo động vũ trang để khởi nghĩa đánh đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến - Dựa vào Nhật chống thực dân Pháp.	- Canh tân đất nước, làm cho đất nước thoát khỏi sự lạc hậu, cổ hủ của chế độ phong kiến, đi theo mô hình tư bản. - Bằng phương pháp cải cách, trong đó chú trọng cải cách kinh tế, đặc biệt là văn hóa - xã hội. - Dựa vào Pháp chống phong kiến.

Để có cơ sở đánh giá kĩ năng sử dụng SGK trong việc làm bài tập về nhà của HS, chúng tôi lập sử dụng bảng tiêu chí và thang đánh giá cụ thể (*xem phụ lục 3k*).

Vận dụng biện pháp sử dụng SGK trên, chúng tôi đã tiến hành TN sư phạm bài 19 "*Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ năm 1858 đến trước năm 1873)", (tiết 1)* tại trường THPT Phan Bội Châu (Bình Thuận), THPT Trần Hưng Đạo (Hà Nội). Sau khi tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 3.12. Kết quả TN từng phần biện pháp hướng dẫn HS sử dụng SGK làm bài tập về nhà

Lớp/số học sinh	Điểm 9 -10	Điểm 7 - 8	Điểm 5 - 6	Điểm dưới 5
Lớp TN	12	43	59	6
(120 HS)	10.0%	35.8%	49.2%	5.0%
Lớp ĐC	1	31	70	18
(120 HS)	1.2%	25.6%	58.2%	15.0%

Qua kết quả thực nghiệm có thể thấy, ở lớp thực nghiệm số HS đạt điểm 7 đến điểm 10 cao hơn so với lớp ĐC, số HS điểm trung bình và yếu kém it hơn so với lớp ĐC. Qua quan sát chúng tôi nhận thấy HS ở lớp TN tập trung chú ý đến việc làm bài tập ở nhà, tích cực rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK để làm bài tập về nhà. Với các biện pháp TN, HS tiếp cận và hưởng ứng một cách tích cực, chỉ có một bộ phận HS lúng túng, ngại tìm tòi, ngại tư duy. GV tại các trường TN cho rằng biện pháp TN đã bước đầu thể hiện rõ hướng vận dụng các hình thức sử dụng SGK đúng tinh thần lấy SGK làm điểm tựa cho đổi mới phương pháp dạy học bộ môn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng SGK trong DHLS, Luận án tập trung đề xuất và phân tích các nhóm biện pháp sử dụng SGK, gồm có: Sử dụng SGK trong việc chuẩn bị bài học của GV; sử dụng SGK ở trên lớp; hướng dẫn HS sử dụng SGK Lịch sử ngoài giờ lên lớp. Trên cơ sở phân tích kết quả thu được từ TN từng phần, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS là đúng với xu hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, đây là vấn đề mới, khó với cả người dạy và người học, nên phải dựa vào một số nguyên tắc và bảo đảm một số yêu cầu. Quán triệt quan điểm của Đảng (thể hiện trong Nghị quyết số 29 - NQ/TW và Nghị quyết Đại hội XII), mỗi GV bộ môn Lịch sử phải vận dụng sáng

tạo vào đổi mới phương pháp dạy học phù hợp đặc thù bộ môn. Đổi mới phải bắt đầu từ đổi mới cách tiếp cận việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

Muốn giúp cho HS sử dụng SGK theo hướng phát triển NL, trước hết GV phải có khả năng thẩm thấu các ý tưởng sư phạm được thể hiện trong SGK, từ đó dựa vào SGK để thiết kế bài học, trong đó dự tính các phương án hướng dẫn HS sử dụng SGK có hiệu quả cao. Việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS phải qua cầu nối là GV, vì thế GV là người học cơ chế sư phạm trong SGK để biết cách dạy HS cách học với SGK theo hướng phát triển NL cho chính mình.

SGK dù được thiết kế công phu bao nhiêu thì vẫn luôn là những dung lượng kiến thức sơ giản, cốt lõi. Nếu hoàn toàn lệ thuộc vào SGK mà không chịu tìm tòi, bổ sung kiến thức từ các nguồn khác thì việc học chỉ giới hạn bởi sự truyền đạt và ghi nhớ SGK. Để làm cho SGK sống động, hữu ích với HS, đòi hỏi GV phải hướng dẫn, tổ chức HS tích cực sưu tầm, bổ sung những kiến thức ngoài SGK, kiểm tra, góp ý cho HS. Trong sử dụng SGK, HS không chỉ duy nhất làm việc với SGK mà cần mở rộng phạm vi thông tin lịch sử ra ngoài khuôn khổ SGK. Đó là một cách học hiện đại, tập dượt cho HS biết tự học lịch sử ở dạng sơ khai nghiên cứu lịch sử bằng nhiều nguồn tài liệu, mở rộng không gian học tập lịch sử ra ngoài bốn bức tường và ngoài cuốn SGK.

Các biện pháp được nghiên cứu trong Chương 3 là hệ thống các ý tưởng sư phạm được xây dựng trên quan điểm dạy học phát triển toàn diện NL và phẩm chất người học, là sự kế thừa thành tựu khoa học giáo dục, vận dụng lý luận và phương pháp DHLS theo hướng đổi mới. Kết quả TN tuy mới chỉ dừng lại ở kiểm định mẫu, mặc dù cho những thông số hiệu quả bước đầu, song đã dự báo khả quan những ý tưởng được xây dựng là đúng hướng, có thể tiếp tục áp dụng và phổ biến.

Từ kết quả chương 3, chúng tôi sẽ vận dụng để TN toàn phần ở chương 4.

CHƯƠNG 4:
THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM TOÀN PHẦN

TN sư phạm có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình nghiên cứu đề tài. Bằng việc tiến hành TN sư phạm toàn phần, tác giả thu nhận kết quả thông tin trên đối tượng TN, từ đó tiến hành kiểm tra và chứng minh tính chân thực của giả thuyết khoa học. Ở chương 4, Luận án tập trung vào trình bày phần TN toàn phần các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL cho HS lớp 11 ở trường THPT, vận dụng tổng hợp các biện pháp đã phân tích ở chương 3. Từ kết quả TN, chúng tôi xử lí số liệu, đánh giá và rút ra một số kết luận khái quát để kiểm chứng giả thuyết khoa học của Luận án.

4.1. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN, THỜI GIAN, GIÁO VIÊN DẠY THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM TOÀN PHẦN

4.1.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm toàn phần

TN sư phạm toàn phần để xác nhận tính đúng đắn về cơ sở lí luận của đề tài cũng như khẳng định tác dụng tích cực của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS trong DHLS.

TN sư phạm được tiến hành để kiểm nghiệm tính khả thi và tính hiệu quả của những biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS qua dạy học phần lịch sử lớp 11 - THPT (Chương trình chuẩn) mà Luận án đề xuất. Trên cơ sở quan sát, đối chiếu so sánh kết quả kiểm tra giữa các lớp ĐC và TN, chúng tôi xử lí số liệu, rồi đánh giá và khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học của luận án.

Nghiên cứu quá trình DHLS ở trường THPT và tiến hành thực nghiệm sư phạm, chúng tôi tiếp tục tự bồi dưỡng, nâng cao hơn nữa những nhận thức về lý luận dạy học bộ môn. Trong đó, quan trọng nhất là việc nâng cao nhận thức về việc sử dụng SGK Lịch sử trong việc phát triển NL HS.

Cuối cùng, TN sư phạm toàn phần là cơ sở quan trọng để tác giả Luận án khái quát và rút ra những kết luận về các biện pháp sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL HS như đã nêu ở chương 3.

4.1.2. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực nghiệm sư phạm toàn phần

** Đối tượng và địa bài TN sư phạm*

Đối tượng mà chúng tôi chọn TN là HS lớp 11 ở các trường THPT. Ở mỗi trường tham gia TN, chúng tôi lựa chọn một lớp TN và lớp ĐC. Các lớp TN và lớp ĐC được chọn dựa trên một số nguyên tắc đảm bảo có sự tương đồng về điều kiện học tập, số lượng, trình độ và NL nhận thức của HS. Lớp TN và lớp ĐC đều do cùng một GV giảng dạy.

Luận án đã chọn địa bàn có đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hoá, dân cư khác nhau để tiến hành TN. Việc TN được triển khai ở 6 trường trung học phổ thông trên địa bàn của 5 tỉnh, thành phố thuộc khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ:

Ở Thành phố Hà Nội: trường THPT Trần Hưng Đạo.

Ở tỉnh Hải Dương: trường THPT Chuyên Nguyễn Trãi;

Ở tỉnh Thái Nguyên: trường THPT Thái Nguyên;

Ở tỉnh Thanh Hóa: trường THPT Ba Đình; THPT Chuyên Lam Sơn

Ở tỉnh Bình Thuận: trường THPT Phan Bội Châu.

** Thời gian TN*

TN sư phạm toàn phần được tiến hành trong thời gian vào năm học 2014 - 2015 và năm học 2015 - 2016.

4.1.3. GV dạy thực nghiệm sư phạm toàn phần

GV dạy thực nghiệm là những GV dạy tại các trường THPT và THPT chuyên. Chúng tôi chọn GV dạy TN là những người có kinh nghiệm trong giảng dạy với thâm niên công tác từ 5 năm trở lên, là GV khá và giỏi, nhiệt tình ủng hội việc đổi mới các phương pháp dạy học để nâng cao hiệu quả dạy học; có hứng thú với luận án mà chúng tôi đề xuất. Những GV dạy thực nghiệm đều là những GV có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực sư phạm tốt, được học sinh đánh giá cao.

Bảng 4.1 . Danh sách GV dạy TN sư phạm toàn phần

TT	Họ và tên	Năm sinh	Năm bắt đầu công tác	Địa chỉ cơ quan công tác
1	Lê Thị Mười	1969	1993	trường THPT Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội
2	Trần Lan Phương	1987	2009	trường THPT Chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương
3	Nguyễn Thị Ái	1972	1993	trường THPT Chuyên Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá
4	Bùi Lê Ban	1986	2009	trường THPT Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
5	Lê Hoàng Tuấn	1980	2003	trường THPT Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa
6	Đào Văn Khái	1983	2006	trường THPT Phan Bội Châu, tỉnh Bình Thuận

4.2. PHƯƠNG PHÁP THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM TOÀN PHẦN VÀ QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

4.2.1. Phương pháp thực nghiệm sư phạm toàn phần

Dựa trên cơ sở lí luận mà Luận án đã nêu, chúng tôi đã tiến hành lựa chọn đối tượng, địa bàn, GV TN. Tác giả tập trung phân tích và lựa chọn một số bài học có nội dung kiến thức phù hợp để tiến hành TN. Quá trình TN được tiến hành theo các bước như sau:

Bước 1: Tác giả luận án xây dựng kế hoạch TN sư phạm.

Bước 2: Tổ chức dạy học TN. GV tiến hành dạy TN theo giáo án TN. Các GV ĐC dạy theo giáo án tự soạn.

Bước 3: Tổng hợp, xử lý số liệu và đánh giá kết quả TN. Để đánh giá kết quả thực nghiệm chúng tôi dựa trên hai căn cứ:

Về định lượng: Sau khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi tiến hành kiểm tra 15 phút ở cả lớp ĐC và lớp TN. Các câu hỏi kiểm tra kết hợp dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận trả lời ngắn, đảm bảo xem xét toàn diện mức độ đạt được của mục tiêu bài học, riêng về kiến thức thể hiện ở các mức độ biết, hiểu, vận dụng. Kết quả kiểm tra được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học.

Về định tính: Chúng tôi quan sát, đánh giá hiệu quả dạy học trên các mặt chủ yếu sau: tính tích cực, chủ động của HS khi tham gia các hoạt động học tập, sự sáng tạo trong các hoạt động và hứng thú với bài học; sự tổ chức quá trình dạy học của GV trong việc vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, tạo ra sự tương tác giữa GV và HS,…Đặc biệt, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến khâu GV tổ chức, hướng dẫn HS sử dụng SGK và việc sử dụng SGK trong quá trình học tập của HS.

Sau khi dạy xong bài TN, chúng tôi trao đổi, phỏng vấn, thăm dò ý kiến GV, HS, đồng thời kết hợp với kết quả kiểm tra để rút ra những kết luận sư phạm.

4.2.2. Quá trình chuẩn bị thực nghiệm sư phạm toàn phần

Quá trình chuẩn bị cho TN toàn phần bao gồm ba nội dung chính: Liên hệ với Ban Giám hiệu và GV các trường THPT; lựa chọn bài dạy phù hợp; chuẩn bị thiết bị, phương tiện dạy học; chuẩn bị phiếu kiểm tra.

Trên cơ sở những biện pháp sư phạm đã đề xuất, theo giới hạn của Luận án, chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm ở bài nghiên cứu kiến thức mới trong chương trình chuẩn SGK Lịch sử lớp 11 (các bài 17, 19, 21, 23) để tiến hành dạy TN sư phạm toàn phần, vận dụng tổng hợp các biện pháp đã tiến hành trong TN sư phạm từng phần như đã đề cập trong chương 3. Do giới hạn về số trang nên Luận án chỉ giới thiệu các biện pháp TN sư phạm toàn phần đối với bài 17 (tiết 1) và bài 23. Giáo án lớp thực nghiệm được soạn theo định hướng sư phạm của Luận án, được tác giả chuẩn bị cẩn thận, chu đáo. Giáo án thực nghiệm là sự kết hợp của các biện pháp sư phạm, phù hợp với những nội dung cụ thể của bài học, đảm bảo các yêu cầu của bài học, theo tinh thần đổi mới. Với giáo án lớp ĐC, GV tiến hành như bình thường. Sự khác biệt giữa giáo án TN và giáo án ĐC là cơ sở để chúng tôi so sánh, phân tích

để tìm ra những điểm tích cực, hạn chế của các phương pháp sử dụng SGK trong dạy học LS nói chung.

Cùng với đó, chúng tôi đã trao đổi trực tiếp với GV ở trường THPT về giáo án TN, phương pháp tiến hành, cung cấp các nguồn tài liệu, kênh hình, đề kiểm tra…đảm bảo đầy đủ các điều kiện, yêu cầu của TN sư phạm.

4.3. GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

4.3.1. Giáo án thực nghiệm 1

Bài 17 (tiết 1)**: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)**

I- Mục tiêu bài học

Thông qua các hoạt động làm việc với SGK theo hướng phát triển NL HS (theo định hướng của GV trước, trong và sau giời học) để giúp HS sau khi học xong Bài 17 (tiết 1), có thể đạt được:

1- Về kiến thức

- Nhớ được những sự kiện chủ yếu phản ánh các nước phát xít tăng cường hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược.

- Chỉ ra được đúng thái độ của các nước Anh, Pháp, Mĩ và Liên Xô đối với chủ nghĩa phát xít, phê phán chính sách dung dưỡng, thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với phát xít Đức ở Hội nghị Muy-ních.

- Xác định đúng nguyên nhân sâu xa và nguyên cớ dẫn đến bùng nổ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

- Thuật lại những nét chính về những sự kiện chính trong giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

- Hiểu được tính chất chiến tranh trong giai đoạn đầu là một cuộc chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa.

2- Về kĩ năng

- Rèn luyện kỹ năng liên kết kiến thức từ các bài học cũ, để tìm hiểu kiến thức của bài học mới.

- Phát triển kĩ năng khai thác bài viết SGK thông qua việc tìm ý chính, ghi tóm tắt, khai thác kênh hình SGK, kết hợp với các nguồn thông tin bên ngoài SGK để tái

hiện các sự kiện tiêu biểu trong bài; rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK để giải quyết các vấn đề học tập.

- Củng cố thêm kĩ năng phân tích, đánh giá, biết tìm hiểu nguyên nhân, tính chất của các sự kiện lịch sử.

- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình nội dung lịch sử, kỹ năng quan sát tranh ảnh, bản đồ lịch sử, kỹ năng hợp tác theo nhóm.

3- Về thái độ

- Có thái độ căm ghét và lên án những hành động tội ác do chủ nghĩa phát xít gây ra đối với người dân vô tội, phê phán chính sách thoả hiệp, dung dưỡng của các nước Anh, Pháp, Mĩ đối với chủ nghĩa phát xít.

- Cảm thông với những đau thương, mất mát của nhân dân các nước bị chủ nghĩa phát xít thống trị và sát hại.

- Bồi dưỡng ý thức cảnh giác và quyết tâm ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hòa bình cho Tổ quốc và nhân loại.

→ **Hướng tới hình thành và phát triển các NL:** Sử dụng SGK lịch sử theo hướng tích cực để HS biết tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; hợp tác.

II- Thiết bị, tài liệu dạy học

- Chuẩn bị của GV: SGV, SGK và các tài liệu tham khảo có liên quan; "*Tranh biếm họa ở châu Âu năm 1939"*; các bản đồ diễn biến chiến tranh thế giới thứ hai; Phiếu học tập.

- Chuẩn bị của HS: Đọc lại và nhận diện các kênh hình trong bài 6, 9, 11; 12, 14; đọc và nghiên cứu bài mới trước khi đến lớp; sưu tầm tranh, ảnh, bản đồ và một số tư liệu về giai đoạn đầu của chiến tranh thế giới thứ hai.

III- Tiến trình tổ chức dạy học

1- Kiểm tra bài cũ

- GV tổ chức trò chơi nhận diện tranh ảnh lịch sử (HS đã chuẩn bị ở nhà) treo bảng (hoặc trình chiếu) lần lượt các bức ảnh trong SGK: hình 23, hình 15, hình 38 và hình 34 và nêu câu hỏi bức tranh phản ánh sự kiện, hiện tượng lịch sử gì?

- HS trả lời, GV đưa ra đáp án: hình 23 - Những người lính Nga hy sinh ngoài mặt trận - 1917, hình 15 - Đức kí hiệp định đầu hàng, kết thúc chiến tranh và hình 38 - Quân đội Nhật chiếm Mãn Châu - 1931, hình 34 - Lễ duyệt binh của phát xít Đức - 1938).

Việc tổ chức kiểm tra bài cũ như trên với mục đích rèn cho HS củng cố, phát triển NL kết hợp kiến thức có trong SGK, tái hiện kiến thức đã được GV bổ trợ trong giờ lên lớp trước đó, liên tưởng một số thông tin đã tìm kiếm theo định hướng của GV, dùng đồ dùng trực quan một cách có chủ định.

2- Giới thiệu bài mới và xác định mục tiêu bài học

- GV cho HS quan sát 1 hình ảnh về chiến tranh thế giới lần thứ hai, đặt vấn đề hỏi HS hình ảnh này giúp chúng ta nhớ lại sự kiện nào trong lịch sử nhân loại. Sau đó GV giới thiệu: Chúng ta cùng nghiên cứu bài học hôm nay về một cuộc chiến được cho là lớn nhất, thảm khốc nhất trong lịch sử nhân loại, Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945).

- GV cho HS đọc khái quát bài học theo kĩ thuật KWL, xác định mục tiêu học tập của bản thân. GV nhận xét và thông báo mục tiêu của bài học.

3- Dạy và học bài mới

Kiến thức cần đạt	Hoạt động của GV và HS
I. Con đường dẫn đến chiến tranh ***1/ Các nước phát xít đẩy mạnh xâm lược (1931 - 1937)*** - Đầu những năm 1930, các nước phát xít Đức, Italia, Nhật Bản thành lập liên minh phát xít và đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. +Nhật chiếm vùng Đông	***Hoạt động 1 (toàn lớp - cá nhân): Trình bày hoạt động quân sự của các nước phát xít (1931 - 1937)*** - *GV nêu nhiệm vụ học tập:* Đầu những năm 30, những hoạt động quân sự của các nước Đức, Italia, Nhật Bản đã diễn ra như thế nào? có ảnh hưởng ra sao đến hòa bình thế giới. - GV hướng dẫn HS đọc đoạn đầu tiên của mục 1, tìm ý trả lời câu hỏi gợi mở: Các nước phát xít Đức, Italia, Nhật Bản có đứng riêng rẽ hoặc liên kết chặt chẽ với nhau? HS suy nghĩ, trao đổi với nhau. GV gọi 1 HS trả lời, HS khác bổ sung, sau đó GV nhận xét và vẽ sơ đồ trục phát xít để trả lời.

Bắc, rồi mở rộng toàn lãnh thổ Trung Quốc. +Italia xâm lược Ê-ti-ô-pi-a (1935), cùng với Đức tham chiến ở Tây Ban Nha (1936 - 1939). +Đức công khai xóa bỏ hòa ước Véc-xai, âm mưu thành lập một nước "Đại Đức" ở châu Âu.	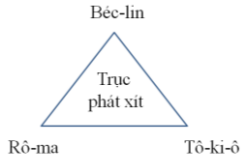 - GV yêu cầu HS đọc phần tư liệu và vận dụng hiểu biết hoàn thành bài tập nối các cột liên quan với nhau: 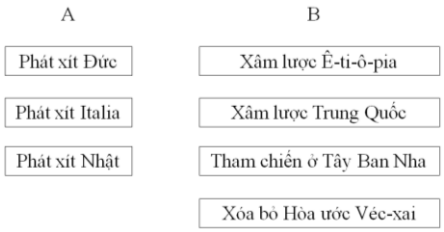 - Sau khi HS thực hiện nhiệm vụ, GV sử dụng hình 43 chỉ ra các hoạt động quân sự của các nước phát xít. GV cung cấp đáp án, HS đối chiếu phần trả lời của mình và hoàn thiện cho đúng.
- Thái độ của các nước lớn: +Liên Xô: kiên quyết chống chủ nghĩa phát xít; đề nghị Anh, Pháp lập khối chống phát xít; bảo vệ các dân tộc bị xâm lược. +Mĩ, Anh, Pháp: nhượng bộ, dung túng phát xít; đẩy chiến tranh về phía Liên Xô.	- HS lắng nghe và ghi chép kiến thức đã học ***Hoạt động 2 (nhóm): Trình bày và đánh giá thái độ các nước lớn trước các cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít*** - *GV nêu câu hỏi:* Các nước lớn (Liên Xô và Mĩ, Anh, Pháp) có thái độ như thế nào? Em có nhận xét gì về những thái độ đó? - GV hướng dẫn HS hoạt động theo nhóm đôi cùng thực hiện chung nhiệm vụ. Mỗi HS trong nhóm có nhiệm vụ riêng:1/Thái độ của Liên Xô; 2/Thái độ của Anh, Pháp, Mĩ. - GV hướng dẫn HS đọc SGK theo phương pháp SQ3R, HS đọc bài viết SGK, điền nội dung theo mẫu phiếu học tập, báo cáo nhiệm vụ, thảo luận tại nhóm. GV gọi một nhóm bất kỳ báo cáo. GV nhận xét và bổ sung:

2/ Từ Hội nghị Muy-ních đến chiến tranh thế giới a. Hội nghị Muy-ních - Hoàn cảnh: +Tháng 3/1938, Đức thôn tính Áo. Sau đó Hít le gây ra vụ Xuy-đét nhằm thôn tính Tiệp Khắc. +Liên Xô kiên quyết giúp Tiệp Khắc chống xâm lược. +Anh - Pháp tiếp tục thỏa hiệp, yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc nhượng bộ Đức. → Ngày 29/9/1938, Hội nghị Muy-ních được triệu tập gồm đại diện 4 nước Anh, Pháp, Đức, Italia. - Nội dung: +Anh, Pháp nhượng Xuyđét cho Đức +Đức cam kết không thôn tính châu Âu - Ý nghĩa: + Đỉnh cao của chính sách thỏa hiệu với phát xít. +Thể hiện âm mưu chống	Chính thái độ nhượng bộ của Mĩ - Anh -Pháp đã tạo điều kiện thuận lợi để phe phát xít thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược của mình. - HS lắng nghe và ghi chép kiến thức đã học ***Hoạt động 3 (toàn lớp - cá nhân): Phân tích được chính sách dung dưỡng, thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với phát xít Đức ở Hội nghị Muy-ních*** - *GV dẫn dắt và nêu nhiệm vụ:* Các em hãy đọc tiểu mục 2 của phần I trong SGK và lập dàn ý theo kĩ thuật ghi chú cornell về hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa Hội nghị Muy-ních. - HS đọc SGK dưới sự hướng dẫn của GV để lập dàn ý. HS báo cáo nhanh kết quả làm việc. - GV nhận xét và bổ sung: Sử dụng bức tranh biếm họa "Tranh biếm họa ở châu Âu năm 1939" chỉ ra chính sách thỏa hiệp của Anh, Pháp. - HS lắng nghe, tự đối chiếu dàn ý và bổ sung những ý còn thiếu. ***Hoạt động 4 (toàn lớp - cá nhân): Trình bày tình hình sau hội nghị Muy-ních*** - GV dẫn dắt: Sau hội nghị Muy-ních, cam kết chất dứt

Liên Xô của đế quốc. b. Tình hình sau hội nghị Muy-ních -Đức đưa quân thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3/1939), rồi gây hấn và chuẩn bị tấn công Ba Lan. - Ngày 23/8/1939, Đức ký với Liên Xô "Hiệp ước Xô - Đức không xâm lược nhau". **II. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và lan rộng ở châu Âu (từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941)** ***1/ Phát xít Đức tấn công Ba Lan và xâm chiếm châu Âu (9/1939 - 9/1940)*** - Ngày 1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan. Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ba Lan bị thôn tính sau 1 tháng. - Từ tháng 4, Đức chuyển hướng tấn công sang phía Tây, nhanh chóng chiếm được các nước tư bản châu	mọi cuộc thôn tính ở châu Âu của Đức, hay hy vong của các nước tư bản Anh, Pháp muốn phát xít Đức sẽ tấn công Liên Xô có trở thành hiện thực không. Chúng ta tìm hiểu mục b. - *GV nêu câu hỏi:* Sau khi chiếm được Xuy-đét, Hít-le có hành động như thế nào? Hành động đó thể hiện âm mưu gì của phát xít Đức? - HS đọc SGK, thảo luận, trả lời. GV phân tích, bổ sung và chốt ý: Sau khi chiếm Xuy-đét, tháng 3/1939 Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc. Như vậy, bọn phát xít đã trắng trợn xóa bỏ hiệp định vừa ký kết ở Muy-ních… - HS ghi chép bài vào vở. ***Hoạt động 5 (toàn lớp - nhóm): Tóm tắt diễn biến cuộc chiến tranh từ 9/1939 đến 6/1941*** - GV hướng dẫn HS đọc SGK lập niên biểu về quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức (từ tháng 9/1939 đến tháng 61940). - Tiếp đó GV chia lớp thành 4 nhóm, GV yêu cầu các nhóm qua sát lược đồ "Quân Đức đánh chiếm châu Âu" (1939 - 1941) và theo dõi SGK để hoàn thành câu hỏi được giao: + Nhóm 1: Diễn biến của chiến sự từ ngày 01/9/1939 đến cuối tháng 9/1939? Kết quả? + Nhóm 2: Diễn biến của chiến sự từ tháng 9/1939 đến tháng 4/1940? Kết quả? + Nhóm 3: Diễn biến của chiến sự từ tháng 4/1940 đến tháng 9/1940? Kết quả? + Nhóm 4: Diễn biến của chiến sự từ tháng 10/1940 đến tháng 6/1941? Kết quả?

<table>
<tr>
<td>Âu, nước Pháp bại trận.
- Tháng 7/1940, không quân Đức đánh phá nước Anh, nhưng bị tổn thất nặng nề.
2/ Phe phát xít bành trướng ở Đông và Nam Âu (9/1940 - 6/1941)
- Tháng 9/1940, Đức, Italia, Nhật ký Hiệp ước tam cường, phân chia thế giới.
- Tháng 10/ 1940, Đức chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam châu Âu.
- Hè 1941, phe phát xít chiếm phần lớn châu Âu, sẵn sàng mở cuộc tấn công sang Liên Xô.</td>
<td>- HS thảo luận nhóm và tự điền vào bảng niên biểu nội dung được phân công, cử một đại diện trình bày trước lớp.
- Sau khi các nhóm trình bày xong, GV đưa ra thông tin phản hồi bằng cách treo lên bảng một bảng niên biểu đã chuẩn bị sẵn.
<table>
<tr><th>Thời gian</th><th>Chiến sự</th><th>Kết quả</th></tr>
<tr><td>Từ 01/9/1939 đến ngày 29/9/1939</td><td>Đức tấn công Ba Lan</td><td>Ba Lan bị Đức thôn tính.</td></tr>
<tr><td>Từ tháng 9/1939 đến tháng 4/1939</td><td>“Chiến tranh kỳ quặc”</td><td>Tạo điều kiện để phát xít Đức phát triển mạnh lực lượng</td></tr>
<tr><td>Từ tháng 4/1940 đến tháng 9/1940</td><td>Đức tấn công Bắc Âu và Tây Âu</td><td>- Đan Mạch, Nauy, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua bị Đức thôn tính. Pháp-đầu hàng Đức. Kế hoạch tấn công nước Anh không thực hiện được</td></tr>
<tr><td>Từ tháng 10/1940 đến tháng 6/1941</td><td>Đức tấn công Đông và Nam Âu</td><td>- Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Nam Tư, Hi Lạp bị thôn tính.</td></tr>
</table>
- GV yêu cầu HS quan sát bảng niên biểu và yêu cầu: Qua niên biểu về quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức, em có nhận xét gì về tình hình chiến sự trong giai đoạn từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941?
- HS trao đổi với nhau để tìm ý trả lời, GV gọi một số em phát biểu rồi nhận xét, phân tích và chốt ý: Ở giai đoạn đầu, Đức đã chiếm và thống trị hầu như toàn bộ châu Âu tư bản chủ nghĩa (trừ Anh và một vài nước trung lập).
- GV đưa ra câu hỏi: Qua diễn biến của chiến sự từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941, em hãy rút ra tính chất của chiến tranh trong giai đoạn đầu?
- HS trao đổi, thảo luận với nhanh, GV gọi một số HS trả lời và HS khác bổ sung.
- GV bổ sung, phân tích và chốt ý: Tính chất giai đoạn đầu là một cuộc chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa.</td>
</tr>
</table>

4- Kết thúc bài học (tiết 1)

a/ Củng cố và kiểm tra hoạt động nhận thức

- GV hướng dẫn HS sử dụng SGK (đọc kênh chữ, quan sát kênh hình, thực hiện các gợi ý sư phạm), kết hợp kiến thức bổ trợ và đồ dùng trực quan để củng cố

kiến thức cơ bản, trong đó tập trung về nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai; quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức (9-1939 đến 6/1941).

- HS hoàn thành bài kiểm tra nhận thức.

b/ Giao và hướng dẫn làm bài tập về nhà

- Giao bài tập: Bài tập 1: Sưu tầm các hình ảnh để lập bộ sưu tập về tội ác chiến tranh của phát xít Đức, Nhật; bài tập 2: Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay; bài tập 3: Sưu tầm một số tác phẩm văn học, phim, tranh ảnh có nội dung liên quan đến cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.

- GV hướng dẫn HS làm bài tập về nhà (cách làm bài tập và các nguồn tài liệu).

c/ Nhận xét bài học

- Đánh giá tinh thần tự giác học tập của HS, nhất là chủ động làm việc với SGK, phối hợp theo nhóm, tìm kiếm thông tin bổ trợ ngoài SGK.

- Nhận xét và bổ trợ một số kỹ năng cần thiết để giúp HS biết sử dụng SGK theo hướng phát triển NL học tập của HS.

4.3.2. Giáo án thực nghiệm 2

Bài 23: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu TK XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)

I- Mục tiêu bài học

HS cần đạt được mục tiêu của bài 23 như sau:

1- Về kiến thức

- Biết trình bày và hiểu được nguyên nhân nảy sinh cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng mới ở đầu TK XX.

- Chứng minh được xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu theo phương pháp bạo động, xu hướng cứu nước của Phan Châu Trinh theo phương pháp cải cách.

- So sánh được điểm giống và khác nhau của hai xu hướng cứu nước đầu TK XX.

2- Về kĩ năng

- Phát triển kĩ năng khai thác nội dung SGK để chứng minh các vấn đề học tập.

- Rèn luyện kĩ năng so sánh hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình nội dung lịch sử, kỹ năng quan sát phim tư liệu, tranh ảnh, kỹ năng hợp tác.

3- Về thái độ

- Khâm phục và trân trọng tấm lòng yêu nước của các nhà cách mạng đầu TK XX.

- Có ý thức trách nhiệm trong việc phát huy truyền thống yêu nước.

→ **Hướng tới hình thành và phát triển các NL:** Giải quyết vấn đề và sáng tạo; hợp tác.

II- Thiết bị, tài liệu dạy học

- Chuẩn bị của GV: SGV, SGK và các tài liệu tham khảo có liên quan; tranh ảnh, các đoạn phim tư liệu; Phiếu học tập.

- Chuẩn bị của HS: Đọc và nghiên cứu bài mới trước khi đến lớp; tìm hiểu tiểu sử của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

III- Tiến trình tổ chức dạy học

1- Kiểm tra bài cũ

- Phần trắc nghiệm:

Câu 1: Hệ quả bao trùm nhất của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là

A. Hàng loạt nông dân bị mất ruộng đất

B. Phương thức bóc lột phong kiến vẫn tồn tại

C. Phương thức sản xuất tbcn bước đầu du nhập

D. Bước đầu hình thành nền công nghiệp ở nước ta

Câu 2: Lực lượng xã hội nào là điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới:

A. Địa chủ, tư sản

B. Nông dân, công nhân

C. Tư sản, tiểu tư sản, công nhân

D. Tất cả các ý trên

- Phần tự luận: Nêu tính chất của xã hội Việt Nam đầu TK XX và chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam thời kì này ?

2- Giới thiệu bài mới và xác định mục tiêu bài học

- GV yêu cầu HS gợi nhớ kiến thức bài trước, vận dụng kĩ thuật KWL, đọc khái quát SGK xác định mục tiêu học tập:

- HS nắm bắt mục tiêu của bài là hiểu được bối cảnh nảy sinh của khuynh hướng cứu nước mới, hệ thống hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, so sánh và nhận xét về hai xu hướng cứu nước này.

3- Dạy và học bài mới

Kiến thức cần đạt	Hoạt động của GV và HS
1. Phan Bội Châu và xu hướng bạo động * Nguyên nhân chủ yếu tạo nên khuynh hướng cứu nước mới theo con đường dân chủ tư sản: -Xuất phát từ tinh thần yêu nước -Sự truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản của châu Âu vào Việt Nam. -Sự xuất hiện các tầng lớp, giai cấp mới trong xã hội. * Tiểu sử Phan Bội Châu -Xuất thân ở vùng quê Nam Đàn, Nghệ An - Là một sỹ phu yêu nước,	***Hoạt động 1 (toàn lớp - cá nhân): Xác định bối cảnh nảy sinh khuynh hướng cứu nước mới đầu TK XX*** - *GV nêu câu hỏi:* Vì sao những người yêu nước đầu TK XX lại nhận thấy cần phải tìm con đường cứu nước mới? . -GV hướng dẫn HS đọc tìm ý của phần mở đầu SGK. -HS đọc SGK tìm ý, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. -GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận: + Những biến chuyển về xã hội Việt Nam đầu TK XX, với sự xuất hiện giai cấp, tầng lớp mới + Tác động của tình hình thế giới đối với cách mạng Việt Nam: tư tưởng dân chủ tư sản được truyền bá vào Việt Nam, cuộc duy tân Minh Trị ở Nhât, phong trào cách mạng ở Trung Quốc…đã kích thích các nhà yêu nước Việt Nam tìm con đường cứu nước mới. - HS lắng nghe và ghi chép kiến thức đã học ***Hoạt động 2 (nhóm): Trình bày tiểu sử nhân vật Phan Bội Châu*** - *GV nêu câu hỏi:* Em có hiểu biết gì về nhân vật Phan Bội Châu?

nhà thơ, nhà viết sử…	-HS sử dụng SGK, kết hợp tài liệu chuẩn bị ở nhà thảo luận nhóm đôi về nội dung. -GV lựa chọn đại diện 1 nhóm thuyết trình nhanh về nhân vật. Các nhóm khác bổ sung, góp ý theo kĩ thuật 321. -GV sử dụng hình 71 trong SGK, hướng dẫn HS khai thác kiến thức và làm rõ hơn về chân dung và tiểu sử nhân vật. Từ đó hướng dẫn HS vận dụng kiến thức tiểu sử nhân vật, cho biết định hướng phương pháp cứu nước gì (bạo động). -HS theo dõi và ghi chép ý chính vào vở.
*Xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu -Năm 1904, lập Hội Duy tân nhằm mục đích: Đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, lập chính thể quân chủ lập hiến -Năm 1905, tổ chức phong trào Đông Du, đến năm 1908, phong trào tan rã. -Năm 1912, Việt Nam Quang phục hội được thành lập ở Quảng Châu (Trung Quốc). +Mục đích: "Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam" +Biện pháp: đấu tranh bạo	***Hoạt động 3 (toàn lớp - nhóm): Điều tra lịch sử chủ đề "Có phải xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu là xu hướng bạo động ?"*** - *GV dẫn dắt và nêu nhiệm vụ:* Điều tra lịch sử chủ đề "Có phải xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu là xu hướng bạo động ?". - HS đọc bài viết SGK trang 141 dưới sự hướng dẫn của GV tìm ý chính (từ khoá): Hội Duy tân, phong trào Đông Du, Việt Nam Quang phục hội. -GV tổ chức HS hoạt động nhóm. Chia lớp thành 4 nhóm. +Nhiệm vụ nhóm 1+2: Tìm hiểu tổ chức Duy tân hội và Phong trào Đông Du để xác định xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu. GV hướng dẫn: sử dụng phiếu học tập kĩ thuật đọc SQ3R làm rõ chủ đề, giải thích các khái niệm "Duy tân", "Đông Du", "quân chủ lập hiến". Mục đích của Duy tân hội ? Nét chính của phong trào Đông Du. +Nhiệm vụ nhóm 3+4: Tìm hiểu tổ chức Việt Nam Quang phục hội để xác định xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu.

lực; hoạt động cử người bí mật về nước trừ khử những tên thực dân và tay sai +Kết quả: Thực dân Pháp đàn áp. Phan Bội Châu bị chính quyền quân phiệt Trung Quốc bắt giam. → Xu hướng cứu nước bằng phương pháp bạo động	GV hướng dẫn: sử dụng phiếu học tập kĩ thuật đọc SQ3R làm rõ chủ đề, giải thích khái niệm "Việt Nam Quang phục hội", "Cộng hòa dân quốc". Mục đích của Việt Nam Quang phục hội ? Hoạt động tiêu biểu. -HS thảo luận nhóm, báo cáo kết quả -GV nhận xét và bổ sung phần trả lời các nhóm, vẽ dòng thời gian các hoạt động cứu nước tiêu biểu của Phan Bội Châu, sử dụng đoạn phim tư liệu về Phan Bội Châu và kết luận: Con đường cứu nước của Phan Bội Châu theo xu hướng bạo động. GV yêu cầu HS nhận xét về con đường cứu nước này. HS suy nghĩ, trả lời. GV chốt ý.
2. Phan Châu Trình và xu hướng cải cách a. Tiểu sử Phan Châu Trinh -Xuất thân ở vùng quê Tam Kỳ, Quảng Nam -Từng làm quan Bộ Lễ -Sỹ phu yêu nước	***Hoạt động 4 (toàn lớp-cá nhân): Trình bày tiểu sử nhân vật Phan Châu Trinh*** - *GV nêu câu hỏi:* Sử dụng nội dung SGK, tài liệu chuẩn bị ở nhà kết hợp với hình 72, em hãy giới thiệu về nhân vật Phan Châu Trinh? -HS sử dụng SGK, kết hợp tài liệu chuẩn bị ở nhà trả lời. GV lựa chọn một đại diện thuyết trình nhanh về nhân vật. -GV hướng dẫn HS khai thác kiến thức và làm rõ hơn về chân dung và tiểu sử nhân vật. Từ đó hướng dẫn HS vận dụng kiến thức tiểu sử nhân vật, cho biết định hướng phương pháp cứu nước gì (cải cách). -HS theo dõi và ghi chép ý chính vào vở.
*Xu hướng cứu nước của Phan Châu Trinh -Mục đích: Đấu tranh lâu dài để giành độc lập cho dân tộc. -Đối tượng đấu tranh:	***Hoạt động 5 (toàn lớp - cá nhân): Lập dàn ý chứng minh chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh bằng phương pháp cải cách.*** - *GV dẫn dắt:* Nhận xét về con đường cứu nước của Phan Bội Châu, một nhà yêu nước đã nói "Bất bạo động, bạo động tắc tử. Bất vọng ngoại, vọng ngoại giả ngu". Vậy con

Đánh đổ ngôi vua và bọn phong kiến hủ bại Đồng minh: Thực dân Pháp (Ỷ Pháp cầu tiến bộ) -Biện pháp cải cách nâng cao dân trí, dân quyền, công khai -Hoạt động: cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ. Năm 1908, phong trào chống thuế bùng nổ. Thực dân Pháp đàn áp. Phan Châu Trinh và nhiều nhà duy tân bị tù đầy.	đường cứu nước của nhân vật này là gì, có điều gì khác biệt so với con đường cứu nước của Phan Bội Châu. Các em hãy đọc mục 2 của trong SGK và lập dàn ý theo mẫu phiếu kĩ thuật cornell về chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh bằng phương pháp cải cách. - HS đọc SGK dưới sự hướng dẫn của GV để lập dàn ý. HS báo cáo nhanh kết quả làm việc. - GV nhận xét, bổ sung và đưa ra dàn ý. - HS lắng nghe, tự đối chiếu dàn ý và bổ sung những ý còn thiếu.
→ Xu hướng cứu nước bằng phương pháp cải cách *So sánh 2 xu hướng cứu nước đầu TK XX: -Giống nhau: Xuất phát từ tinh thần yêu nước; vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản. -Khác nhau: chủ trương, phương pháp của Phan Bội Châu là bạo động vũ trang, dựa vào Nhật để chống Pháp. Chủ trương của Phan Châu Trinh là cải cách kinh tế, văn hoá, xã hội, yêu cầu	***Hoạt động 6 (toàn lớp-cá nhân): So sánh hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.*** - *GV nêu nhiệm vụ:* Trên cơ sở nội dung SGK, em hãy vẽ biểu đồ thể hiện sự giống và khác nhau giữa hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh (biểu đồ Venn) - HS đọc SGK, tổng hợp, phân tích nội dung và điền ý vào biểu đồ. -GV nhận xét kết quả làm việc của HS và kết luận đánh giá những đóng góp tích cực của 2 nhà yêu nước đã góp phần thức tỉnh dân tộc, cũng như hạn chế của họ ở chủ trương cầu viện, xác định kẻ thù.

thực dân Pháp sửa đổi chính sách cai trị ở Việt Nam. ***3. Đông Kinh nghĩa thục. Vụ đầu độc binh sĩ Pháp ở Hà Nội và những hoạt động cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế***	***Mục 3. HS đọc thêm***

4- Kết thúc bài học

a/ Củng cố và kiểm tra hoạt động nhận thức

- GV củng cố nội dung chính trong bài.

- HS hoàn thành bài kiểm tra nhận thức.

b/ Giao và hướng dẫn làm bài tập về nhà

- Giao bài tập: Bài tập 1: Vận dụng kiến thức đã học, em hãy hoàn thành niên biểu so sánh các phong trào chống Pháp cuối TK XIX với phong trào yêu nước và cách mạng đầu TK XX (mục đích, lãnh đạo, hình thức - tổ chức, lực lượng tham gia); bài tập 2: Sưu tầm tư liệu học tập chủ đề hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1918).

- GV hướng dẫn nhanh HS làm bài tập về nhà (cách làm và tài liệu)

c/ Nhận xét bài học

- Nhận xét tính tích cực học tập của HS.

- Đánh giá nề nếp lớp học.

4.4. TIẾN HÀNH THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.4.1. Kiểm tra bài cũ

Khi dạy tiết 1 bài 17, ở lớp ĐC, GV kiểm tra bài cũ bằng câu hỏi: *Nêu một số nét khái quát về phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới?* Một HS được gọi lên bảng trả lời câu hỏi. HS thứ hai nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn. Sau đó, GV đưa ra đáp án đúng, nhận xét câu trả lời của HS.

Ở lớp TN, GV kiểm tra kiến thức bài trước của HS bằng cách tổ chức trò chơi nhận diện tranh ảnh lịch sử (HS đã chuẩn bị ở nhà) treo tường (hoặc trình chiếu) lần lượt các bức ảnh trong SGK: hình 23, hình 15, hình 38 và hình 34 và nêu câu hỏi bức tranh phản ánh sự kiện, hiện tượng lịch sử gì. HS sử dụng giấy ghi đáp án, những bạn trả lời sai sẽ không tham gia trả lời câu hỏi tiếp theo. Đáp án của 4 bức ảnh như sau: hình 23 (Những người lính Nga hy sinh ngoài mặt trận - 1917), hình 15 (Đức kí hiệp định đầu hang, kết thúc chiến tranh), và hình 38 (Quân đội Nhật chiếm Mãn Châu - 1931), hình 34 (Lễ duyệt binh của phát xít Đức - 1938).

So sánh hai cách kiểm tra trên, chúng tôi thấy ở lớp ĐC, phạm vi câu hỏi rộng, tính khái quát cao, đòi hỏi HS phải có trình độ nhận thức tốt. Những HS có trình độ nhận thức trung bình trở xuống sẽ gặp khó khăn khi trả lời. Cách kiểm tra như này sẽ làm cho không khí kiểm tra bài cũ ở lớp ĐC khá căng thẳng, thậm chí nhiều HS có tâm lí sợ kiểm tra. Ở lớp TN, dựa vào việc nhắc HS chuẩn bị trước ở nhà với phạm vi mở rộng các bài học có liên quan đến bài mới, nhằm kết nối kiến thức mà HS đã học có liên quan đến bài. Thông qua việc tham gia trò chơi, không khí lớp trở nên hào hứng, HS thích thú, hăng hái trả lời. Đồng thời, cách kiểm tra này cũng khái quát những sự kiện quan trọng, chuẩn bị tốt cho quá trình học tập bài mới. Ưu điểm của việc sử dụng những kênh hình SGK trong kiểm tra là có trực quan, hấp dẫn, giúp HS khơi gợi lại những nội dung đã học có liên quan đến bài mới.

Khi dạy học bài 23, việc kiểm tra bài cũ ở lớp ĐC được tiến hành theo phương pháp truyền thống. GV kiểm tra bằng câu hỏi trong SGK: *Những chuyển biến về cơ cấu kinh tế và xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp có gì đáng chú ý ?* Cách sử dụng câu hỏi trong SGK như vậy làm giảm hứng thú của HS. Câu hỏi kiểm tra trên cũng đòi hỏi sự tổng hợp cao, HS trở nên căng thẳng, không hang hái trả lời. Trong khi đó, ở lớp TN, GV sử dụng SGK để thiết kế câu hỏi kiểm tra trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận. Các câu hỏi kiểm tra được sắp xếp logic, có tác dụng kiểm tra được khả năng nhận biết và thông hiểu kiến thức của HS, giúp các em định hướng kiến thức cho bài mới. Nội dung câu trắc nghiệm khách quan có hai câu: *1. Hệ quả bao trùm nhất của cuộc*

khai thác thuộc địa lần thứ nhất là….(phương án trả lời: phương thức sản xuất TBCN bước đầu du nhập); 2. Lực lượng xã hội nào là điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới (phương án trả lời: Tư sản, tiểu tư sản, công nhân). Câu trắc nghiệm tự luận theo hướng trả lời nhanh có nội dung như sau: *Nêu tính chất của xã hội Việt Nam đầu TK XX và chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam thời kì này ?*

Tiếp tục so sánh cách kiểm tra ở lớp TN với lớp ĐC, chúng tôi nhận thấy: Hai cách đều bám vào nội dung bài học trước để kiểm tra bài cũ đối với HS, trong đó đều đòi hỏi GV phải nghiên cứu nội dung bài học SGK. Tuy nhiên, ở lớp ĐC, câu hỏi kiểm tra là câu hỏi có sẵn cuối bài học trong SGK, nội dung câu hỏi mang tính khái quát, ý hỏi còn chung chung. Do vậy, HS sẽ khó trả lời và kết quả kiểm tra không tốt. Ở lớp TN, câu hỏi kiểm tra được thiết kế dựa theo nội dung bài viết SGK, nhưng hình thức kiểm tra được thay đổi. Đó là kết hợp kiểm tra trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận. Cách làm đó có ưu điểm là phạm vi kiểm tra bao quát hơn, HS có hứng thú với việc kiểm tra hơn.

4.4.2. Giới thiệu bài mới và xác định mục tiêu bài học

Với bài 17 (tiết 1). *Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)*, khi dạy ở lớp ĐC, GV sử dụng phần tóm tắt bài học của SGK làm phần giới thiệu cho bài. Phần giới thiệu bài mới tập trung vào việc giới thiệu những nét căn bản của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai như không gian, thời gian, hậu quả. Khi sử dụng SGK trong khâu dẫn dắt vào bài mới theo cách này được cho là đơn giản, dễ tiến hành, tuy nhiên việc thực hiện cách trên có hạn chế là HS bị động lắng nghe phần giới thiệu bài của GV, HS ít tập trung chú ý lời giảng của GV bởi vì nội dung đó có sẵn trong SGK.

Đối với lớp TN, GV giới thiệu bài và tổ chức, hướng dẫn HS việc sử dụng SGK để xác định mục tiêu học tập. GV tiến hành giới thiệu: *Theo dõi lại những bức ảnh trên, chúng ta đã thấy được một quá khứ không bình yên (Chiến tranh thế giới thứ nhất) và khói súng vẫn dày đặc (nguy cơ chiến tranh từ chủ nghĩa phát xít). Chúng ta cùng nghiên cứu bài học hôm nay về một cuộc chiến được cho là lớn nhất, thảm khốc nhất trong lịch sử nhân loại: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).*

Tiếp đó, GV cho HS đọc khái quát bài học theo kĩ thuật KWL, xác định mục tiêu học tập của bản thân. GV nhận xét và thông báo mục tiêu của bài học.

Trong bài 23. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu TK XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914), ở lớp ĐC, GV vẫn tiến hành giới thiệu bài mới theo cách thông thường. GV sử dụng phần tóm tắt bài học để dẫn dắt vào bài, sử dụng câu hỏi cuối bài trong SGK để định hướng nhận thức HS. Ở lớp TN được tiến hành như sau: GV yêu cầu HS gợi nhớ kiến thức bài trước, vận dụng kĩ thuật KWL, đọc khái quát SGK xác định mục tiêu học tập: K (kiến thức HS đã biết) - Trong bài học 21, các em đã biết phong trào yêu nước cuối TK XIX theo lá cờ Cần Vương thất bại, bài 22, các em đã biết xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến, nhất là việc xuất hiện giai tầng mới là điều kiện nảy sinh xu hướng cứu nước mới; W (kiến thức HS muốn biến) - Đầu TK XX, phong trào yêu nước mới sẽ theo khuynh hướng nào?, kết quả ra sao…; L (kiến thức HS khái quát nội dung SGK). HS nắm bắt mục tiêu của bài là hiểu được bối cảnh nảy sinh của khuynh hướng cứu nước mới, hệ thống hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, so sánh và nhận xét hai xu hướng cứu nước này.

So sánh hai cách giới thiệu bài mới ở lớp TN và lớp ĐC, chúng tôi nhận thấy cách tổ chức ở lớp TN có tác dụng rõ rệt, giúp HS huy động kiến thức đã biết, những NL đã có của bản thân để tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Cách tổ chức đó, khiến HS nhận ra việc SGK có ích hơn, là nguồn kiến thức chứ không phải chỉ để thông báo, minh hoạ. Đối với lớp ĐC, sử dụng nội dung có sẵn trong phần tóm tắt, câu hỏi SGK để giới thiệu bài mới là cách dễ sử dụng, nhanh, gọn. Tuy nhiên, HS lại tiếp nhận một cách bị động, không có hứng thú học tập.

4.4.3. Tổ chức hoạt động nghiên cứu kiến thức mới

- Đối với bài 17 "*Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)*" (tiết 1):

Ở lớp ĐC, GV tổ chức cho HS sử dụng bài viết SGK trong quá trình lĩnh hội kiến thức thông qua các bước như sau: dẫn dắt và nêu câu hỏi, gọi một HS đọc bài viết trong SGK, những HS khác nghe và tìm phương án trả lời; GV nhận xét, giảng giải và kết luận nội dung, HS nghe và ghi chép bài. Ở một số lớp, chúng tôi thấy

GV cho HS đọc bài trước ở nhà, khi học bài trên lớp, GV nêu câu hỏi, tự mỗi HS đọc SGK trả lời câu hỏi.

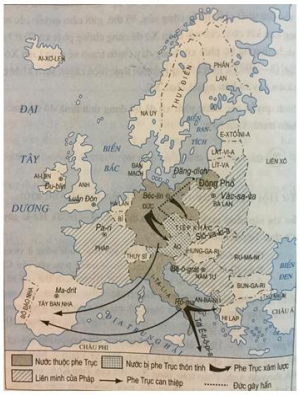

Lược đồ Đức - Italia gây hấn và bành trướng (từ tháng 10-1935 đến tháng 8 – 1945)

Quân Đức tiến vào Pa-ri (6-1940)

Hình 4.1 Kênh hình minh hoạ TN toàn phần bài 17 (tiết 1)

Trong bài TN, chúng tôi đã thực hiện một cách linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học. Như ý trình bày và đánh giá thái độ các nước lớn trước các cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít, GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS hoạt động theo nhóm đôi, hướng dẫn HS đọc SGK theo phương pháp SQ3R, HS đọc bài viết SGK, điền nội dung theo mẫu phiếu học tập cùng thực hiện chung nhiệm vụ.

Khi trình bày hoạt động quân sự của các nước phát xít (1931 - 1937), GV yêu cầu HS đọc phần tư liệu SGK và vận dụng hiểu biết hoàn thành bài tập nối các cột liên quan với nhau. Sau khi HS thực hiện nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS khai thác hình 43 chỉ ra các hoạt động quân sự của các nước phát xít. GV thông báo đáp án, HS đối chiếu phần trả lời của mình và hoàn thiện cho đúng.

Khi tổ chức dạy học nội dung chính sách dung dưỡng, thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với phát xít Đức ở Hội nghị Muy-ních, GV dẫn dắt và nêu nhiệm vụ đọc tiểu mục 2 của phần I trong SGK và lập dàn ý theo kĩ thuật ghi chú cornell (*xem phụ lục*) về hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa Hội nghị Muy-ních…

Quan việc vận dụng các biện pháp sư phạm vào bài học, chúng tôi nhận thấy HS bước đầu làm việc với SGK nhiều hơn, có nhiều em đã có kĩ năng khai thác

thông tin kiến thức bài viết để hoàn thành các nhiệm vụ nhận thức, biết trình bày nội dung lịch sử.

- Đối với bài 23 "*Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu TK XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)*" :

Ở lớp ĐC, GV trình bày các nội dung mục 1 - Phan Bội Châu và xu hướng bạo động, mục 2 - Phan Châu Trình và xu hướng cải cách, bằng việc GV dẫn dắt, đặt câu hỏi, yêu cầu HS đọc SGK trả lời, GV nhận xét và bổ sung. Nghĩa là SGK chủ yếu được sử dụng để HS theo dõi bài học, phát hiện tìm ý cho câu trả lời mà GV đặt ra. Khi có kênh hình liên quan đến kiến thức (chân dung hai nhân vật Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh), GV cho HS quan sát và thông báo thông tin tiểu sử nhân vật.

Ở lớp TN, SGK được GV và HS sử dụng ở nhiều nội dung, theo các biện pháp sử dụng theo hướng phát triển năng lực người học. Trong bài học, GV hướng dẫn HS sử dụng ảnh chân dung nhân vật, hướng dẫn trình bày tiểu sử nhân vật Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Thông qua việc sử dụng nội dung SGK và tài liệu chuẩn bị ở nhà kết hợp với hình 72, HS thuyết trình giới thiệu về nhân vật. GV hướng dẫn HS khai thác kiến thức và làm rõ hơn về chân dung và tiểu sử nhân vật. Từ đó hướng dẫn HS vận dụng kiến thức tiểu sử nhân vật, cho biết định hướng phương pháp cứu nước gì (bạo động, cải cách).

Phan Bội Châu (1867 – 1940)

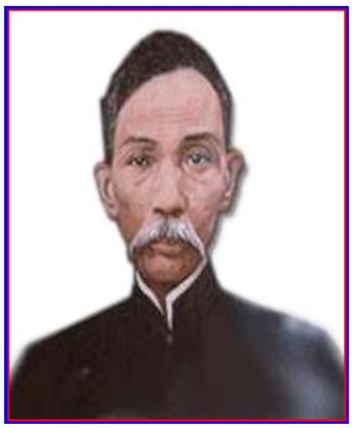

Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

Hình 4.2 Kênh hình minh hoạ TN toàn phần bài 23

Khi dạy về xu thế cứu nước, GV hướng dẫn HS trong hoạt động điều tra lịch sử chủ đề *"Có phải xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu là xu hướng bạo động?"* và lập dàn ý chứng minh chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh bằng phương pháp cải cách. HS sử dụng SGK đọc tìm ý, giải quyết các nhiệm vụ học tập.

4.4.4. Kết thúc bài học

Ở lớp ĐC, GV tổ chức củng cố bài học bằng cách thông báo khái quát những nội dung cơ bản của bài hoặc nêu câu hỏi yêu cầu HS trả lời phần kiến thức trọng tâm đã học. Ở lớp TN, GV củng cố bài học bằng việc hoàn thành phiếu tóm tắt bài học. Khi giao bài tập về nhà, ở lớp ĐC, GV chỉ thông báo HS nội dung bài tập. Trong khi đó, ở lớp TN khi giao bài tập về nhà, GV đồng thời nhanh chóng đưa ra những chỉ dẫn giúp HS nắm vững kĩ năng làm bài tập. Từng loại câu hỏi, GV đều định hướng thông tin, cách giải quyết. Ví như, khi kết thúc bài học bài17 (tiết 1) GV giao hai bài tập về nhà: Bài tập 1. Sưu tầm các hình ảnh để lập bộ sưu tập về tội ác chiến tranh của phát xít Đức, Nhật; bài tập 2. Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay. GV yêu cầu HS tuân thủ các bước: Bước 1. Đọc và phân tích bài tập (gạch chân những từ quan trọng) để xác định nhiệm vụ cần phải giải quyết; bước 2. Tìm kiếm và vận dụng kiến thức SGK (tái hiện kiến thức có sẵn hoặc sử dụng các thao tác tư duy như phân tích, so sánh, tổng hợp) đã học để làm bài tập; bước 3. Diễn đạt nội dung câu trả lời và hoàn thành vào vở bài tập.

4.5. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

4.5.1. Tổng hợp và đánh giá kết quả thực nghiệm

Chúng tôi đã tiến hành khâu kiểm tra, đánh giá HS đối với các lớp TN và ĐC nhằm đánh giá kết quả TN sư phạm toàn phần về mặt định lượng. HS làm bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi kiểm tra nhằm xem xét mức độ đạt được của mục tiêu bài học (xem phụ lục 4. Phụ lục chương 4). Điểm đánh giá được phân loại như sau: Giỏi (9-10 điểm), Khá (7-8 điểm), Trung bình (5-6 điểm), Yếu (dưới 5). Tuy địa bàn thực nghiệm sư phạm khác nhau, nhưng nội dung kiểm tra không thay đổi giữa các lớp TN cũng như lớp ĐC.

Điểm kiểm tra của HS được tổng hợp và xử lí theo công thức toán học thống kê. Dựa vào kết quả tổng hợp điểm kiểm tra, chúng tôi tính tham số trung bình cộng ($\bar{x}$) là đặc trưng cho sự tập trung số liệu; độ lệch chuẩn (S_D), tham số đo chụm của các số liệu quanh giá trị trung bình cộng; giá trị kiểm định (t) giữa lớp TN và lớp ĐC.

Ở bài TN thứ 1, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 4.2. Thống kê điểm số kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần (Tiết 1, Bài 17)

Nhóm	Lớp/ Số HS	Điểm									$\bar{x}$	S_D	(t_{qs}) (TN-ĐC)
		2	3	4	5	6	7	8	9	10			
I	ĐC: 11A11 n = 47	00	02	06	09	14	11	05	00	00	5.87	1.33	4.16
	TN: 11A10 n = 47	00	00	02	04	09	15	11	06	00	7.00	1.30	
II	ĐC:11D n = 45	00	02	03	11	15	12	02	00	00	5.84	1.17	3.83
	TN: 11C n = 45	00	00	01	03	16	14	07	04	00	6.78	1.15	
III	ĐC:11 Địa n = 44	00	03	04	08	11	09	06	03	00	6.11	1.60	3.61
	TN: 11 Pháp n = 44	00	00	01	03	09	10	14	07	00	7.23	1.27	
IV	ĐC:11A4 n = 48	00	01	05	07	13	13	08	01	00	6.25	1.36	2.73
	TN: 11A3 n = 47	00	00	02	05	09	12	13	05	01	7.02	1.39	
V	ĐC:11A4	00	03	04	08	11	13	06	01	00	6.07	1.47	3.26

	n = 46												
	TN:11A7 n = 47	00	00	02	05	08	13	14	04	01	7.02	1.36	

Nhóm I: Trường THPT Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội do GV Lê Thị Mười thực hiện

Nhóm II: Trường THPT Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, do GV Lê Hoàng Tuấn thực hiện.

Nhóm III: Trường THPT Chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương, do GV Trần Lan Phương thực hiện

Nhóm IV: Trường THPT Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, do GV Bùi Lê Ban thực hiện.

Nhóm V: Trường THPT Phan Bội Châu, tỉnh Bình Thuận do GV Đào Văn Khái thực hiện

Nhìn vào bảng trên, có thể thấy điểm kiểm tra, điểm trung bình của các lớp thực nghiệm luôn cao hơn lớp đối chứng. Điểm trung bình của lớp thực nghiệm cao nhất là 7.23 (nhóm III), thấp nhất là 6.78 (nhóm II). Trong khi điểm của lớp đối chứng cao nhất là 6.25 (nhóm IV), thấp nhất là 5.87 (nhóm I). Độ lệch chuẩn (SD) của các lớp TN và ĐC là không đáng kể. Điều đó thể hiện độ chụm của các số liệu quanh giá trị trung bình cộng là đảm bảo.

Ở bài TN thứ 2, chúng tôi thu được kết quả:

Bảng 4.3. Thống kê điểm số kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần Bài 23

Nhóm	**Lớp/ Số HS**	**Điểm**									$\bar{x}$	S_D	**(t_{qs}) (TN-ĐC)**
		2	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**			
I	ĐC:11 Địa n = 46	00	02	05	07	9	10	11	02	00	6.33	1.58	2.23
	TN: 11Văn n = 46	00	00	03	05	07	11	14	04	02	7.04	1.50	
	ĐC:11A12	01	03	05	06	11	12	06	01	00	5.96	1.61	

II	n = 45												3.23
	TN:11A11 n = 46	00	01	03	04	05	13	14	05	01	7.02	1.54	
III	ĐC: 11A6 n = 47	00	02	06	08	09	10	09	03	00	6.23	1.62	2.98
	TN: 11A5 n = 46	00	00	02	04	08	09	15	06	01	7.18	1.42	
IV	ĐC:11C n = 45	00	02	06	07	09	10	08	03	00	6.22	1.62	3.07
	TN: 11D n = 45	00	00	02	04	08	09	13	08	01	7.22	1.46	
V	ĐC:11A6 n = 47	00	02	05	08	09	13	06	04	00	6.28	1.58	2.24
	TN: 11A4 n = 47	00	00	04	03	07	14	11	04	02	7.00	1.51	

Nhóm I: Trường THPT Chuyên Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa do GV Nguyễn Thị Ái thực hiện

Nhóm II: Trường THPT Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội do GV Lê Thị Mười thực hiện

Nhóm III: Trường THPT Phan Bội Châu, tỉnh Bình Thuận do GV Đào Văn Khái thực hiện

Nhóm IV: Trường THPT Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, do GV Lê Hoàng Tuấn thực hiện.

Nhóm V: Trường THPT Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, do GV Bùi Lê Ban thực hiện.

Nhìn vào bảng thống kê có thể thấy kết quả lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng. Trong đó điểm cao nhất là 7.22 (nhóm IV), thấp nhất là 7.00 (nhóm V). Lớp đối chứng cao nhất là 6.33 (nhóm I), thấp nhất là 5.96 (nhóm II).

Từ kết quả của từng nhóm, chúng tôi tiếp tục tính kết quả tổng hợp của cả lớp TN và ĐC để rút ra kết luận về hiệu quả của các biện pháp sư phạm. Kết quả trung bình cộng cho thấy trung bình cộng của lớp TN luôn cao hơn lớp ĐC.

Bảng 4.4. Bảng tổng hợp kết quả thực nghiệm toàn phần Tiết 1, Bài 17

Lớp	Điểm										$\bar{x}$	SD
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
ĐC	0	0	11	22	43	64	58	27	5	0	6.03	1.39
f (%)	0.0	0.0	4.8	9.6	18.7	27.8	25.2	11.7	2.2	0.0		
TN	0	0	0	8	20	51	64	59	26	2	7.01	1.29
f (%)	0.0	0.0	0.0	3.5	8.7	22.2	27.8	25.7	11.3	0.9		

Ở bảng 4.3, điểm trung bình của lớp TN là 7,01 trong khi lớp ĐC là 6,03. Điểm chênh lệch giữa lớp TN và lớp ĐC là 0,98 điểm; độ lệch chuẩn là không đáng kể.

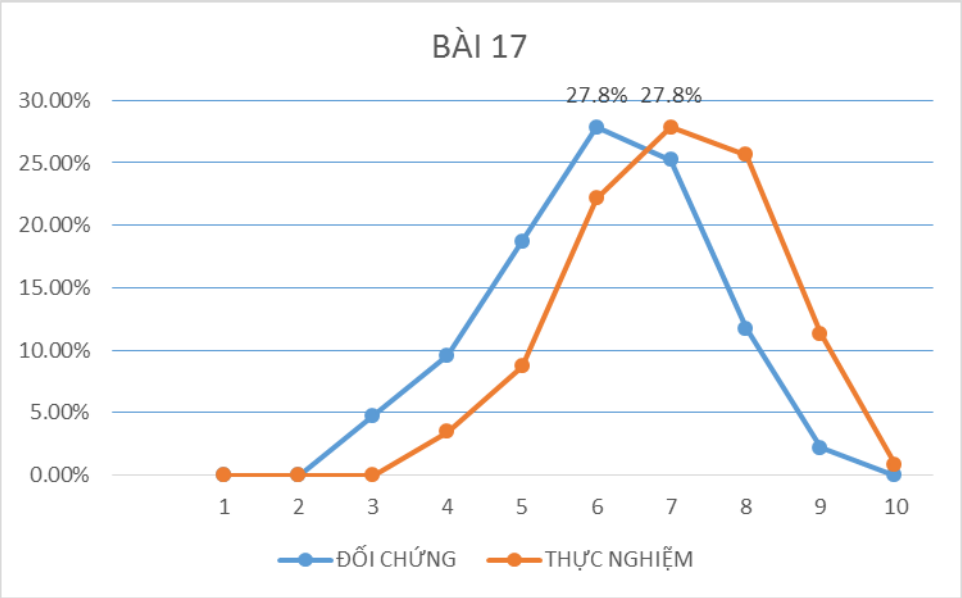

Đồ thị 4.1. Đồ thị tần số điểm tại giá trị điểm số của lớp TN và lớp ĐC (Bài 17)

Qua đồ thị có thể thấy đường biểu diễn của nhóm đối chứng màu xanh, đạt đỉnh ở điểm 6 (đạt 27.8%). Đường biểu diễn lớp TN màu đỏ, đạt đỉnh tại điểm 7 (27.8%).

Bảng 4.5. Bảng tổng hợp kết quả thực nghiệm toàn phần Bài 23

Lớp	Điểm										$\bar{x}$	SD
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
ĐC	0	1	11	27	36	47	55	40	13	0	6.20	1.59
f (%)	0.0	0.4	4.8	11.7	15.7	20.4	23.9	17.4	5.7	0.0		
TN	0	0	1	14	20	35	56	67	27	7	7.09	1.48
f (%)	0.0	0.0	0.4	6.2	8.8	15.4	24.7	29.5	11.9	3.1		

Ở bảng 4.4, điểm trung bình của lớp TN là 7,09 trong khi lớp ĐC là 6,20. Điểm chênh lệch giữa lớp TN và lớp ĐC là 0,89 điểm; độ lệch chuẩn là không đáng kể.

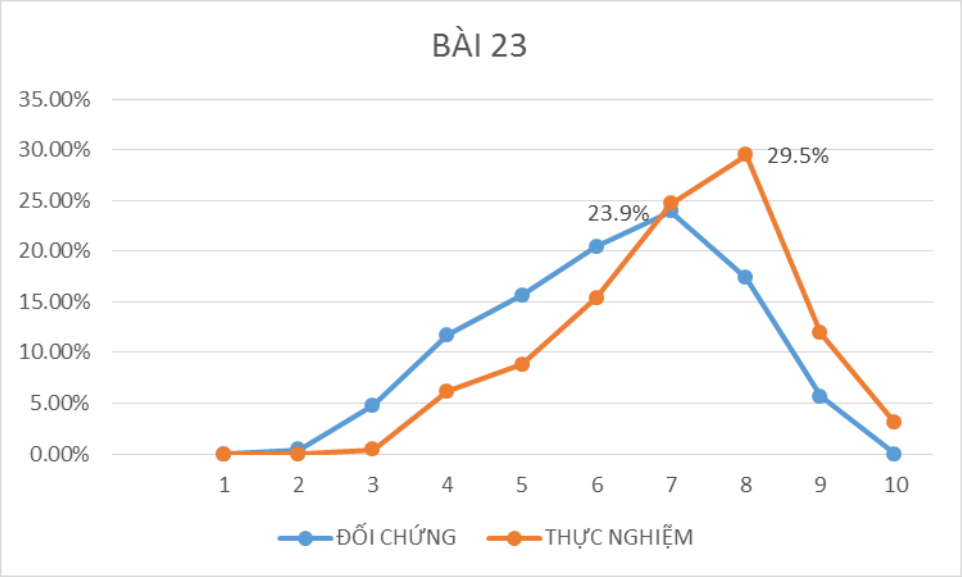

Đồ thị 4.2. Đồ thị tần số điểm tại giá trị điểm số của lớp TN và lớp ĐC (Bài 23)

Đường biểu diễn của lớp ĐC đạt đỉnh ở điểm 6 (23.9%), trong khi ở lớp TN, đường biểu diễn đạt đỉnh ở điểm 8 (29.5%). Tính chung qua hai biểu đồ có thể thấy đường biểu diễn tỉ lệ điểm lớp TN cao hơn lớp đối chứng. Như vậy, những biện pháp chúng tôi đề xuất là phù hợp, có thể thực hiện tại các trường THPT.

Để kiểm chứng một cách khoa học về giá trị của các biện pháp sư phạm đã được TN đối với từng nhóm trường, chúng tôi dựa vào tham số trung bình cộng và phương sai đã tính để tìm ra giá trị (***t***) làm cơ sở so sánh với giá trị (t_α) để rút ra kết luận về ý nghĩa của các biện pháp sư phạm. Chúng tôi tra bảng phân phối Student

với α = 0,05 tương ứng với các giá trị k . Nếu t > t_α thì chấp nhận giả thiết $\bar{x}_{TN}$ > $\bar{x}_{DC}$, nếu t ≤ t_α thì chưa đủ cơ sở khẳng định $\bar{x}_{TN}$ > $\bar{x}_{DC}$. Kết quả thể hiện như sau:

Bảng 4.6. Bảng giá trị t và t_α nhóm TN và ĐC tiết 1, Bài 17

Nhóm / Giá trị	I	II	III	IV	V
t	4.16	3.83	3.61	2.73	3.26
t_α	1.658	1.658	1.658	1.658	1.658
	1.671	1.671	1.671	1.671	1.671
k	92.00	88.00	82.00	93.00	90.00

Bảng 4.7. Bảng giá trị t và t_α nhóm TN và ĐC bài 23

Nhóm / Giá trị	I	II	III	IV	V
t	2.23	3.23	2.98	3.07	2.24
t_α	1.658	1.658	1.658	1.658	1.658
	1.671	1.671	1.671	1.671	1.671
k	90.00	89.00	89.00	87.00	90.00

Nhìn vào bảng để so sánh giữa t và t_α trong các nhóm TN có thể thấy t luôn lớn hơn t_α. Chúng tôi kết luận các biện pháp TN sư phạm là khả thi và có ý nghĩa. Điều này chứng minh giả thuyết mà chúng tôi đưa ra trong Luận án là có giá trị về lý luận và thực tiễn.

4.5.2. Tổng hợp ý kiến đánh giá của GV và HS

Sau khi tổ chức dạy mỗi tiết TN, tác giả Luận án đã trao đổi, thảo luận và nhận được nhiều ý kiến đánh giá, đóng góp của GV và HS xung quanh vấn đề sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL HS.

Trong quá trình ban đầu của TN, chúng tôi nhận thấy việc vận dụng các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS còn là trở ngại đối với GV. Nhiều GV theo thói quen, tiếp cận theo lối truyền thống nên khá lúng túng trong việc áp

dụng các biện pháp mới khi sử dụng SGK, nhất là vấn đề hướng dẫn HS sử dụng SGK một cách hiệu quả. Khi được hướng dẫn và trao đổi cụ thể từng nhiệm vụ, kế hoạch, GV đã nhận thức được những vấn đề mới, chuyển đổi mô hình dạy học, thúc đẩy hoạt động học tập khám phá, giải quyết vấn đề cho HS.

Về phía HS, khi mới tiếp cận cách sử dụng SGK theo hướng mới đều cảm thấy lo lắng, lúng túng, chưa biết khi nào sử dụng SGK, chưa biết cách tự học với SGK như thế nào…Tuy nhiên, sau khi được giải thích về vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng SGK; đồng thời xác định được nhiệm vụ của mình, HS đã hứng thú và chủ động hơn trong giờ học. Trong quá trình TN toàn phần, chúng tôi nhận thấy, nhiều HS rất tích cực trong giờ học, các em tỏ ra thích thú khi được tham gia trao đổi, thảo luận, tỏ ra hào hứng khi sử dụng các kỹ thuật sử dụng SGK mới như kỹ thuật KLH, kỹ thuật SQ3R... Các em cho rằng giờ học LS sôi nổi, hấp dẫn và LS không còn quá khô khan nữa. Sau khi tiến hành TN, chúng tôi có trao đổi với HS và nhận được một số phản hồi tích cực: Em Nguyễn Thị Duyên (lớp 11A14 trường THPT Phan Bội Châu tỉnh Bình Thuận cho rằng "*Khi được tiếp cận với các kỹ thuật sử dụng SGK mới, em rất hào hứng với việc sử dụng SGK, chú ý hơn khai thác thông tin vốn có của SGK để giải quyết các câu hỏi, bài tập. SGK trở thành công cụ kết nối quá khứ và thực tiễn"*. Em Nguyễn Ngọc Khánh lớp 11C trường THPT Ba Đình tỉnh Thanh Hoá có ý kiến: *"Bài học mà không có SGK thì rất mờ mịt, nhưng nếu có SGK mà không biết sử dụng thì cũng không đem lại hiệu quả gì. Chúng em được trải nghiệm những kỹ thuật sử dụng mới rất phù hợp, bài học mà thầy cô hướng dẫn dễ hiểu, chúng em tích cực phát biểu hơn."*

Đây là một số ý kiến của HS chúng tôi thu được sau khi tiến hành TN, mặc dù chưa nhiều song những ý kiến của HS cho thấy các em hào hứng hơn với việc sử dụng SGK.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

TN sư phạm toàn phần đã được chuẩn bị chu đáo và tổ chức thực hiện bảo đảm các yêu cầu khoa học, nhận được tinh thần hợp tác tích cực của GV và HS. Qua phân tích kết quả TN sư phạm toàn phần có thể rút ra một số nhận định sau:

- *Về hiệu quả giảng dạy của GV và hiệu quả học tập của HS:* Khi tiến hành TN sư phạm toàn phần, GV và HS ở lớp TN được áp dụng các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL. Qua việc tiến hành kiểm tra, chúng tôi thu được kết quả của lớp TN cao hơn kết quả học tập của lớp ĐC. Đó là cơ sở khoa học làm tiền đề chuyên môn để có thể tin tưởng vào tính tích cực của các biện pháp sư phạm do Luận án xây dựng theo hướng phát triển NL HS trong DHLS.

- *Về tinh thần, thái độ học tập:* Theo đánh giá của các GV tham gia TN, hầu hết HS đều chủ động, tích cực, tự lực và sáng tạo trong các hoạt động học tập có sử dụng SGK, dưới sự định hướng, gợi mở, thẩm định của GV; biết phối hợp học tập theo nhóm; biết tìm kiếm các nguồn thông tin bổ trợ bên ngoài SGK.

Từ những kết quả trên cho thấy, biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL cho HS mà Luận án đã trình bày đã đạt được hiệu quả. Qua cách sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS thì SGK đã không còn là một loại văn bản chứa đựng thông tin lịch sử chuẩn mực mà SGK thực sự còn là chìa khóa sư phạm cho GV và HS tìm kiếm nguồn tri thức lịch sử. Điều này có thể khẳng định giả thuyết khoa học của Luận án đặt ra là hoàn toàn đúng đắn, khả thi và hiệu quả.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Vấn đề đổi mới chương trình, SGK ở trường phổ thông nói chung và chương trình, SGK bộ môn Lịch sử nói riêng đang đặt ra yêu cầu bức thiết nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển NL và phẩm chất người học. Trong bối cảnh đó, chúng tôi đi sâu nghiên cứu những biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS, nhằm góp phần vào việc tìm kiếm hướng đổi mới cách thức sử dụng SGK Lịch sử cho GV và HS THPT. Sau thời gian triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

1.1. Nhận thức đổi mới về SGK và sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS là một vấn đề mới, phức tạp. Đó là vấn đề liên quan đến sự kết nối tổng hòa giữa GV với HS, giữa SGK với các nguồn tài liệu, tư liệu khác, giữa việc sử dụng SGK trên lớp với sử dụng SGK sau giờ lên lớp. Trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước, đề tài đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ những vấn đề lí luận về khái niệm SGK, sử dụng SGK, NL và vai trò của việc sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

1.2. Luận án đã tiến hành khảo sát, điều tra một cách công phu, nghiêm túc trên đối tượng GV bộ môn Lịch sử và HS ở trường THPT về việc thực tiễn DHLS, thực tiễn việc sử dụng SGK hiện hành. Kết quả điều tra của luận án cho thấy GV đã nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng SGK nói riêng và dạy học theo hướng phát triển NL nói chung. Tuy nhiên, hầu hết GV lúng túng trong việc sử dụng SGK trong quá trình dạy học và hướng dẫn HS sử dụng SGK nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển NL. Nhiều GV chưa chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK cho HS. Chúng tôi cũng chỉ ra một số thuận lợi và khó khăn của việc sử dụng SGK Lịch sử hiện hành nhằm phát triển NL HS.

1.3. Để có cơ sở đúng cho việc đổi mới nhận thức của GV và HS trong việc sử dụng SGK trong quá trình dạy học môn Lịch sử ở trường THPT, tác giả luận án trình bày khái quát một số yêu cầu khi xác định các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS. Luận án đã xác định cụ thể các yêu cầu sau: Quán triệt quan điểm của Đảng về dạy học theo hướng phát triển NL HS; khai thác tổng hợp và hiệu quả các thành tố trong nội dung SGK; chú ý phát triển một số kỹ năng cơ bản theo đặc trưng môn học để huy tính tích cực, chủ động học tập của HS; các biện pháp sử dụng SGK phải linh hoạt, phù hợp với khả năng nhận thức của HS.

1.4. Nhằm trang bị cho GV về phương pháp dạy học với việc sử dụng SGK Lịch sử theo hướng phát triển NL HS, tác giả luận án đề ra một số biện pháp chủ yếu về sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS. Có ba nhóm biện pháp chính: (1) Nhóm các biện pháp sử dụng SGK để chuẩn bị bài học; (2) Nhóm các biện pháp sử dụng SGK để giải quyết các nhiệm vụ học tập trên lớp; (3) Nhóm các biện pháp sử dụng SGK để ôn tập, củng cố, mở rộng kiến thức sau giờ học trên lớp. Trong đó, nổi bật có những biện pháp như: Sử dụng SGK để xác định kiến thức cơ bản của bài dựa theo sơ đồ xác định mối quan hệ kiến thức dạy - học với bài viết SGK, vận dụng phương pháp đọc KWL, kỹ thuật đọc tích cực SQ3R…

Về chủ thể sử dụng SGK chúng tôi lựa chọn hướng tiếp cận: GV là người trước tiên phải thẩm thấu cơ chế sư phạm trong SGK, biết sử dụng SGK vào việc xây dựng các phương án tối ưu để thiết kế các hoạt động cho HS, khơi gợi hứng thú, định hướng nhận thức, đòi hỏi HS sử dụng SGK một cách tích cực; trên cơ sở đó, HS trực tiếp tìm tòi, phát hiện kiến thức, hình thành kĩ năng bộ môn trong quá trình sử dụng SGK.

1.5. Các biện pháp sử dụng SGK theo hướng phát triển NL được thiết kế, tổ chức thực nghiệm một cách khoa học và phù hợp với tinh thần đổi mới phương pháp dạy học bộ môn. Kết quả TN đã khẳng định giả thuyết khoa học mà đề tài luận án đặt ra là đúng đắn, có hiệu quả, khả thi. Có thể kết luận rằng: Đổi mới việc sử dụng SGK có ý nghĩa to lớn nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển NL người học. Vận dụng các biện pháp sử dụng SGK mà luận án đã đề ra là hướng đi cần thiết và có thể triển khai đại trà một cách sáng tạo ở các trường THPT. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những kết quả nghiên cứu ban đầu, được tiến hành trong một môi trường sư phạm có lựa chọn với các điều kiện thuận lợi, còn trong thực tế chắc chắn còn nhiều khó khăn, thách thức nên cần tiếp tục nghiên cứu.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở nghiên cứu đề tài, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trong chỉ đạo xây dựng chương trình và biên soạn SGK môn Lịch sử dùng cho các trường THPT cần quan tâm tới vấn đề thể hiện hài hòa kiến thức lịch sử với cơ chế sư phạm có tính định hướng cách sử dụng SGK nhằm phát triển NL HS. Việc biên soạn SGK cần chú trọng đến cấu trúc SGK, đảm bảo tính mới mẻ, sáng

tạo, hiện đại, để SGK Lịch sử vừa là tài liệu cung cấp nội dung, ý tưởng dạy học vừa là nơi khởi đầu sự tìm tòi kiến thức đối với HS.

Trên cơ sở Chương trình chuẩn quốc gia Bộ GD&ĐT cần cho phép biên soạn nhiều bộ SGK Lịch sử để GV có thể quyết định lựa chọn bộ SGK nào để phù hợp với đối tượng HS. Các bộ SGK có thể lựa chọn những nội dung cụ thể khác nhau nhưng vẫn đáp ứng được mục tiêu đề ra của chương trình.

Trong công tác bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ GV bộ môn Lịch sử và cán bộ quản lý chuyên môn với môn học Lịch sử ở trường THPT cần có những tài liệu chuyên đề chuyên sâu về sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

2.2. Đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ điều kiện cụ thể ở từng địa phương để chủ động tổ chức các hoạt động chuyên môn thường xuyên về đổi mới phương pháp dạy học môn Lịch sử. Trong đó, cần tăng cường phát huy trí tuệ và tinh thần đổi mới của đội ngũ GV bộ môn Lịch sử, hướng vào thảo luận về cách thức sử dụng SGK theo từng dạng bài, phù hợp từng đối tượng GV và HS trên địa bàn và trong từng nhà trường. Việc đánh giá chuyên môn của GV định kỳ, kể cả thi giảng cũng cần có tiêu chí đổi mới sử dụng SGK theo hướng phát triển NL HS.

2.3. Đối với các trường sư phạm

Nhằm chuẩn bị thực hiện chương trình và SGK phổ thông mới, các trường sư phạm cần chủ động đổi mới, phát triển chương trình đào tạo, trong đó nên chú trọng đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ GV môn Lịch sử biết sử dụng SGK một cách hiệu quả, theo hướng phát triển NL HS. Trong quá trình đào tạo, các khoa, bộ môn cần tăng cường tổ chức thực hành, rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK cho sinh viên, từ đó góp phần phát triển năng lực sinh viên, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông hiện nay.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. **Bùi Thị Oanh (2012)**, *Một số ý kiến về chương trình, sách giáo khoa môn Lịch sử ở trung học phổ thông*, Tạp chí Giáo dục Số 285 Kì 1 - Tháng 5/2012. Tr 36-37, 41.
2. **Trịnh Đình Tùng, Bùi Thị Oanh (2013)**, *Một số ý kiến về sách giáo khoa môn Lịch sử hiện nay và sau năm 2015*, Tạp chí Giáo dục Số - 312 Kì 2 - Tháng 6/2013. Tr 5-6-7.
3. **Bùi Thị Oanh (2016)**, *Một số nhân tố tác động tới việc phát triển năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông khi sử dụng sách giáo khoa Lịch sử*, Tạp chí Giáo dục Số 383 Kì 1 - Tháng 6/2016. Tr 7-8-9, 12.
4. **Nguyễn Văn Ninh, Bùi Thị Oanh (2016)**, *Sử dụng tư liệu gốc để biên soạn sách giáo khoa Lịch sử phổ thông trong cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo hiện nay,* Tạp chí Giáo dục Số Đặc biệt Kì 3 - Tháng 6/2016. Tr 2-3-4-5-6, 9.
5. **Bùi Thị Oanh (2017)**, *Một số yêu cầu khi xác định các biện pháp sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh,* Tạp chí Giáo dục Số - 398 Kì 2 - Tháng 01/2017. Tr 45-46-47.
6. **Bùi Thị Oanh (2017)**, *Sử dụng sách giáo khoa chuẩn bị bài học để phát triển năng lực cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông,* Tạp chí Giáo dục Số - 405 Kì 1 - Tháng 5/2017. Tr 39-40-41-42, 38.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Alêcxêep M. (1976), *Phát triển tư duy HS*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Vũ Thị Ngọc Anh (2012), *So sánh quốc tế chương trình giáo dục phổ thông môn lịch sử và một số đề xuất, kiến nghị*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Văn Ánh, Trần Thái Hà, Trịnh Đình Tùng (2007), *Tư liệu lịch sử 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Đinh Ngọc Ân (1964), *Bàn về cách đọc sách và tự học*, NXB VHNT.
5. Đinh Ngọc Bảo (Chủ biên) (2002), *Bài tập lịch sử 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Đinh Ngọc Bảo, Trịnh Đình Tùng (2002), *Các câu hỏi và bài tập lịch sử lớp 10*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Bích 2009), *Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học lịch sử ở trường THCS*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, trường ĐHSP Hà Nội.
8. Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Thị Côi, Trần Bá Đệ, Đặng Thanh Toán, Trịnh Đình Tùng, Trần Thị Vinh (2005), *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên của GV THPT chu kì III (2004- 2007) môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Đỗ Thanh Bình (2012), *Mấy ý kiến về chương trình, SGK Lịch sử phổ thông hiện hành và những đề xuất đổi mới chương trình, SGK Lịch sử phổ thông sau năm 2015,* Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.
10. Nguyễn Thị Thế Bình (2009), *Hình thành khái niệm cách mạng tư sản theo hướng phát huy tích cực của HS trong dạy học Lịch sử thế giới cận đại ở trường THPT*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, trường ĐHSP Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Thế Bình (2014), *Phát triển kĩ năng tự học lịch sử cho HS*, NXB ĐHSP.
12. Bộ GD&ĐT (1999), *Tài liệu hội nghị đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập môn Lịch sử ở trường THPT và trường THCS*, tập 1, Hà Nội.

13. Bộ GD&ĐT (2007), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Bộ GD&ĐT (2007), *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện chương trình SGK lớp 11 môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Bộ GD&ĐT (2008), *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện chương trình SGK lớp 12 môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Bộ GD&ĐT (2009), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Lịch sử, lớp 11*, NXB Giáo dục Việt Nam.
17. Bộ GD&ĐT (2014), *Tài liệu tập huấn Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển NL HS môn Lịch sử cấp THPT*.
18. Bộ GD&ĐT (2015), *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.*
19. Bộ GD&ĐT (2016), *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể.*
20. Tony Buzan (2014), *Sách dạy đọc nhanh*, NXB Tp. Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Hải Châu, Nguyễn Xuân Trường (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Lịch sử 10*, NXB Hà Nội.
22. Nguyễn Hữu Châu (2005*), Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
23. Nguyễn Hữu Chí (2002), "*Các cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học*", Tạp chí Giáo dục, số 46 (Chuyên đề quý IV).
24. Nguyễn Hữu Chí (2004), *SGK góp phần đổi mới phương pháp dạy học*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về SGK trong xã hội hiện đại do trường ĐHSP, Viện nghiên cứu SGK quốc tế Georg Eckert và Nhà xuất bản giáo dục tổ chức
25. Vũ Quốc Chung, Nguyễn Văn Khải, C.J Trexler, J. Cameron, J.T. Denny, Nguyễn Bá Kim, N. Kato, P. Thursby, S. McGough, R.Sugiyama, T.S. Buenaventura (2012), *Tài liệu hướng dẫn tăng cường NL sư phạm cho giảng viên các trường đào tạo GV trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp*, NXB Giáo dục Việt Nam.

26. Nguyễn Thị Côi (1992), *"Hoạt động tư duy độc lập của HS trong học tập lịch sử và hiệu quả bài học lịch sử",* Thông báo khoa học trường ĐHSP Hà Nội, số 2.
27. Nguyễn Thị Côi (1993), "*Về SGK Lịch sử ở phổ thông trung học"*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3
28. Nguyễn Thị Côi (Chủ biên) (1996), *Bài học lịch sử ở trường PTTH*, Đại học Huế.
29. Nguyễn Thị Côi (2006), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường Phổ thông,* NXB ĐHSP, Hà Nội.
30. Nguyễn Thị Côi (2007), *"Làm thế nào để HS nắm vững kiến thức trng dạy học Lịch sử ở trường phổ thông",* Tạp chí Giáo dục, số 172, kì 2, tr.29-31.
31. Nguyễn Văn Cường (2006), "Đổi mới phương pháp dạy học trung học phổ thông", *Dự án Giáo dục Trung học phổ thông*, Bộ GD&ĐT.
32. Nguyễn Anh Dũng (2012), *Đề xuất phương án đổi mới chương trình SGK Lịch sử ở trường phổ thông*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam .
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng TW Đảng, Hà Nội.
35. N.G Đai-ri (1973), *Chuẩn bị giờ học lịch sử như thế nào?* NXB Giáo dục, Hà Nội.
36. Hồ Ngọc Đại (2010), *Bài học gì*, NXB Giáo dục Việt Nam.
37. Đanilốp M.A, Xcatkin M.N (1980), *Lý luận dạy học ở trường phổ thông,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
38. Êrôphêép N.A (1981), *Lịch sử là gì?,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
39. Thu Giang, Kim Bảng (1976*), Muốn học giỏi*, NXB Khai Trí, Sài Gòn
40. Guy Palmade (2002), *Các phương pháp sư phạm*, NXB Thế giới, Hà Nội.
41. Christian Grüning (2015), *Đọc sách siêu tốc*, NXB Lao động, Hà Nội.
42. Phạm Văn Hà (2008), *Thực trạng việc dạy và học LS trong trường phổ thông - Nguyên nhân và giải pháp*, Kỷ yếu hội thảo khoa học (ngày 27/3/2008), Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

43. Phạm Minh Hạc (1995), *Tâm lí học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
44. Vũ Quang Hiển (2012), *Đổi mới chương trình và SGK môn Lịch sử trung học phổ thông - mấy vấn đề bàn luận*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.
45. Trần Bá Hoành (2002*), Những đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực*, Tạp chí Giáo dục, số 32, tr.26-28.
46. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và SGK*, NXB ĐHSP Hà Nội.
47. Hội Giáo dục Lịch sử Việt Nam (1996), *Đổi mới việc dạy học Lịch sử lấy "HS làm trung tâm",* NXB ĐHQG, Hà Nội.
48. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Thực trạng việc dạy và học Lịch sử trong trường phổ thông - Nguyên nhân và giải pháp*", Kỉ yếu hội thảo khoa học.
49. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại- lý luận, biện pháp và kỹ thuật*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
50. Kiều Thế Hưng (1999), *Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông trung học*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
51. Nguyễn Mạnh Hưởng (2016), *Hướng dẫn học sinh khai thác hiệu quả các loại tranh ảnh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử trong bối cảnh hiện nay, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
52. I.F. Kharlamốp (1978), *Phát huy tích cực học tập của HS như thế nào, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
53. I.F. Kharlamốp (1979), *Phát huy tích cực học tập của HS như thế nào, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
54. Đinh Ngọc Khuyên (2012), *Đôi nét về chương trình bộ môn lịch sử ở Hàn Quốc*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam
55. Nguyễn Kì (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

56. Ngô Thị Lan (2004), Vai trò và chức năng của SGK hiện đại, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về SGK trong xã hội hiện đại do trường ĐHSP, Viện nghiên cứu SGK quốc tế Georg Eckert và NXB Giáo dục.
57. Lâybengrup P.X (1982), *Những yêu cầu đối với một bài học lịch sử về mặt lí luận dạy học*, bản dịch tiếng Việt, trường ĐHSP Hà Nội.
58. Lecne I.Ia (1977*), Dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
59. Lecne I.Ia (1981), *Phát triển tư duy của HS trong dạy học lịch sử, Bản dịch tiếng Việt*, trường ĐHSP Hà Nội.
60. Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng (1998*), Phát huy tính tích cực của HS trong dạy học lịch sử ở trường THCS*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
61. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (1999), *Phương pháp luận sử học*, NXB ĐHQG Hà Nội.
62. Phan Ngọc Liên (2000), Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông, NXB ĐHQG, Hà Nội.
63. Phan Ngọc Liên (2003), *Lịch sử và giáo dục lịch sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Phan Ngọc Liên (2004), *Một vài kinh nghiệm về đổi mới biên soạn SGK Lịch sử*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế SGK trong xã hội hiện đại
65. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (2007), *Kiến thức lịch sử 11 (Chương trình chuẩn và nâng cao)*, NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.
66. Phan Ngọc Liên (Tổng chủ biên) (2007), *Lịch sử 11*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
67. Phan Ngọc Liên (Tổng chủ biên) (2007), *Lịch sử 11, Sách GV*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
68. Phan Ngọc Liên (Tổng chủ biên) (2007), *Lịch sử 11 nâng cao*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
69. Phan Ngọc Liên (Tổng chủ biên) (2007), *Lịch sử 11 nâng cao, Sách GV*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

70. Phan Ngọc Liên, Đoàn Văn Hưng (2007), *"Sử dụng CNTT góp phần đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông",* Tạp chí Giáo dục, số 159, Quý I, tr.23-25.
71. Phan Ngọc Liên (2008), *"Kinh nghiệm nước ngoài đối với việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở Việt Nam",* Kỷ yếu hội thảo Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng dạy học lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông hiện nay, Khoa Lịch sử - trường ĐHSP Hà Nội.
72. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi (2009), *Phương pháp dạy học lịch sử,* tập 1, NXB ĐHSP, Hà Nội.
73. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi (2009), *Phương pháp dạy học lịch sử,* tập 2, NXB ĐHSP, Hà Nội.
74. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), (2010), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi, *Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1 và 2*, NXB ĐHSP,
75. Lương Thị Phương Liên (2013), *Mô hình bài viết SGK Lịch sử ở trường THCS nước cộng hóa nhân dân Trung Hoa và khả năng vận dụng vào Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục.
76. Phạm Văn Linh (Chủ biên), (2015), *Định hướng chiến lược, giải pháp đột phá nhằm dổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT Việt Nam,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
77. Phan Trọng Luận (2004*), Quan niệm mới về SGK*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về SGK trong xã hội hiện đại, Viện nghiên cứu SGK quốc tế Georg Eckert và NXB Giáo dục, Hà Nội.
78. *Luật giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung* (2010), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
79. Đoàn Thị Hải Lý, *Vận dụng PISA trong đánh giá NL đọc- hiểu văn bản Ngữ văn của HS Phổ thông trung học*, Giaoducthoidai.vn.
80. Lương Thị Mai (2003), *Hướng dẫn HS lớp 12 trung học phổ thông sử dụng SGK Lịch sử trong giờ lên lớp*, Luận văn Thạc sĩ khoa học giáo dục.

81. Đỗ Ngọc Miên (2014), *Phát triển một số yếu tố của tư duy sáng tạo cho HS tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục.
82. Nguyễn Quang Ngọc (2012), *Thiết kế chương trình và biên soạn SGK trong điều kiện chưa có công trình chuẩn quốc gia về lịch sử Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.
83. Lương Ninh, Nguyễn Thị Côi (1988), *Kinh nghiệm Đai-ri với việc dạy môn sử*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số tháng 8.
84. Trần Viết Lưu (2012), *Đề xuất ý tưởng đổi mới SGK Lịch sử ở tiểu học*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.
85. Hoàng Thị Nga (2012), *Về SGK Lịch sử trung học phổ thông hiện hành ở bang Nordrhenin- Westfalen- cộng hòa liên bang Đức*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.
86. Vũ Dương Ninh (2004), *Bàn về SGK Lịch sử*, Tạp chí Xưa và nay, số 223
87. Nguyễn Văn Ninh (2012), *Từ chương trình và SGK Lịch sử phổ thông của nước Cộng hòa Pháp đến khả năng vận dụng của Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.
88. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
89. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
90. Lương Ninh, Nguyễn Thị Côi (1998), "*Kinh nghiệm Đai-ri với việc dạy học môn lịch sử"*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 8.
91. Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền Linh, Vũ Xuân Lương, Phạm Thị Thủy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hòa (2011), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
92. Võ Thị Kim Phương (2014), *Bồi dưởng NL huy động kiến thức cho HS phổ thông qua dạy học chủ đề phương trình - hệ phương trình trong đại số 10 cơ bản*, Luận văn tốt nghiệp đại học, Đại học Đồng Tháp.
93. A.P. Primacốpxki (1978), *Phương pháp đọc sách: Tài liệu bồi dưỡng GV*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

94. Nguyễn Ngọc Quang (1985), *Lý luận dạy học đại cương,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

95. Rubakin N.A *(1982), Tự học như thế nào?,* NXB Thanh Niên.

96. Lê Thanh Oai (2011), *"Nghiên cứu việc rèn luyện kĩ năng đọc SGK cho HS trong quá trình chuẩn bị bài học môn Sinh học ở phổ thông"*, Tạp chí Giáo dục, số 261.

97. Robert J. Marzaro, Debrra J. Pickering, Jana S. Marzano (2011), *Quản lý lớp học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

98. Sác-đa-cốp M.N (1970), *Tư duy của HS*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

99. *Tài liệu tập huấn dành cho GV các trường THPT chuyên (2009), Dự án "Xây dựng quy trình phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho GV trường THPT chuyên tiếp cận chuẩn quốc tế"*, ĐH Giáo dục, ĐHQG Hà Nội.

100. Vu Hữu Tây (1988), *Phương pháp dạy học ở trường THPT*, NXB Cao đẳng Giáo dục Bắc Kinh (Người dịch: Ngô Văn Tuyển).

101. Lương Việt Thái và nhóm đề tài (2011), *Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển NL người học*, Báo cáo tóm tắt đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

102. Đào Tuấn Thành (2012), *Một số kiến nghị về việc biên soạn SGK Lịch sử dành cho các trường phổ thông ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.

103. Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hưởng, Bùi Xuân Anh, Lưu Thị Thu Hà (2016), *Dạy học tích hợp phát triển NL HS*, Quyển 2, NXB ĐHSP, Hà Nội.

104. Thomas H.Strong (2011), *Những phẩm chất của người GV hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

105. T.A.Ilina (1979), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

106. Nguyễn Cảnh Toàn (1996), *Quá trình dạy- tự học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

107. Nguyễn Cảnh Toàn (2004), *Bắt mạch kê đơn cho nền giáo dục hiện nay*, Tạp chí Dạy và học ngày nay.

108. Nguyễn Quý Toàn (2003), *Sử dụng SGK nhằm phát huy tính tích cực của HS trong dạy học lịch sử lớp 10 trường trung học phổ thông tỉnh Lào Cai*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP HN.

109. Trịnh Đình Tùng (Chủ biên) (2000), *Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THCS*, NXB ĐHSP.

110. Trịnh Đình Tùng (Chủ biên) (2006), *Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Lịch sử 10*, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh.

111. Trịnh Đình Tùng (Chủ biên) (2007), *Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Lịch sử 11*, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh.

112. Trịnh Đình Tùng (Chủ biên) (2008), "*Trắc nghiệm hay tự luận trong môn Lịch sử ở trường phổ thông",* Tạp chí giáo dục, số 183, tr.27-29.

113. Trịnh Đình Tùng, Phạm Tiến Đông (2012), *Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông thực trạng và định hướng đổi mới*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam .

114. Trần Quốc Tuấn (2005), *"Định hướng nhiệm vụ nhận thức cho HS trong giờ học Lịch sử",* Tạp chí Giáo dục, số 11, tr.21-23.

115. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

116. Thái Duy Tuyên (2003), "*Bồi dưỡng NL tự học cho HS*", Tạp chí Giáo dục, số 74, tr13-14.

117. Thái Duy Tuyên (2003), *"Phát huy tính tích cực hoạt động nhận thức của người học",* Tạp chí Giáo dục, số 48, tr.13-14.

118. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

119. Vũ Ánh Tuyết (2013), *Nâng cao NL thực hành cho HS trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông (vận dụng qua dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1975, chương trình chuẩn)*, Luận án Tiến sĩ giáo dục, ĐHSP Hà Nội.

120. Lê Đình Trung, Phan Thị Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển NL người học ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

121. Trường ĐHSP Hà Nội, Viện nghiên cứu SGK quốc tế Georg Eckert, NXB Giáo dục (2004), "*SGK trong xã hội hiện đại"*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế.

122. Trường ĐHSP Hà Nội (2008) *"Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng dạy học lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông hiện nay"*, Kỉ yếu Hội thảo khoa học.

123. Trường ĐHSP Hà Nội (2016) *"Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử trong bối cảnh hiện nay"*, Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

124. Viện Ngôn ngữ học (2001), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

125. Vaghin A.A (1972), *Phương pháp giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông*, Tài liệu dịch, Thư viện Trường ĐHSP Hà Nội.

126. Tiêu Vệ (2004), *Phương pháp đọc sách có hiệu quả cao*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

127. Viện công nghệ máy tính, Tập đoàn Intel (2005), *Giáo trình Dạy học cho tương lai của Intel (Intel Teach to the Future)*.

128. Trần Thị Vinh (2012), *Một số vấn đề chương trình môn lịch sử trong hệ thống giáo dục của Mỹ và Canada*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.

129. Nghiêm Đình Vỳ (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn biên soạn SGK Lịch sử THCS*, Kỷ yếu Hội thảo *SGK trong xã hội hiện đại*.

130. Nghiêm Đình Vỳ (2012*), Một số suy nghĩ ban đầu về định hướng xây dựng chương trình và SGK môn lịch sử phổ thông sau năm 2015,* Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về DHLS ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.

131. Nghiêm Đình Vỳ, Phạm Đỗ Nhật Tiến (2016), *Cải cách giáo dục - Một số vấn đề chung và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

132. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

133. C. Bardy, Ph. Roden, D. Parks, K. Edwards (2003), Liberty For All ? 1820 – 1860: Teaching Guide for the Revised 3rd Edition, Published by Oxford University Press, New York, U.S.A.

134. S.G. Grant (2003), *History Lessons: Teaching, Learning, and Testing in U.S High School Classrooms*, Mahwah, New Jersey.

135. J.W. Loewen (2010), *Teaching What Really Happened: How to Avoid the Tyranny of Textbooks and Get Students Excited About Doing History*, Published by Teacher College, New York.

136. J.W. Loewen (2010), *Lies My Teacher Told Me: Everything Your American History Textbook Got Wrong* , Publised by arrangement with The New Press, U.S.A.

137. Yohuru Rashied Williams (2009), *Teaching U.S. History Beyond the Textbook: Six Investigative Strategies, Grades 5-12*, Printed in the U.S.A.

138. Sam Wineburg, Daisy Martin, and Chauncey Monte-Sano (2013), *Reading Like a Historian*, Published by Teacher College Press, New York, USA.

Tài liệu tiếng Nga

139. M.T Студеникин (2007), Современные технологии преподавателя истории в школе, Библиотека учителя истории, Москва.

140. M.B Короткова, M.T Студеникин (1999), Методика обучения истории в схемах, таблицах, описнях, Москва.

141.http://www.sferaznaniy.ru/11-klass/vseobshhaya-istoriya-xx-vek-uchebnik-dlya-11-klassa-zagladin-n-v.